

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 801/QĐ-TTg ngày 7/7/2022 về phê duyệt “Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030”; số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 về phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội Chương trình đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề cương “Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2024-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội tại Tờ trình số 503 /TTr-SNN ngày 31/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050” (có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan triển khai Đề án theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Kế hoạch

và Đầu tư; Công Thương; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Văn hóa và Thể thao; Du lịch; Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN& PTNT
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực HĐND Thành phố
- Chủ tịch UBND Thành phố
- Các PCT UBND Thành phố
- Văn phòng Thành ủy;
- VPUBTP: CVP; các PCVP, KTN, ĐT, TN&MT, KGVX, KTTH, TH;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Quyền

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-----o0o-----

ĐỀ ÁN
TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2025-2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

HÀ NỘI - 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN	1
II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	3
1. Văn bản pháp lý của Trung ương.....	3
2. Văn bản thành phố Hà Nội.....	5
III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN.....	6
1. Phạm vi Đề án	6
2. Đối tượng triển khai Đề án.....	6
PHẦN THỨ NHẤT	7
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN	
ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2018-2023	7
I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI.....	7
1. Điều kiện tự nhiên	7
2. Đặc điểm kinh tế	7
3. Đặc điểm xã hội.....	8
4. Đánh giá chung.....	9
II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG	
NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.....	10
1. Vai trò của làng nghề trong phát triển kinh tế - xã hội	10
2. Thực trạng bảo tồn và phát triển làng nghề.....	12
3. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện quy hoạch phát triển nghề, làng nghề	
thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	34
4. Đánh giá tình hình triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát	
triển làng nghề.....	36
III. KẾT QUẢ, TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ CƠ HỘI THÁCH THỨC	
TRONG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ	
NỘI GIAI ĐOẠN 2025 – 2030	40
1. Kết quả, tồn tại hạn chế trong phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà	
Nội giai đoạn 2018-2023.....	40
2. Cơ hội và thách thức trong phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội	
giai đoạn 2025-2030.....	41
PHẦN THỨ HAI	44
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP.....	44
THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA	
BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2025-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM	
2050	44
I. QUAN ĐIỂM.....	44
II. MỤC TIÊU	44
1. Mục tiêu chung.....	44

2. Các mục tiêu cụ thể	45
III. NỘI DUNG NHIỆM VỤ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ	46
1. Bảo tồn và phát huy giá trị, tôn vinh nghề nhân	46
2. Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống	47
3. Phát triển các làng nghề chủ lực gắn với tiềm năng thế mạnh của địa phương	49
4. Phát triển làng nghề mới	51
5. Phát triển các dịch vụ hỗ trợ và nâng cao vai trò của các tác nhân liên quan	52
6. Các nhiệm vụ ưu tiên	53
IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	53
1. Quy hoạch làng nghề	53
2. Đẩy mạnh tuyên truyền vận động và nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với công tác Bảo tồn và phát triển làng nghề	53
3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề	54
4. Phát triển và ổn định nguyên liệu phục vụ cho các làng nghề	56
5. Cải thiện điều kiện sản xuất và bảo vệ môi trường làng nghề	57
6. Thực hiện hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng Khoa học Công nghệ vào sản xuất	59
7. Phát triển hệ thống cung cấp các dịch vụ hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề	61
8. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu gắn với phát triển sản phẩm OCOP	62
9. Đẩy mạnh phát triển làng nghề gắn với du lịch phù hợp với phát triển kinh tế xã hội của địa phương	63
10. Chuyển đổi số cho các làng nghề	65
11. Tăng cường xã hội hóa nguồn lực thực hiện Đề án	66
V. NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN	67
1. Nguồn lực triển khai thực hiện Đề án	67
2. Lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình, dự án	67
3. Huy động các nguồn lực khác	67
VI. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN	67
1. Hiệu quả Kinh tế	67
2. Hiệu quả Xã hội	67
3. Hiệu quả Môi trường	68
PHẦN THỨ BA	69
TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN	69
I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN	69
1. Giai đoạn 2025-2030	69
2. Giai đoạn 2031-2050	69
II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	70
1. Các Sở, ban, ngành thành phố Hà Nội	70

2. UBND các quận, huyện, thị xã.....	74
III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	74
1. Với Trung ương.....	74
2. Với Thành ủy và HĐND Thành phố.....	75
PHẦN PHỤ LỤC	76
Phụ lục 1. Danh sách làng nghề đã được công nhận trên địa bàn Thành phố tính đến hết năm 2023	76
Phụ lục 2. Danh sách làng nghề truyền thống được công nhận trên địa bàn thành phố tính đến hết năm 2023	85
Phụ lục 3. Danh sách các làng nghề, làng nghề truyền thống đã mai một và có nguy cơ mai một đến hết năm 2023	87
Phụ lục 4. Danh sách các làng nghề có tiềm năng gắn với phát triển du lịch.....	91

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐỀ ÁN

Ngành nghề nông thôn, làng nghề truyền thống có lịch sử hình thành lâu đời và giữ vai trò quan trọng, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn giá trị văn hóa khu vực nông thôn. Công tác phát triển ngành nghề nông thôn thời gian qua đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Hiện cả nước có trên 817.000 cơ sở tham gia sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn¹. Tổng doanh thu từ các hoạt động ngành nghề nông thôn đạt 240 nghìn tỷ đồng. Mức độ tăng trưởng xuất khẩu các sản phẩm từ ngành nghề nông thôn trong những năm qua tăng bình quân khoảng 10%/năm. Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng chủ lực là thủ công mỹ nghệ đạt xấp xỉ 2,2 tỷ USD. Ngành nghề nông thôn hiện thu hút trên 3,5 triệu lao động tham gia, tạo việc làm, sinh kế cho hàng triệu hộ gia đình ở nông thôn. Bên cạnh đó, phát triển ngành nghề nông thôn, nhất là các ngành nghề, làng nghề truyền thống còn góp phần tạo điều kiện để các địa phương, cộng đồng nông thôn tôn vinh, phát huy bản sắc văn hóa vùng, miền, dân tộc gắn với phát triển du lịch, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động ở nông thôn.

Phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn là nội dung quan trọng trong các định hướng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại nội dung trọng tâm số 3 về *“Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn”* đã xác định rõ nhiệm vụ: *“Phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn, đầu tư phát triển làng nghề, thực hiện bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; đẩy mạnh thực hiện hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống; chú trọng đào tạo, tôn vinh nghệ nhân ở nông thôn”*.

Tại Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/09/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, về quan điểm phát triển đã nhấn mạnh: *“Hoạt động ngành nghề nông thôn là lĩnh vực nhiều tiềm năng, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới toàn diện, bền vững; phát triển ngành nghề nông thôn hiệu quả, bền vững, gắn với tăng trưởng xanh, sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết, ứng dụng khoa học công nghệ (KHCN); bảo tồn, khôi phục và gìn giữ các giá trị văn hóa lịch sử truyền thống, không gian nông thôn”*. Chiến lược xác định tập trung bảo tồn, khôi phục các làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền gắn với du lịch; xây dựng các kênh phân phối, giới thiệu sản phẩm làng nghề; phong tặng, tôn vinh,

¹ Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, người lao động trong làng nghề truyền thống.

Mặt khác, Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/07/2022, về quan điểm phát triển cũng nêu rõ: “*Bảo tồn và phát triển làng nghề có vai trò quan trọng trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn, tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân; bảo vệ giữ gìn cảnh quan nông thôn của làng nghề, đóng góp vào xây dựng nông thôn mới; phát triển làng nghề gắn với thị trường hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu, gắn với tăng trưởng xanh, phát triển mô hình sản xuất tuần hoàn khép kín, tiết kiệm nguyên liệu, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu*”. Chương trình có mục tiêu đến 2030 khôi phục được ít nhất 208 làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền trên phạm vi cả nước, phát triển trên 300 làng nghề truyền thống; có ít nhất 50% số sản phẩm làng nghề được bảo hộ thương hiệu; trên 80% làng nghề truyền thống hoạt động có hiệu quả.

Hà Nội với 1.350 làng nghề và làng có nghề, trong đó đến hết năm 2023 có 327 làng nghề, làng nghề truyền thống được UBND Thành phố công nhận, hội tụ 47 trong tổng số 52 nghề truyền thống của cả nước, thuộc địa bàn 24/30 quận, huyện, thị xã gồm: 268 làng được công nhận danh hiệu Làng nghề, 59 làng được công nhận danh hiệu Làng nghề truyền thống thuộc 06 nhóm nghề. Thành phố hiện có 745/2.711 sản phẩm OCOP (chiếm 27,48 %) là sản phẩm của các làng nghề, làng có nghề. Doanh thu của 327 làng nghề đã được UBND Thành phố công nhận ước đạt trên 24.000 tỷ đồng, một số làng nghề có doanh thu cao như: Làng nghề bánh kẹo dẹt kim La Phù đạt trên 1.300 tỷ đồng; Làng nghề cơ khí nông cụ Phùng Xá đạt 1.200 tỷ đồng; Làng nghề truyền thống mỹ nghệ Thiết Úng đạt 1.100 tỷ đồng; Làng nghề điêu khắc mỹ nghệ Sơn Đồng đạt trên 1.000 tỷ đồng; Làng nghề chế biến nông sản thực phẩm Minh Khai đạt trên 1.000 tỷ đồng; Làng nghề đồ mộc - may thôn Hữu Bằng đạt gần 1.000 tỷ đồng; 02 làng nghề giấy da thôn Giẽ Thượng, Giẽ Hạ, xã Phú Yên đạt 500-700 tỷ đồng. Sản phẩm của các làng nghề đa dạng về chủng loại, mẫu mã đẹp, chất lượng tốt, một số có thể mạnh cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Các làng nghề đã, đang góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế nông thôn, tạo tiền đề thực hiện thành công Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố.

Bên cạnh nhiều thành tựu đạt được song công tác bảo tồn và phát triển làng nghề trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, phát triển thiếu bền vững. Mẫu mã, bao bì, nhãn mác còn chưa đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng, nhất là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Việc quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm chưa đáp ứng tình hình mới. Tình trạng ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề có xu hướng ngày càng nghiêm trọng. Phát triển vùng, nguồn nguyên liệu thiếu bền vững; nhiều làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một; công tác phát triển làng nghề chưa gắn với phát triển du lịch nông thôn; thu nhập của lao động còn thấp; cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ

sản xuất lạc hậu, ứng dụng KHCN và chuyển đổi số còn hạn chế; phát triển theo chuỗi giá trị sản phẩm ít cả về số lượng, chất lượng, thiếu tính bền vững. Thiếu ý tưởng thiết kế sáng tạo và phát triển sản phẩm mới, nhất là đối với khu vực sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống; thiếu đội ngũ lao động có kỹ năng, tay nghề cao và am hiểu về thị trường. Danh tiếng, thương hiệu của sản phẩm trên thị trường còn hạn chế.

Sản phẩm của làng nghề, làng nghề truyền thống của Thành phố còn nhiều tiềm năng lợi thế và dư địa để phát triển với số lượng lớn làng nghề, sản phẩm đa dạng, gắn với sự phong phú, độc đáo về lịch sử, văn hóa, xã hội và đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi. Bên cạnh đó, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng cho phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn. Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng với 15 Hiệp định thương mại tự do được ký kết, yêu cầu về chất lượng, mẫu mã sản phẩm, minh bạch nguồn gốc xuất xứ, bảo vệ môi trường ngày càng được người tiêu dùng quan tâm. Quốc hội đã thông qua Luật Thủ đô tạo cơ hội bứt phá mạnh mẽ cho Hà Nội; Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Điều chỉnh quy hoạch chung thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 có tác động đến quy hoạch phát triển làng nghề của Thành phố thời gian tới là một trong những nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế Thủ đô.

Trên cơ sở phân tích yêu cầu của thực tiễn, khung cơ sở pháp lý, việc xây dựng và triển khai thực hiện **“Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050”** đóng vai trò quan trọng và cấp thiết, vừa góp phần thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các Chương trình phát triển kinh tế xã hội, vừa góp phần bảo tồn văn hóa truyền thống, giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động tại các làng nghề, làng có nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hà Nội.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Văn bản pháp lý của Trung ương

- Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/05/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/06/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10;
- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/09/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa;

- Nghị định số 52/NĐ/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

- Nghị định số 93/2023/NĐ-CP ngày 25/12/2023 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể;

- Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/03/2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

- Nghị định số 43/2024/NĐ-CP ngày 19/04/2024 của Chính phủ về xét tặng danh hiệu “nghệ nhân nhân dân”, “nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ;

- Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/04/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/07/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình chuyên đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng tới nông thôn mới thông minh của giai đoạn 2021- 2025;

- Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/09/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

- Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28/06/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

2. Văn bản thành phố Hà Nội

- Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/03/2021 của Thành ủy Hà Nội về đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 09/NQ-TU ngày 22/02/2022 của Thành ủy Hà Nội về phát triển công nghiệp văn hoá trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Thông báo số 1420-TB/TU ngày 06/11/2023 của Thành ủy Hà Nội về kết luận của Trưởng Ban chỉ đạo Chương trình số 04-CTr ngày 17/3/2021 của Thành ủy tại Hội nghị Ban chỉ đạo Chương trình quý III/2023.

- Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề thành phố Hà Nội;

- Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội về ban hành quy định về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 02/03/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành định mức hỗ trợ kinh phí khi công nhận danh hiệu “Làng nghề, Nghề truyền thống và Làng nghề truyền thống” Hà Nội;

- Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 30/03/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 của thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 5616/QĐ-UBND ngày 03/11/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt, bãi bỏ Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi, Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội;

- Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 28/04/2023 của UBND thành phố Hà Nội về ban hành Danh mục, lộ trình và Kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường đối với các làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 3968/QĐ-UBND ngày 31/07/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề cương “Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2024-2030, tầm nhìn đến năm 2050”;

- Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 11/11/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-TU ngày 26/06/2016 của Ban Thường vụ thành ủy Hà Nội về phát triển du lịch Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo;

- Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 11/10/2021 của UBND thành phố Hà Nội về thực hiện Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/03/2021 của Thành ủy Hà Nội về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”;

- Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/03/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

- Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 04/03/2022 của UBND thành phố Hà Nội về du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025;

- Chương trình số 01/Ctr-UBND ngày 10/01/2024 của UBND thành phố Hà Nội về Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2024.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Phạm vi Đề án

Phạm vi của Đề án: Trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng triển khai Đề án

2.1. **Đối tượng thụ hưởng:** Doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, hộ gia đình đang hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ngành nghề nông thôn theo quy định của pháp luật tại các làng có nghề, làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2.2. **Đối tượng thực hiện:** Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chuyên môn cấp Thành phố, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn.

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2018-2023

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

Thành phố Hà Nội nằm ở vị trí trung tâm của vùng châu thổ sông Hồng, có diện tích tự nhiên gần 336 nghìn ha, chia thành 12 quận, 01 thị xã và 17 huyện, với 175 phường, 21 thị trấn và 382 xã (tính đến ngày 31/12/2023)². Là Thủ đô của cả nước, Hà Nội có điều kiện tự nhiên thuận lợi, có đầy đủ hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường sông, bảo đảm kết nối trong nước và quốc tế, là nơi hội tụ các điều kiện để phát triển thành trung tâm văn hóa - kinh tế - chính trị của cả nước.

Địa hình Hà Nội khá đa dạng với núi thấp, đồi và đồng bằng, trong đó diện tích đồng bằng chiếm 3/4 diện tích tự nhiên. Hà Nội có mùa đông lạnh ít mưa, mùa hè nóng mưa nhiều. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 và chiếm khoảng 80% lượng mưa cả năm. Mùa ít mưa từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, chủ yếu là mưa nhỏ và mưa phùn. Diện tích đất nông nghiệp chiếm 58,5% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong số các nhóm đất, đất phù sa chiếm 36,13%, đất đỏ vàng chiếm 14,44%, đất xám bạc màu chiếm 5,65%. Bên cạnh đó, Thành phố có tiềm năng lớn phát triển du lịch nhờ hệ sinh thái đa dạng, nhiều di tích danh lam thắng cảnh và du lịch tâm linh.

Nhờ điều kiện địa hình và khí hậu thuận lợi, có nguồn tài nguyên phong phú, có tiềm năng lớn về phát triển du lịch, thành phố Hà Nội có lợi thế lớn để phát triển đa dạng các ngành nghề nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là các làng nghề truyền thống đặc sắc vốn đã trở thành một dấu ấn đậm nét của Thủ đô Hà Nội nghìn năm văn hiến.

2. Đặc điểm kinh tế

Thủ đô Hà Nội là trung tâm đầu não về chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế. So với cả nước, Hà Nội đứng thứ hai về quy mô GRDP (sau thành phố Hồ Chí Minh), đứng thứ hai về thu nhập bình quân đầu người với 6,86 triệu đồng/tháng (đứng sau Bình Dương với 8,29 triệu đồng/tháng)³. Hà Nội đóng góp gần 13% GDP của cả nước; đóng góp 43% GRDP và 43,8% thu ngân sách của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Năm 2023, trong bối cảnh tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, hoạt động thương mại toàn cầu suy giảm, các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn về đầu ra, thị trường xuất khẩu, song tăng trưởng kinh tế của Hà Nội vẫn đạt 6,27%, trong đó khu vực dịch vụ tăng 7,26%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,29%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%; thuế sản phẩm trừ

² Niên giám Thống kê thành phố Hà Nội năm 2023.

³ Báo cáo kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2023 của Tổng cục Thống kê.

trợ cấp sản phẩm tăng 3,13%. GRDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành đạt 151,1 triệu đồng (tương đương 6.348 USD), tăng 4,3% so với năm 2022.

Cơ cấu kinh tế Thủ đô tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng khu vực công nghiệp, dịch vụ. Cụ thể, trong cơ cấu GRDP năm 2023, khu vực dịch vụ chiếm 64,06%; công nghiệp và xây dựng chiếm 23,65%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm 1,97%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,32%.

Trong những năm qua, khu vực dịch vụ ngày càng chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế của Thủ đô. Các hoạt động kinh doanh, du lịch, nhà hàng, khách sạn, vận tải, văn hóa, thông tin,... đóng góp nhiều vào tăng trưởng chung của Thành phố. Hoạt động sản xuất công nghiệp và xây dựng duy trì được tăng trưởng và tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

Sản xuất nông nghiệp có nhiều giải pháp hiệu quả, làm tốt công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Diện tích, cơ cấu các loại cây trồng tiếp tục có sự chuyển dịch theo hướng chuyên canh, tăng diện tích cây ăn quả đặc sản (như cam Canh, bưởi Diễn, nhãn, vải, ôi,...), cây cảnh có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện canh tác trên địa bàn. Chăn nuôi phát triển ổn định, dịch bệnh được kiểm soát, năng suất và sản lượng thịt hơi xuất chuồng tăng, bảo đảm nguồn cung thực phẩm và an sinh xã hội. Tốc độ tăng trưởng (GRDP) nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2023 trên địa bàn Thành phố tăng 2,74% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2023 (theo giá so sánh) đạt 41.681 tỷ đồng, tăng 2,71% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 38.023 tỷ đồng, tăng 2,67%, chia ra: Giá trị sản xuất trồng trọt đạt 16.318 tỷ đồng, tăng 0,70% so với cùng kỳ năm trước; Giá trị sản xuất chăn nuôi 20.810 tỷ đồng, tăng 4,30%; Giá trị sản xuất dịch vụ nông nghiệp 895 tỷ đồng, tăng 2,21% so với cùng kỳ; Giá trị sản xuất thủy sản đạt 3.566 tỷ đồng, tăng 3,31% so với cùng kỳ; Giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 92 tỷ đồng, giảm 2,71%. Về cơ cấu: Giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 90,44%; thủy sản chiếm 9,29%; lâm nghiệp chiếm 0,27%.

Chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô ngày càng được cải thiện. Năng suất lao động năm 2023 đạt 320,9 triệu đồng/lao động (giá hiện hành), gấp 1,6 lần bình quân cả nước. Theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,3% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2023 đạt 73,2%, cao hơn 1,0 điểm % so với năm 2022). Thành phố tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong nhiều lĩnh vực như đăng ký doanh nghiệp và đầu tư, đất đai, thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội... góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế của Thành phố phát triển.

3. Đặc điểm xã hội

Dân số trung bình năm 2023 của thành phố Hà Nội là 8.587,1 nghìn người, tăng 1,8% so với năm 2022, trong đó dân số khu vực thành thị chiếm 49,1%; khu vực nông thôn chiếm 50,9%. Chia theo giới tính, dân số nam chiếm 49,7%; dân số nữ chiếm 50,3%. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 4.015 nghìn người, chiếm

47,8% dân số toàn Thành phố; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 73,2% (thành thị đạt 84,7% và nông thôn đạt 63,9%), cao hơn 1,0 điểm % so với năm 2022.

Thị trường lao động việc làm có nhiều chuyển biến tích cực. Trong năm 2023, Thành phố đã giải quyết việc làm cho 214,3 nghìn lao động, đạt 132,2% kế hoạch giao trong năm, tăng 5,6% so với năm 2022, trong đó: 19,7 nghìn người nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại các phiên, sàn giao dịch việc làm; 5,2 nghìn người được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động (chủ yếu làm việc tại Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc); 149,1 nghìn người có việc làm qua hình thức cung ứng dịch vụ việc làm từ các doanh nghiệp và hình thức khác.

Với gần 6.000 di tích, 1.350 làng nghề và làng có nghề, Hà Nội mang trong mình những giá trị văn hóa hơn 1.000 năm văn hiến, với các di tích văn hóa vật thể, phi vật thể độc đáo và đa dạng, thu hút được nhiều lượt khách du lịch trong nước, quốc tế. Cùng với đó, khu vực ngoại thành với nhiều nguồn tài nguyên tự nhiên phong phú, phù hợp để Thủ đô phát triển nhiều loại hình du lịch giải trí, du lịch thể thao, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp...

4. Đánh giá chung

Là địa phương có dân số đông và nhiều đơn vị hành chính, bên cạnh những thuận lợi thì Hà Nội cũng đối mặt với một số khó khăn, thách thức trong phát triển nông nghiệp, nông thôn cũng như phát triển các làng nghề gắn với sản xuất nông nghiệp ở khu vực nông thôn. Cụ thể:

4.1. Thuận lợi

- Hà Nội là trung tâm chính trị hành chính quốc gia, đầu mối giao thương bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường sông tỏa đi các vùng khác trong cả nước và quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu thông hàng hoá, phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển làng nghề nói riêng. Bên cạnh đó, Hà Nội còn là trung tâm văn hoá của cả nước với đa dạng loại hình văn hóa dân gian mang tính lịch sử, nhiều di sản văn hóa và các loại hình sinh thái được phân bố ở khắp các quận, huyện, thị xã đã giúp cho địa phương thu hút được số lượng lớn khách du lịch, tăng thêm thu nhập cho người dân.

- Với lợi thế số lượng làng nghề lớn, việc phát triển ngành nghề, làng nghề đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn, tạo ra hàng hóa có giá trị kinh tế cao, cải thiện đời sống nhân dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, khoảng cách thu nhập giữa lao động nông thôn và thành thị ngày càng thu hẹp. Đồng thời, sự phát triển của làng nghề còn tạo điều kiện kết nối cộng đồng, gìn giữ những giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, lưu giữ những tinh hoa, lưu truyền từ đời này sang đời khác.

- Hà Nội có lực lượng nghệ nhân, thợ giỏi dồi dào, các nghệ nhân chính là linh hồn của làng nghề, là hạt nhân bảo tồn di sản, gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống của các làng nghề được truyền từ đời này sang đời khác. Đây cũng là lực lượng đào tạo thế hệ kế cận, lực lượng lao động cho các làng nghề.

- Dân số Hà Nội lớn, theo số liệu thống kê, tính đến hết tháng 9 năm 2023, dân số Hà Nội đạt 8.499.038 người, đứng thứ 2 cả nước, chiếm khoảng 8,5% tổng dân số Việt Nam. Mặt khác, hàng năm đón gần 20 triệu lượt khách du lịch nội địa, trên 4 triệu lượt khách quốc tế do vậy đây là thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn cho các làng nghề.

- Hà Nội tập trung nhiều trường đại học, cao đẳng, là nguồn đào tạo nhân lực chất lượng cao cho Thủ đô nói chung và làng nghề nói riêng. Tỷ lệ lao động trên 15 tuổi được đào tạo nghề theo từng lĩnh vực tương đối cao đã bổ sung cho các ngành xây dựng, dịch vụ, nông lâm ngư nghiệp với lực lượng lao động dồi dào, chất lượng.

4.2. Khó khăn

- Địa hình Hà Nội khá đa dạng, diện tích Thành phố là đồng bằng nhưng thấp dần theo dòng chảy của sông Hồng nên gây khó khăn trong quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ đô thị hóa ở khu vực cận đô nhanh, phát sinh nhiều vấn đề xã hội tạo nên áp lực hạ tầng, tình trạng thiếu nước sạch cục bộ, ngập úng, ô nhiễm môi trường vẫn là những vấn đề cần giải quyết trong bối cảnh dân số ngày càng tăng cao.

- Tốc độ đô thị hóa nhanh làm cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp và làng nghề ngày càng bị thu hẹp, nhiều lao động mất việc làm hoặc chuyển sang ngành nghề khác. Thu nhập lao động tại các làng nghề tuy cao hơn mặt bằng thu nhập lao động nông thôn song vẫn chưa đảm bảo thu hút được lực lượng lao động trẻ đặc biệt là lao động có trình độ dẫn đến tình trạng thiếu lao động giỏi, tay nghề cao. Mặt khác, sự say nghề, yêu nghề của lao động trẻ tại các làng nghề hiện nay chiếm tỷ lệ nhỏ, điều này là khó khăn trong việc duy trì, phát triển nghề truyền thống khi “cha truyền” nhưng “con không nối” dẫn đến nhiều làng nghề, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền.

- Tình trạng thiếu hụt nguyên liệu đang diễn ra tại nhiều làng nghề do nhu cầu sản xuất, chế biến sản phẩm tăng cao, trong khi các vùng nguyên liệu ngày càng bị thu hẹp. Nguồn nguyên liệu tại chỗ hiện mới đáp ứng một phần nhỏ nguồn cung cho sản xuất, phần lớn nguyên liệu sản xuất cho các làng nghề Hà Nội đều được thu mua từ các tỉnh hoặc nhập khẩu ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của làng nghề.

II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1. Vai trò của làng nghề trong phát triển kinh tế - xã hội

Thành phố có quy mô số làng nghề lớn nhất cả nước, với khoảng 1.350 làng nghề và làng có nghề (tính đến hết năm 2023), trong đó có 327 làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận, được phân bố trên 24 quận, huyện. Chính vì vậy bảo tồn và phát triển làng nghề có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, chuyên dịch cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân, là nơi gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, kết nối thúc đẩy phát triển du lịch của Thủ đô với khu vực và thế giới. Cụ thể:

- *Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn:* Doanh thu của 327 làng nghề, làng nghề truyền thống toàn Thành phố tính hết năm 2023 đạt trên 24.000 tỷ đồng/năm, trong đó có khoảng 20 làng nghề có doanh thu trên 50 tỷ đồng, khoảng 70 làng nghề có doanh thu từ 20-50 tỷ đồng và khoảng 100 làng nghề đạt doanh thu từ 10-20 tỷ đồng/năm⁴. Cơ cấu các nhóm ngành kinh tế chuyên dịch tích cực theo hướng tăng mạnh nhóm ngành phi nông nghiệp, giảm mạnh đối với khu vực nông nghiệp.

- *Giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân:* Các làng nghề hiện thu hút khoảng 800 nghìn lao động tham gia làm việc⁵. Thu nhập GRDP bình quân đầu người của Thành phố đạt 151,1 triệu đồng năm 2023, tăng gấp 2,82 lần so với năm 2010⁶. Thu nhập của lao động phổ thông làm việc tại các làng nghề hiện đạt dao động từ 5-8 triệu đồng/lao động/tháng⁷. Hiện nay, nhiều làng nghề sản xuất hàng xuất khẩu của Hà Nội đã thu hút trên 70% lao động phi nông nghiệp, hạn chế lao động di dời từ nông thôn ra thành thị tìm việc, đem lại giá trị sản xuất vượt trội so với nông nghiệp, tổng thu nhập từ làm nghề chiếm tới 70-80%⁸.

- *Góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống dân tộc:* Thành tựu của phát triển làng nghề của Thành phố thời gian qua có đóng góp quan trọng vào bảo tồn, lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống, thúc đẩy kết nối phát triển du lịch và quảng bá, kết nối các giá trị văn hóa truyền thống với các nước trong khu vực và trên thế giới. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của Thủ đô được thể hiện qua các sản phẩm làng nghề, quy trình kỹ thuật, thao tác làm nghề, những phong tục, tập quán, các lễ hội truyền thống và không gian cảnh quan... được khôi phục, gìn giữ và phát triển.

- *Thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ:* Thành tựu trong bảo tồn và phát triển làng nghề đã tác động tích cực đến phát triển du lịch của Thành phố những năm qua. Nhiều làng nghề truyền thống có lịch sử hình thành và phát triển trên hàng trăm năm được du khách trong nước và quốc tế biết đến như: Gốm sứ Bát tràng, lụa Vạn Phúc, sơn mài Hạ Thái, mây tre đan Phú Vinh, may áo dài Trạch Xá, dát vàng, bạc, quỳ Kiều Ky, Khảm trai Chuyên Mỹ, Tò he Xuân La... Bên cạnh đó, nhiều mô hình làng nghề truyền thống gắn với du lịch thu hút nhiều lượt khách thăm quan trong nước và quốc tế, đóng góp cho phát triển kinh tế địa phương, điển hình là mô hình du lịch làng nghề gốm sứ Bát Tràng và làng nghề dệt lụa Vạn Phúc. Hà Nội, với danh xưng là đất trăm nghề, phát triển du lịch làng nghề có tiềm năng, lợi thế rất lớn, có đóng góp quan trọng vào phát triển du lịch Thủ đô trong giai đoạn tới.

⁴ Báo cáo quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁵ Tạp chí công sản: Báo cáo tổng hợp quy hoạch thủ đô thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

⁶ Cục Thống kê Thành phố, 2023

⁷ Báo cáo quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

⁸ <https://congthuong.vn/lang-nghe-ha-noi-phat-trien-san-pham-xuat-khau-40617.html>

2. Thực trạng bảo tồn và phát triển làng nghề

2.1. Số lượng nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Tính đến năm 2023, Hà Nội hiện có 1.350 làng nghề và làng có nghề, trong đó đã công nhận được 327 làng nghề, làng nghề truyền thống (bằng 24,2%). Trong số các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận, nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ là 200 làng (chiếm 61,2%); nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản 70 làng (chiếm 21,4%); nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ có 22 làng (chiếm 6,7%); nhóm xử lý chế biến, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn với 16 làng nghề (chiếm 4,89%); nhóm sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh có 14 làng nghề (chiếm 4,28%); nhóm các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn có 05 làng nghề (chiếm 1,53%). Cụ thể như sau:

(1) *Về nghề truyền thống*: Hà Nội tập trung số lượng nghề truyền thống quy mô lớn và đa dạng. Thành phố đã lập danh mục 175 di sản nghề thủ công truyền thống cần bảo tồn, gìn giữ. Trong đó, Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND Thành phố về việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thành phố Hà Nội đến năm 2025 đã xác định danh mục 28 nghề thủ công truyền thống ưu tiên thực hiện. Mặc dù vậy, công tác xét công nhận nghề truyền thống còn gặp khó khăn (tính đến hết 2023 chưa có nghề truyền thống nào được công nhận). Nguyên nhân chủ yếu là chưa có nghề gắn với nghề; một số nghề như nghề sinh vật cảnh, dịch vụ chưa đáp ứng đủ tiêu chí về số năm theo quy định; nhiều nghề đã bị mai một số lượng hộ sản xuất còn rất ít, nhiều quận/huyện chậm rà soát, hoàn thiện hồ sơ xét công nhận,...

(2) *Về số làng nghề*: Thành phố Hà Nội có 268 làng nghề đã được công nhận thuộc 6 nhóm ngành nghề, trong đó nhiều nhất là các làng nghề thuộc nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ có 175 làng (chiếm 65,3% tổng số làng nghề được công nhận); nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có 54 làng (chiếm 20,15% tổng số làng nghề được công nhận). Đặc biệt các năm gần đây với sự chỉ đạo sát sao của Thành phố và sự quan tâm của các quận, huyện, thị xã số lượng làng nghề được công nhận tăng nhanh (giai đoạn 2018-2023) có 14 làng nghề được công nhận (*Chi tiết tại phụ lục 01*).

(3) *Về số làng nghề truyền thống*: Thành phố Hà Nội có 59 làng nghề truyền thống đã được công nhận thuộc 6 nhóm ngành nghề, trong đó tập trung nhiều nhất là các làng nghề thuộc nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ có 24 làng (chiếm 40,7% tổng số làng nghề truyền thống được công nhận); nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản có 17 làng (chiếm 28,8% tổng số làng nghề truyền thống được công nhận); nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ có 11 làng (chiếm 18,6% tổng số làng nghề truyền thống được công nhận) (*Chi tiết tại Phụ lục 02*).

2.2. Thực trạng bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề truyền thống

2.2.1. Công tác hỗ trợ bảo tồn nghề, làng nghề truyền thống

Tính đến hết năm 2023, Thành phố đã công nhận 327 làng nghề, làng nghề truyền thống, trong đó giai đoạn 2018 – 2023, có 18 làng nghề truyền thống được xét công nhận. Thành phố đã lập danh mục 28 nghề truyền thống cần ưu tiên bảo tồn, trong đó 9 tháng đầu năm 2024, Thành phố đã xét công nhận 05 nghề truyền thống⁹. Có được kết quả này, thời gian qua Thành phố đã xây dựng và triển khai nhiều nhiều chương trình hỗ trợ sản xuất, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm của làng nghề. Nhằm thúc đẩy quảng bá tiêu thụ sản phẩm OCOP của làng nghề, hàng năm Thành phố ban hành chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại du lịch, tập trung hỗ trợ tổ chức các sự kiện, hội chợ, hội thảo, tuần hàng nhằm thúc đẩy phát triển các hoạt động dịch vụ thương mại, kết nối giao thương, xúc tiến thương mại, kích cầu tiêu dùng, hỗ trợ các chủ thể sản phẩm OCOP sản xuất kinh doanh đẩy mạnh sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng, khuyến khích phát triển sản phẩm hàng hóa gắn với các loại hình thương mại, dịch vụ điện tử, văn minh, hiện đại.

Bên cạnh đó, đầu tư xây dựng không gian quảng bá tiêu thụ sản phẩm làng nghề được quan tâm thực hiện. Đến nay, Thành phố đã phát triển trên 85 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, tạo điều kiện để người tiêu dùng Thủ đô nhận diện và tiêu thụ sản phẩm OCOP. UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 25/10/2022 về Phát triển Trung tâm Thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch tại các huyện, thị xã giai đoạn đến năm 2025, theo đó đến năm 2025 phấn đấu phát triển 18 mô hình trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch. Tính đến hiện tại, đã có 10 mô hình Trung tâm được phê duyệt đầu tư.

Công tác phát triển hội, hiệp hội làng nghề, đào tạo truyền nghề được Thành phố quan tâm hỗ trợ triển khai thực hiện có hiệu quả. Tính đến tháng 8/2024, Thành phố đã phê duyệt, hỗ trợ thành lập 47 hội làng nghề (tăng 24 hội so với năm 2020), 03 hiệp hội, và 07 câu lạc bộ làng nghề. Hiệp hội, hội, câu lạc bộ làng nghề thời gian qua đã có nhiều hoạt động tích cực hỗ trợ các thành viên của hội trong phát triển sản xuất, kết nối, quảng bá sản phẩm. Đóng góp của hiệp hội, hội, câu lạc bộ vào bảo tồn các giá trị của làng nghề ngày càng quan trọng. Công tác đào tạo nghề, truyền nghề đạt nhiều kết quả tích cực, đóng góp vào công tác bảo tồn, phát triển chung các làng nghề.

Khôi phục và bảo tồn nhiều văn hóa truyền thống làng nghề có giá trị có nguy cơ bị mai một, thất truyền. Công tác rà soát, đánh giá các làng nghề truyền thống, các giá trị văn hóa truyền thống làng nghề có nguy cơ mai một được triển khai tích cực, tạo cơ sở cho xây dựng kế hoạch hỗ trợ bảo tồn. Kết quả rà soát đã chỉ ra, hiện trên địa bàn Thành phố có khoảng 97 làng nghề, làng nghề truyền

⁹ Nghề sản xuất các sản phẩm từ Cốm phố Hàng Than; Nghề đúc đồng Ngũ Xã; Nghề làm Diều sáo Làng Bá Dương Nội; Nghề Kim hoàn, đậu bạc Định Công; Nghề Đậu phụ mơ Mai Động

thông đã bị mai một hoặc hoạt động kém hiệu quả, có nguy cơ bị mai một, trong đó 37 làng nghề, làng nghề truyền thống đã bị mai một (gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, thêu, dệt, cơ khí nhỏ...), 60 làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động kém hiệu quả, có nguy cơ bị mai một (mây tre đan, thêu, dệt; bảo quản, chế biến nông sản...).

Mặc dù vậy, công tác hỗ trợ bảo tồn nghề, làng nghề truyền thống hiện gặp một số khó khăn chính như: Nhận thức của các cấp chính quyền, các tác nhân về tầm giá trị và tầm quan trọng trong công tác bảo tồn, phát triển các giá trị truyền thống làng nghề thời gian qua chưa được quan tâm đúng mức; quy định tiêu chí công nhận làng nghề theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ với yêu cầu phải có tối thiểu 20% số hộ trên địa bàn tham gia chưa phù hợp với thực tế ở Hà Nội và với điều kiện của các làng có nghề truyền thống độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc đang có nguy cơ mai một cần được bảo tồn và phát triển trở lại; chưa có quy định, hướng dẫn tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của làng nghề; thiếu giải pháp hiệu quả cho bảo tồn. Kỹ thuật công nghệ hỗ trợ phục hồi các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể còn hạn chế; chưa có cơ chế chính sách hỗ trợ thỏa đáng nhằm khuyến khích phát triển lực lượng đội ngũ nghề nhân, thợ giỏi tại các làng nghề.

Bên cạnh đó, việc duy trì, mở rộng quy hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều làng nghề gặp nhiều khó khăn, thách thức do thiếu chủ động nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, năng lực đổi mới thiết kế mẫu mã bảo bì sản phẩm, chất lượng, trình độ của lao động còn hạn chế, vẫn dựa chủ yếu vào lao động thủ công, tay nghề thấp (*Chi tiết tại Phụ lục 03*)

2.2.2. Công tác phong tặng, tôn vinh nghệ nhân

Công tác phong tặng, tôn vinh nghệ nhân làng nghề đã được Thành phố quan tâm thực hiện sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25/12/2014 về xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ. Thành phố Hà Nội đã ban hành quy định và chính sách hỗ trợ công nhận danh hiệu nghệ nhân nhằm ghi nhận, biểu dương và tôn vinh công lao đóng góp của những nghệ nhân, thợ giỏi đang cống hiến tài năng, trí tuệ, sức lực cho việc khôi phục, gìn giữ và phát triển nghề, làng nghề truyền thống. Tính đến hết năm 2023, Thành phố có 351 nghệ nhân, gồm: 16 nghệ nhân nhân dân, 51 nghệ nhân ưu tú, 284 nghệ nhân Hà Nội¹⁰ (trong đó có một số nghệ nhân thuộc lĩnh vực văn hoá dân gian). Tuy nhiên các nghệ nhân được phong tặng chủ yếu là ngành thủ công mỹ nghệ.

Nhằm khuyến khích, động viên nghệ nhân, thợ giỏi tại các làng nghề nghiên cứu, sáng tạo phát triển sản phẩm, hàng năm Thành phố tổ chức nhiều hoạt động như Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tổ chức Hội thi thiết kế mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ; Hội thi sản phẩm làng nghề,... làm cơ sở vinh danh nghệ nhân, thợ giỏi, tạo tiền đề phát triển nghệ nhân. Bên cạnh đó, thành phố Hà Nội cũng quan tâm tổ chức cuộc thi tay nghề tại các sự kiện du lịch

¹⁰ Chi Cục PTNT TP Hà Nội, 2024

để thu hút sự quan tâm của khách du lịch, quảng bá nghề truyền thống và vinh danh các nghệ nhân, thợ giỏi, thợ thủ công trong quá trình sản xuất tại làng nghề, làm sống dậy các nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống; thúc đẩy bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Việc tôn vinh nghệ nhân không chỉ khích lệ, động viên tinh thần các cá nhân, tập thể tâm huyết giữ nghề truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc mà còn là xây dựng nòng cốt, tạo động lực thúc đẩy đào tạo nghề, truyền nghề và bảo tồn, phát triển kỹ năng nghề, làng nghề.

Tuy vậy, công tác phong tặng, tôn vinh nghệ nhân triển khai còn chậm và chưa thường xuyên. Việc phong tặng, tôn vinh nghệ nhân Thành phố mới triển khai đối với nhóm ngành thủ công mỹ nghệ. Thiếu chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với nghệ nhân được phong tặng để khuyến khích, tạo động lực cho nghệ nhân tâm huyết, gìn giữ, bảo tồn và phát triển nghề truyền thống. Mức đãi ngộ đối với nghệ nhân còn thấp so với một số nước trong khu vực và thế giới¹¹, nên chưa khuyến khích phát triển đội ngũ nghệ nhân tại các làng nghề.

2.2.3. Bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch

Phát triển du lịch làng nghề là nội dung được Thành phố thúc đẩy thực hiện những năm qua nhằm hỗ trợ bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống trên địa bàn Thủ đô. Tại Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 của UBND Thành phố về phê duyệt Đề án Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, đã chỉ ra danh mục dự án ưu tiên đầu tư, trong đó có 17 dự án phát triển làng nghề gắn với du lịch. Hiện có 02 mô hình làng nghề truyền thống đã áp dụng thành công mô hình phát triển làng nghề truyền thống, di tích văn hóa gắn với du lịch rất nổi tiếng là làng gốm sứ Bát Tràng và làng lụa Vạn Phúc.

Nhằm góp phần bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị của các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống thông qua hoạt động du lịch, Thành phố đã xây dựng tuyến du lịch và các sản phẩm trải nghiệm đặc thù gắn với các làng nghề và làng nghề truyền thống như: “*Con đường di sản Nam Thăng Long – Hà Nội*”, xây dựng sản phẩm du lịch chăm sóc sức khỏe “*Chữa lành – Tĩnh tâm – Dưỡng tuệ*”...nhằm kết nối, thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề.

Nhiều mô hình bảo tồn và phát triển làng nghề đã được các địa phương xây dựng và triển khai có hiệu quả tích cực, điển hình như quận Tây Hồ đã phê duyệt Đề án bảo tồn, phát triển làng nghề kết hợp với du lịch đối với 03 làng nghề truyền thống xôi Phú Thượng, đào Nhật Tân, quét cảnh Tứ Liên, xây dựng mô hình bảo tồn nghề truyền thống làm giấy dó; quận Hoàng Mai đang xây dựng Đề án bảo tồn, phát triển làng nghề kết hợp với du lịch trải nghiệm đối với làng nghề truyền thống bánh cuốn Thanh Trì,...

¹¹ Kinh nghiệm ở một số nước như Hàn Quốc, Nhật Bản... coi các nghệ nhân là các báu vật nhân văn sống và họ được chi trả mức phụ cấp hàng tháng (Nhật Bản 1.350 EUR/tháng) cũng như các chi phí y tế và dịch vụ xã hội miễn phí. Ở một số nước Châu Âu, các nghệ nhân còn được nhà nước tặng thưởng huân chương văn hóa hạng 3...Nghệ nhân sẽ là người được nhà nước chỉ định để đào tạo và truyền nghề cho các thế hệ kế cận. Hàng năm, nhà nước đài thọ toàn bộ kinh phí để tổ chức những chương trình tôn vinh nghệ nhân thông qua các lễ hội biểu diễn tay nghề, các triển lãm sản phẩm của nghệ nhân

Bên cạnh đó, Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 04/03/2022 về du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025, trong đó có 6 làng nghề được lựa chọn tham gia. Thành phố đã ban hành Quyết định công nhận 46 điểm du lịch và khu du lịch cấp Thành phố, trong đó có 18 điểm du lịch gắn với tài nguyên du lịch là làng nghề và làng nghề truyền thống (*Phụ lục số 04*). Bên cạnh đó, nhiều làng nghề chưa được Thành phố công nhận điểm du lịch song đã và đang có hoạt động đón khách du lịch, tuy nhiên đa phần là du lịch tự túc không qua các đơn vị lữ hành hoặc cơ quan quản lý về du lịch, hạ tầng các làng nghề này cơ bản chưa đáp ứng yêu cầu du lịch như làng nghề nón Chuông, mây tre đan Phú Vinh, nặn tò he Xuân La, mây tre đan Phú Túc,...

Thành phố ban hành Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/02/2022 về việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thành phố Hà Nội đến năm 2025, trong đó các nghề thủ công truyền thống được đưa vào các danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (08 nghề)¹², danh mục Di sản văn hóa phi vật thể ưu tiên bảo vệ (20 nghề)¹³.

Đến nay, có một số nghề truyền thống đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận thuộc danh mục di sản văn hóa cấp Quốc gia như nghề làm điều sáo làng Bá Dương Nội, xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng; nghề sản xuất các sản phẩm từ cốm Hàng Than, phường Nguyễn Trung Trực; Nghề đúc đồng Ngũ xã, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình; nghề ướp trà sen phường Quảng An, quận Tây Hồ,...; Thành phố đang tiếp tục xây dựng 02 hồ sơ khoa học về Nghề thủ công truyền thống đề nghị Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia gồm: Nghề làm xôi Phú Thượng (quận Tây Hồ), Nghề may Trạch Xá (huyện Ứng Hòa).

Công tác xét duyệt, công nhận điểm du lịch làng nghề được Thành phố quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện. Tính đến hiện tại có 07 làng nghề được Thành phố công nhận là điểm du lịch làng nghề¹⁴. Trong số đó, điển hình và thành công hiện nay là làng nghề Sinh vật cảnh xã Hồng Vân (huyện Thường Tín).

Nhằm thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề, Thành phố đã xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng các điểm quảng bá sản phẩm, Trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch tại các huyện, thị xã, tạo không gian để các nghệ nhân, thợ giỏi sáng tạo, trình diễn và quảng bá sản phẩm đến du khách và người tiêu dùng. Tính đến nay, Thành phố đã công nhận 10 mô hình Trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán

¹² Nghề cốm Mễ Trì, Nghề dát vàng bạc quý Kiều Ky, Nghề gốm sứ làng Bát Tràng, Nghề thêu truyền thống ở Đông Cứu, nghề ướp trà sen phường Quảng An, nghề dệt lụa Vạn Phúc, Nghề làm xôi Phú Thượng, Nghề may Trạch Xá

¹³ Nghề làm bánh cốm, Nghề đúc đồng Ngũ Xã, Nghề làm cốm Vòng, Nghề dệt lụa tơ tằm Vạn Phúc, Nghề rèn Đa Sỹ, Nghề kim hoàn Định Công, Nghề làm bánh cuốn Thanh Trì, Nghề bún Phú Đô, Nghề ướp chè sen làng Quảng Bá, Nghề làm nón làng Chuông, Nghề làm giò chả thôn Ước Lễ, Nghề mây tre giang đan Phú Vinh, Nghề gốm sứ Kim Lan, Nghề gỗ mỹ nghệ Thiết Ứng, Nghề Điêu khắc mỹ nghệ Sơn Đồng, Nghề khám trai làng Chuôn Ngọ, Nghề nặn tò he Xuân La, Nghề sơn mài Hạ Thái, Nghề làm đàn Đào Xá, Nghề may áo dài truyền thống làng Trạch Xá

¹⁴ Làng nghề mây Vân Từ, làng nghề Khảm trai Chuyên Mỹ, làng nghề giấy da Phú Yên (huyện Phú Xuyên), làng nghề sơn mài Hạ Thái, Làng nghề sinh vật cảnh Hồng Vân, làng nghề lược sừng Thụy Ứng, làng nghề mộc cao cấp Vạn Điểm (huyện Thường Tín).

sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch cấp xã. Trong khi đó, mô hình quy mô cấp huyện chưa được triển khai.

Phát huy giá trị văn hóa làng nghề mang đậm bản sắc văn hóa Thủ đô là nội dung quan trọng trong thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề. Các cấp, ngành đã triển khai nhiều hoạt động quan trọng như: Rà soát, công bố Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể thành phố Hà Nội với 175 di sản của các làng nghề truyền thống cần ưu tiên bảo vệ, gìn giữ. Công tác hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cảnh quan không gian làng nghề được lồng ghép trong nhiều chương trình, dự án. Hoạt động tôn tạo nhà thờ tổ nghề, các lễ hội nghề, ... đã được địa phương, hiệp hội, và các làng nghề đầu tư triển khai thực hiện, mang lại hiệu quả tích cực, tạo dấu ấn đậm nét, những câu chuyện lịch sử làng nghề... thu hút khách du lịch.

Mặc dù vậy, việc phát triển làng nghề gắn với du lịch chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Một số nguyên nhân chính như: Công tác quy hoạch, triển khai lập quy hoạch phát triển du lịch làng nghề còn chậm. Thiếu hạ tầng đồng bộ phát triển du lịch làng nghề (không gian trưng bày sản phẩm, điểm check - in, không gian nghỉ dưỡng, trải nghiệm,...); tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề ngày càng báo động; thiếu đa dạng trong thiết kế sản phẩm du lịch của làng nghề; thiết kế mẫu mã bao bì chậm đổi mới, chưa thu hút khách du lịch; nghiệp vụ du lịch tại các làng nghề còn thiếu (nghiệp vụ lễ tân đón khách; thuyết trình câu chuyện làng nghề, sản phẩm làng nghề...); việc kết nối giữa các làng nghề với các công ty, đơn vị lữ hành còn nhiều hạn chế, chưa xây dựng được nhiều tour du lịch làng nghề, công tác quảng bá, xúc tiến du lịch tại các làng nghề cũng chưa được quan tâm đúng mức.

2.3. Thực trạng phát triển làng nghề

2.3.1. Thực trạng các vùng nguyên liệu và cung ứng nguyên liệu cho làng nghề

Nguyên liệu có vai trò quan trọng đến sự phát triển bền vững đối với các làng nghề. Tuy nhiên hiện nay nguồn nguyên liệu tự nhiên đang bị suy giảm, thậm chí cạn kiệt do khai thác quá mức, thiếu tổ chức. Các vùng nguyên liệu nuôi trồng tập trung thiếu quy hoạch, bị thu hẹp do phải cạnh tranh với các loại cây trồng khác và chịu áp lực của quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Hầu hết các làng nghề đều thiếu nguyên liệu tại chỗ, phải thu mua từ nơi khác hoặc nhập khẩu, khiến giá thành sản phẩm tăng, sức cạnh tranh giảm. Thực trạng nguồn nguyên liệu một số nhóm ngành nghề như sau:

- *Nguyên liệu chế biến nông lâm thủy sản:* Thành phố đã xây dựng được trên 200 vùng sản xuất lúa tập trung với diện tích khoảng 40.000 ha canh tác, vùng rau an toàn quy mô 5.044 ha, vùng chăn nuôi tập trung tại 76 xã, vùng nuôi thủy sản quy mô đạt 7.220 ha. Nhìn chung nguyên liệu nông sản (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản) cung cấp cho các doanh nghiệp/HTX/cơ sở chế biến trên địa bàn thành phố rất hạn chế, chỉ đáp ứng khoảng 10% so với nhu cầu, trong khi đó khoảng 90% cơ sở chế biến nông sản hiện không tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào

cho sản xuất¹⁵. Chính vì vậy đối với nguyên liệu nông lâm thủy sản, đã hình thành kênh liên kết với trên 40 tỉnh, thành trong nước.

- *Nguyên liệu dệt, thêu*: Diện tích trồng dâu nuôi tằm giảm mạnh thời gian qua, giảm từ 500 ha năm 2010 xuống còn khoảng 22 ha hiện nay, quy mô sản lượng kén năm 2022 đạt 12 tấn, không đáp ứng nhu cầu nguyên liệu của các làng nghề. Do đó các doanh nghiệp, cơ sở tại các làng nghề đã phát triển các kênh thu mua nguyên liệu nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất, kinh doanh (làng nghề dệt lụa Vạn Phúc hiện liên kết với các vùng nguyên liệu tơ lớn là Lâm Đồng, Yên Bái). Đối với các làng nghề thêu ren, nguồn nguyên liệu sử dụng chủ yếu là vải thêu và chỉ thêu. Các làng nghề hiện tại một phần sử dụng vải do khách hàng cung cấp được nhập khẩu từ Trung Quốc, Italy, Anh, Pháp..., một phần sử dụng vải sản xuất trong nước (vải cotton, vải lụa,...). Chỉ thêu được sử dụng một phần là chỉ thêu trong nước (cotton Phong Phú), một phần là chỉ thêu nhập khẩu (DMC của Pháp).

- *Nguyên liệu mây tre*: Cung ứng tại chỗ hiện chỉ đáp ứng được khoảng 20% so với nhu cầu của các làng nghề¹⁶, 80% sản lượng nguyên liệu được thu mua từ các vùng khác (mây, tre, song, giang) và nhập khẩu (song, giang).

- *Nguyên liệu gốm sứ*: Phụ thuộc 100% nguyên liệu thu mua từ các tỉnh và nhập khẩu. Các làng nghề gốm sứ duy trì thu mua sản lượng nguyên liệu khoảng 600.000 tấn hàng năm, chủ yếu là đất sét, cao lanh từ các tỉnh Hải Dương, Phú Thọ,... và nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan, Anh,...

Phát triển vùng nguyên liệu tại chỗ cho các làng nghề trên địa bàn Thành phố hiện gặp nhiều khó khăn do một số nguyên nhân chính như: Thiếu quy hoạch ổn định, lâu dài cho các vùng nguyên liệu; quy mô vùng nguyên liệu một số sản phẩm (nông sản...) có nguy cơ ngày càng giảm do tác động từ quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Trong khi đó, phát triển kênh cung ứng nguyên liệu với các tỉnh, thành trên cả nước hiện thiếu chặt chẽ, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Thiếu cơ chế phối hợp đồng bộ giữa Thành phố với các tỉnh, thành và các nước nhập khẩu nguyên liệu để đảm bảo nguồn cung ổn định cho các làng nghề. Cơ sở hạ tầng hỗ trợ vận chuyển, tập kết, bảo quản nguyên liệu cho các làng nghề còn hạn chế, ảnh hưởng đến chi phí, chất lượng, hao hụt nguyên liệu. Thiếu công nghệ, máy móc đánh giá, phân tích chất lượng nguyên liệu đầu vào cho các làng nghề để giảm rủi ro do chất lượng nguyên liệu pha chế không đảm bảo, nhất là trong lĩnh vực gốm sứ, chế biến nông sản. Thiếu chợ đầu mối/trung tâm giao dịch cung ứng nguyên liệu, chất phụ trợ cho các làng nghề. Công tác nghiên cứu cải tạo giống cây cho năng suất cao, chất lượng tốt, có thời gian thu hoạch sớm đối với các giống cây trồng làm nguyên liệu sản xuất cho các làng nghề như: các loại mây, song; búp cọ, cây vầu,

¹⁵ Chi Cục QLCL NLTS thành phố Hà Nội: Báo cáo Điều tra, đánh giá thực trạng hệ thống chế biến sản phẩm nông sản, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực chế biến gắn với phát triển hạ tầng thương mại và đánh giá hoạt động tự công bố sản phẩm chế biến nông lâm thủy sản bao gói sẵn, đề xuất giải pháp nâng cao hoạt động quản lý nhà nước lĩnh vực ngành nông nghiệp của Tp Hà Nội năm 2020.

¹⁶ <https://vtv.vn/kinh-te/thieu-nguyen-lieu-tai-lang-nghe-truyen-thong-20231013135819021.htm>

nứa; gỗ; cây sơn... và du nhập các giống cây trồng có chất lượng cao từ các nước bạn (Trung Quốc, Singapore) chưa được các cấp quản lý quan tâm.

2.3.2. Địa điểm hoạt động và hạ tầng làng nghề

Địa điểm hoạt động sản xuất và kinh doanh của các làng nghề trên địa bàn Thành phố hiện phần lớn trong khu dân cư¹⁷, tập trung tại các huyện có nhiều làng có nghề như: Thường Tín (131 làng), Phú Xuyên (154 làng), Chương Mỹ (210 làng), Ba Vì (101 làng), Ứng Hòa (99 làng), Thanh Oai (39 làng), Quốc Oai (65 làng), Đan Phượng (63 làng), Phúc Thọ (60 làng),... Trong khi đó, quy mô số lượng các cơ sở ngành nghề nông thôn hoạt động tại các cụm công nghiệp (CCN) làng nghề còn hạn chế, khoảng 3.100 cơ sở. Loại hình sản xuất chủ yếu tại các làng nghề hiện là hộ cá thể quy mô nhỏ, số lượng doanh nghiệp, HTX chiếm tỷ lệ thấp, chủ yếu là doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ, siêu nhỏ.

Phát triển cơ sở hạ tầng làng nghề, thời gian qua Thành phố đã triển khai nhiều nội dung hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng (giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước,...) để tạo điều kiện cho phát triển sản xuất và lưu thông hàng hoá:

- Hạ tầng đường giao thông tại các xã cơ bản đồng bộ. Kết quả Chương trình Mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới (NTM) trên địa bàn Thành phố cho thấy, hiện Thành phố có 382/382 xã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025, trong đó có các tiêu chí về đường giao thông, điện. Trong giai đoạn 2011- 2023, Thành phố đã làm mới trên 368 km, nâng cấp cải tạo được trên 5.544 km đường giao thông nông thôn.

- Hạ tầng cung cấp điện, lưới điện được đầu tư, nâng cấp hoàn chỉnh liên kết mạch vòng với các trạm biến áp 500kV đảm bảo nhu cầu điện cho mọi hoạt động kinh tế, xã hội. Hệ thống lưới điện nông thôn từng bước hoàn thiện đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên ngành (đường dây trung thế xây dựng mới 1.668 km, cải tạo 1.660 km; đường dây hạ thế xây dựng mới 7.657 km, cải tạo 9.538 km; cáp ngầm 276 km, nâng cấp cải tạo 152 km; xây dựng mới 2.722 trạm biến áp, nâng cấp cải tạo 2.289 trạm biến áp,...).

- Hạ tầng bảo vệ môi trường làng nghề (hệ thống thoát nước tập trung, hệ thống xử lý nước thải tập trung, thu gom/tập kết chất thải rắn) đã từng bước được đầu tư, cải thiện. Thành phố đã đầu tư hệ thống thoát nước tập trung cho 187 làng nghề được công nhận, trong đó có 17 làng nghề có hệ thống xử lý nước thải tập trung hoặc thuộc phạm vi thu gom, xử lý nước thải của các nhà máy. Đối với 25 cụm công nghiệp (CCN) làng nghề đang hoạt động trên địa bàn Thành phố, hiện có 17/25 CCN đã có trạm xử lý nước thải, 01/25 CCN có nước thải đầu nối vào Nhà máy xử lý nước thải Cầu Ngà (CCN Dương Liễu); 07/25 CCN chưa có trạm xử lý nước thải.

¹⁷ Báo cáo thuyết minh xây dựng quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; kết quả điều tra làng nghề năm 2024 phục vụ xây dựng Đề án.

Mặc dù vậy, cơ sở hạ tầng cho phát triển làng nghề chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Diện tích mặt bằng sản xuất hiện chỉ đáp ứng được khoảng 30% so với nhu cầu của các cơ sở nghề; đường giao thông kết nối vào làng nghề, vùng nguyên liệu, chưa đáp ứng cho xe vận tải cỡ lớn; thiếu cơ sở hạ tầng kho lạnh bảo quản sản phẩm chế biến; thiếu không gian đổi mới sáng tạo cho làng nghề; hạ tầng phục vụ du lịch làng nghề (điểm check in, thăm quan, nghỉ ngơi...) chưa được quan tâm đầu tư. Hạ tầng các CCN đang hoạt động chưa đồng bộ, xuống cấp.

2.3.3. Tổ chức sản xuất

Phát triển các CCN, CCN làng nghề quy mô lớn, hạ tầng đồng bộ cho phát triển làng nghề được Thành phố quan tâm thực hiện. Tổng số có CCN đã đi vào hoạt động: 70 cụm, tổng diện tích theo quy hoạch là 1.686 ha (trong đó có 25 CCN làng nghề quy mô diện tích khoảng 216 ha). Hiện trạng có 1.392 ha đã đầu tư xây dựng hạ tầng, hoạt động ổn định; Các CCN đã thu hút được trên 4.000 hộ trên tổng số 175.889 hộ làng nghề trên địa bàn thành phố (chiếm tỷ lệ khoảng 2,3%), doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh, giải quyết được gần 80.000 lao động. Hiện các cơ sở sản xuất trong CCN hoạt động ổn định và có xu hướng tiếp tục phát triển. Một số ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của các cơ sở sản xuất đang hoạt động tại các CCN, bao gồm: Sản xuất vật liệu xây dựng và trang trí nội thất (gạch men, gạch bloc, gốm sứ,...); Sản xuất và chế biến thực phẩm (bia, rượu, nước giải khát, mì ăn liền, bún, bánh kẹo, thức ăn gia súc,...); Sản xuất gia công cơ khí (các sản phẩm cơ khí, cán kéo thép, cơ khí chế tạo,...); Sản xuất hàng tiêu dùng, hoá chất và vật tư nông nghiệp (may mặc, giày da, kính xây dựng, sơ chế cao su, nhựa tái sinh,...); Chế biến lâm sản (mộc gia dụng, gỗ ván ép, sản xuất hàng mây tre đan,...); Sản xuất đồ điện, thiết bị điện. Trong đó, nhiều nhất là sản xuất gia công các sản phẩm cơ, kim khí (chiếm 20,86%), chế biến thực phẩm (chiếm 14,53%),...

Bên cạnh đó có 43 CCN thành lập giai đoạn 2018 - 2020, đang triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật, (trong đó có 31 cụm công nghiệp làng nghề), bao gồm: 12 CCN được thành lập giai đoạn 2 (phần diện tích còn lại theo quy hoạch của các CCN đang hoạt động), và 31 CCN thành lập mới theo quy hoạch. Tính đến hiện nay, tổng số CCN đã được khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn Thành phố là 26/43 CCN, trong khi đó 17/43 CCN còn lại tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để khởi công xây dựng trong năm 2024, 2025.

Công tác phát triển các CCN làng nghề trên địa bàn Thành phố hiện gặp một số khó khăn chính bao gồm: Tiến độ giải phóng mặt bằng còn chậm, một số CCN hiện chưa lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng do người dân chưa đồng thuận trong công tác giải phóng mặt bằng,...

Loại hình tổ chức sản xuất tại các làng nghề hiện nay chủ yếu vẫn là hộ kinh doanh quy mô nhỏ, trong khi số lượng doanh nghiệp, HTX còn chiếm số lượng hạn chế. Theo số liệu thống kê¹⁸, hiện các làng nghề và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn Hà Nội đã thu hút khoảng 184.205 cơ sở tham gia sản

¹⁸ Báo cáo thuyết minh xây dựng đề án quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2011-2030, tầm nhìn đến năm 2050

xuất, trong đó số hộ sản xuất kinh doanh là 175.889 hộ (chiếm tỷ lệ 95,5%), 195 HTX (chiếm tỷ lệ 0,11%), 1.446 doanh nghiệp tư nhân (chiếm tỷ lệ 0,8%), 6.655 công ty cổ phần, trách nhiệm hữu hạn (chiếm tỷ lệ 3,61%). Số lượng doanh nghiệp hiện tập trung chủ yếu tại một số ngành nghề như: Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản; sinh vật cảnh.

Kết quả so sánh năm 2023 với năm 2010 cho thấy, số lượng hộ sản xuất tại các làng nghề tăng 12.749 hộ. Theo Cục Thống kê thành phố Hà Nội (2023), số lượng HTX trên địa bàn Thành phố có xu hướng giảm từ 1.313 HTX năm 2018 xuống còn 1.186 HTX năm 2022 (giảm 127 HTX), số hộ kinh doanh cá thể phi nông lâm nghiệp và thủy sản, trong lĩnh vực chế biến chế tạo trên địa bàn toàn thành phố giảm từ 90.638 hộ cá thể năm 2018 xuống còn 78.853 hộ cá thể năm 2023 (giảm 11.785 hộ cá thể). Nguyên nhân chính là do tác động của khủng hoảng kinh tế, hậu đại dịch Covid 19, tình trạng di cư lao động ra thành thị làm việc.

2.3.4. Liên kết sản xuất

Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị liên kết giữa doanh nghiệp với HTX là nội dung quan trọng trong các định hướng, chính sách của Thành phố đối với phát triển nông nghiệp nông thôn và đạt được nhiều kết quả tích cực. Thành phố hiện có 195 HTX tại các làng nghề, liên kết hàng nghìn hộ sản xuất nhỏ để hình thành quy mô sản xuất lớn, tạo cơ sở cho mở rộng quy mô, liên kết tiêu thụ sản phẩm. Toàn thành phố hiện hiện có 11.935 doanh nghiệp liên kết thu mua sản phẩm, chế biến và tiêu thụ cho các HTX, hộ cá thể tại các làng nghề. Riêng lĩnh vực nông lâm thủy sản, tính đến hết năm 2022, toàn thành phố có 159 chuỗi liên kết, trong đó có 57 chuỗi sản phẩm có nguồn gốc từ sản phẩm chăn nuôi, 93 chuỗi có nguồn gốc từ sản phẩm trồng trọt. Nhiều mô hình liên kết chuỗi giá trị thành công, đem lại hiệu quả cao¹⁹.

Liên kết sản xuất tại các làng nghề hiện còn nhiều hạn chế. Quy mô số lượng hộ cá thể tham gia liên kết ngang dưới hình thức HTX còn ít. Liên kết chuỗi giá trị chưa nhiều về số lượng, chất lượng liên kết thiếu chặt chẽ. Nguyên nhân chính là do mô hình hoạt động của một số HTX hiện chưa hiệu quả, nên chưa thu hút các hộ tham gia. Công tác tổ chức quy hoạch vùng nguyên liệu còn chậm, ảnh hưởng đến đầu tư liên kết của các doanh nghiệp. Quy mô sản xuất vẫn chủ yếu dựa trên hộ gia đình quy mô nhỏ, phân tán; cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích liên kết, tiêu thụ sản phẩm của Trung ương còn bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn sản xuất.

2.3.5. Lao động và công tác đào tạo nghề cho lao động làng nghề

Các làng nghề và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp của Thành phố hiện thu hút và tạo việc làm cho khoảng 800 nghìn lao động²⁰, tăng khoảng 170 nghìn lao

¹⁹ Chuỗi gạo chất lượng cao Bảo Minh; Chuỗi liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm gạo chất lượng cao khu Cháy của Hợp tác xã Đoàn Kết; Chuỗi gạo hữu cơ và Bưởi diễm của Hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Nam Phương Tiến; Chuỗi Thủy sản của Hợp tác xã thủy sản công nghệ cao Đại Áng; Chuỗi thịt bò BBB của Công ty Giống gia súc Hà Nội; Chuỗi thịt lợn sạch của Công ty TNHH thực phẩm sạch Organic Green...

²⁰ Báo cáo tổng hợp quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

động so với năm 2010²¹. Ngoài ra, làng nghề còn thu hút hàng nghìn lao động nơi khác đến làm thuê như làng nghề gốm sứ Bát Tràng (Gia Lâm), làng dệt kim La Phù (Hoài Đức), làng nghề mây tre đan, cỏ tế xã Phú Túc, khảm trai xã Chuyên Mỹ (Phú Xuyên), làng nghề sản xuất đồ gỗ xã Vân Hà, Liên Hà (Đông Anh), làng nghề chế biến lâm sản xã Liên Trung (Đan Phượng),...

Cơ cấu số hộ và số lao động trong các làng nghề có sự thay đổi theo xu hướng giảm số hộ và lao động thuần nông, trong khi đó số hộ và lao động tham gia làm nghề phi nông nghiệp tăng. Cơ cấu lao động trong công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ hiện chiếm từ 75 đến 85% trong tổng số lao động, lao động thuần nông chỉ còn từ 15 - 25%. Quy mô sử dụng lao động của hộ cá thể thường từ 5-10 lao động (kể cả lao động của gia đình). Tỷ lệ lao động tại các làng nghề từ 18-50 tuổi chiếm tỷ lệ gần 80%, chỉ có gần 14% số lao động tham gia sản xuất có độ tuổi trên 50 tuổi²².

Chất lượng lao động ngày càng được cải thiện nâng cao. Theo Cục Thống kê thành phố Hà Nội, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 70,2 % năm 2020 tăng lên 73,2% năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp/chứng chỉ tăng từ 48,5% năm 2020 tăng lên 52,5% năm 2023. Chỉ số đào tạo lao động của Thành phố trong bộ chỉ số PCI được các doanh nghiệp đánh giá cao. Giai đoạn 2020 - 2023, thành phố Hà Nội có 02 lần đứng thứ Nhất (năm 2021 và năm 2023)²³.

Thành phố đã phát triển được đội ngũ nghệ nhân cho các làng nghề, tính hết năm 2023, thành phố có 351 nghệ nhân được công nhận, tôn vinh, gồm: 16 Nghệ nhân nhân dân, 51 Nghệ nhân ưu tú và 284 Nghệ nhân Hà Nội.

Thành phố đã phát triển được mạng lưới cơ sở đào tạo nghề cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, tính đến tháng 8.2024, trên địa bàn Thành phố có 352 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trong đó, có 202 cơ sở giáo dục nghề nghiệp²⁴ và 150 doanh nghiệp, loại hình khác. Trong tổng số 352 đơn vị quản lý, có 313 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (chiếm tỷ lệ 88,9%).

Công tác đào tạo nghề, truyền nghề cho người lao động trong các làng nghề được tổ chức thực hiện hiệu quả, giai đoạn 2018-2020, đã tổ chức đào tạo cho 48.814 người, trong đó nghề nông nghiệp là 30.996 người (chiếm tỷ lệ 63,5%), nghề phi nông nghiệp 17.818 người (chiếm tỷ lệ 36,5%). Bên cạnh đó, tổ chức 16 lớp truyền nghề, nhân cấy nghề thủ công truyền thống của Hà Nội đến cho 800 lao động tại các tỉnh miền núi phía Bắc (Sở Công Thương, 2023).

Thành phố đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động như: Hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất trên địa bàn Thành phố; danh mục, định mức chi phí đối với 11 nghề đào tạo cho người

²¹ Theo số liệu cung cấp của chuyên gia Sở Công Thương thành phố Hà Nội

²² Viện Nghiên cứu và Phát triển kinh tế xã hội TP Hà Nội, 2018

²³ <https://vneconomy.vn/ha-noi-ra-soat-chinh-sach-ho-tro-dao-tao-nghe-va-giai-quiet-viec-lam.htm>

²⁴ Gồm: 69 trường cao đẳng, 83 trường trung cấp, 48 trung tâm giáo dục nghề nghiệp/day nghề

khuyết tật; phê duyệt chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp và định mức chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2017 - 2020²⁵. Bên cạnh đó, Thành phố đã phê duyệt các quyết định phê duyệt danh mục đào tạo các nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025; Các Quyết định ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 40 nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội; Nghị quyết quy định giá dịch vụ đào tạo cho 30 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố.

Mặc dù vậy, phát triển nguồn nhân lực cho các làng nghề đang gặp nhiều khó khăn thách thức. Tỷ lệ lao động chưa có bằng cấp/chứng chỉ vẫn còn cao. Hiện thiếu hụt đội ngũ thợ giỏi, thợ kỹ thuật có tay nghề cao tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất tại các làng nghề. Lao động thủ công vẫn phổ biến tại các làng nghề, đa số không qua đào tạo cơ bản, nên gặp khó khăn khi tiếp thu công nghệ mới, nhất là công nghệ số, công nghệ thông tin. Chất lượng các khóa đào tạo nghề còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu của các doanh nghiệp (trên 90% ý kiến của các doanh nghiệp)²⁶. Mặt khác cơ sở hạ tầng, vật chất phục vụ cho dạy nghề chưa đáp ứng được so với yêu cầu thực tiễn. Nguồn lực kinh phí bố trí cho công tác quản lý chỉ đạo đào tạo nghề cho lao động nông thôn còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

2.3.6. Thực trạng ứng dụng khoa học công nghệ trong làng nghề

Áp dụng thiết bị, máy móc vào sản xuất tại các làng nghề được quan tâm thực hiện, góp phần làm hạ giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm trên thị trường. Các công đoạn làng nghề áp dụng máy móc chủ yếu là công đoạn vát vũa, giá trị gia tăng thấp. Làng nghề gốm sứ đã áp dụng hệ thống lò nung bằng gas, điện hiện đại thay thế cho lò nung bằng than, củi, lò ga cũ trước đây; máy ép song động, máy khắc công nghệ cao một đầu đa năng, máy ép bán dẻo,... Làng nghề Vạn Phúc với 20 hộ làm nghề dệt lụa đã đầu tư 245 máy dệt công nghiệp, dệt được tất cả sản phẩm lụa²⁷. Các làng nghề mây tre đan đã áp dụng thiết bị, máy móc vào các khâu như lò luộc công suất lớn; máy pha chế nguyên liệu tre, song mây; máy vót sợi, máy chẻ mây; lò sấy nguyên liệu công nghệ cao bằng hơi nước, máy phun sơn.

Mặc dù vậy, ứng dụng khoa học công nghệ (KHCN), nhất là công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất và thương mại sản phẩm làng

²⁵ Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND Thành phố về việc hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Ban hành danh mục, định mức chi phí đối với 11 nghề đào tạo cho người khuyết tật theo các quyết định: Quyết định số 4101/QĐ-UBND ngày 04/8/2014; Quyết định số 5137/QĐ-UBND ngày 09/10/2015; Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 22/6/2016; Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 05/3/2018; Quyết định số 3755/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 về việc phê duyệt chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp đối với 33 bộ chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2017 - 2020; Quyết định số 7499/QĐ-UBND ngày 27/10/2017 về phê duyệt định mức chi phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2017 - 2020;

²⁶ Báo cáo của Hiệp hội xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam 2020

²⁷ <https://laodongthudo.vn/giu-nghe-truyen-thong-bang-ung-dung-cong-nghe-vao-san-xuat-145246.html>

ngành hiện còn nhiều hạn chế. Thiếu các máy móc tiên tiến phân tích kiểm định chất lượng nguyên liệu. Tỷ lệ cơ sở sản xuất tại các làng nghề sử dụng công nghệ tiên tiến còn thấp²⁸, hiện có khoảng trên 70% số thiết bị sử dụng tại các làng nghề là thiết bị máy móc đơn giản, phần lớn không đảm bảo an toàn²⁹. Số lượng doanh nghiệp đáp ứng được tiêu chuẩn hợp chuẩn, hợp quy của thị trường nhập khẩu trong các lĩnh vực thủ công mỹ nghệ còn rất hạn chế, hiện dưới 20% doanh nghiệp thủ công mỹ nghệ cả nước đáp ứng được một số tiêu chuẩn hợp quy của các nước³⁰. Công nghệ thiết bị máy móc của các cơ sở chế biến nông sản chủ yếu là bán tự động (chiếm tỷ lệ 76,58%), công nghệ dây chuyền tự động chiếm tỷ lệ còn hạn chế (14,75%), công nghệ chế biến thủ công hiện vẫn chiếm tỷ lệ 8,78%.

Các yếu tố chính cản trở việc ứng dụng KHCN, thiết bị vào sản xuất tại các làng nghề gồm: Quy mô sản xuất của các hộ nhỏ, năng lực tài chính hạn chế, trong khi đầu tư công nghệ, máy móc đòi hỏi vốn lớn. Năng lực trình độ sử dụng công nghệ, công nghệ số của lao động tại các làng nghề còn hạn chế. Khả năng đánh giá, phân tích xu thế thị trường yêu cầu về công nghệ áp dụng sản xuất sản phẩm của hầu hết chủ cơ sở còn thiếu. Bên cạnh đó, cơ chế chính sách hỗ trợ ứng dụng KHCN hiện nay chưa hấp dẫn với các làng nghề, điều kiện quy định được thụ hưởng chính sách còn cao và chưa hợp lý, cần có sự bổ sung, điều chỉnh.

2.3.7. Phát triển sản phẩm làng nghề

Phát triển sản phẩm làng nghề trên địa bàn Thành phố có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Một số sản phẩm có mẫu mã đẹp, chất lượng tốt, có thể mạnh cạnh tranh trên thị trường ở cả trong và ngoài nước như: sản phẩm may mặc, sản phẩm gốm sứ, sản phẩm dệt và thêu ren truyền thống, đồ gỗ phục vụ tiêu dùng và xây dựng, đồ cơ khí, nông sản thực phẩm,...qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu.

Áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận tại các vùng nguyên liệu cung cấp cho làng nghề được đẩy mạnh. Toàn thành phố có 1.700 ha rau sản xuất áp dụng chứng nhận Hệ thống chứng nhận nội bộ (PSG), trên 1.300 ha diện tích rau, quả, chè được chứng nhận VietGAP, 181 ha VietGAP nuôi trồng thủy sản, 88 cơ sở chăn nuôi được cấp chứng nhận VietGHAP, trên 40 ha diện tích trồng trọt áp dụng theo tiêu chuẩn hữu cơ. Thành phố đã xây dựng được 406 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gồm: có 262 mô hình thuộc lĩnh vực trồng trọt, 119 mô hình thuộc lĩnh vực chăn nuôi, 25 mô hình thuộc lĩnh vực thủy sản; tập trung nhiều ở các huyện như: Hoài Đức, Mê Linh, Gia Lâm, Thường Tín, Đông Anh, Thanh Oai, Đan Phượng..., giá trị sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao hiện nay chiếm khoảng 40% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp toàn Thành phố.

²⁸ Dưới 24%: Báo cáo của Viện Nghiên cứu và Phát triển KTXU TP Hà Nội năm 2020

²⁹ Trần Minh Yên, Nguyễn Xuân Dũng: <file:///C:/Users/khanh/Downloads/29298-Article%20Text-98456-1-10-20170615.pdf>

³⁰ Trần Minh Yên, Nguyễn Xuân Dũng: <file:///C:/Users/khanh/Downloads/29298-Article%20Text-98456-1-10-20170615.pdf>

³⁰ Vietcraf, 2020

Đầu tư xây dựng thương hiệu, bảo hộ sở hữu trí tuệ cũng được các làng nghề quan tâm thực hiện. Đến nay, có 65 làng nghề được Thành phố hỗ trợ xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận với quy mô 190 sản phẩm đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp chứng nhận bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp vừa và nhỏ được Thành phố hỗ trợ triển khai áp dụng chương trình các hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2008; ISO 14000 và ISO 22000, qua đó giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro.

Phát triển sản phẩm OCOP của Thành phố đạt kết quả tích cực. Lũy kế từ năm 2019 đến nay, toàn Thành phố đã đánh giá, phân hạng được 2.999 sản phẩm OCOP, trong đó bao gồm: 1.450 sản phẩm 3 sao; 1.473 sản phẩm 4 sao và 58 sản phẩm tiềm năng 4 sao; 06 sản phẩm được chứng nhận 5 sao, 12 sản phẩm tiềm năng 5 sao. Thành phố là điểm sáng, đi đầu cả nước trong phát triển sản phẩm OCOP. Phát triển sản phẩm OCOP làng nghề có vai trò quan trọng trong phát triển sản phẩm OCOP toàn thành phố. Theo số liệu thống kê, Thành phố hiện có 743 sản phẩm OCOP làng nghề trên tổng số 2.999 sản phẩm OCOP (chiếm tỷ lệ 24,8%), trong đó có 236 sản phẩm OCOP làng nghề truyền thống, 17 sản phẩm OCOP nghề truyền thống, và 490 sản phẩm OCOP của làng có nghề. Theo quy định, các sản phẩm được chứng nhận tiêu chuẩn OCOP phải đảm bảo theo rất nhiều chỉ tiêu, trong đó chất lượng sản phẩm, phát triển câu chuyện sản phẩm, tính độc đáo, mẫu mã, dấu hiệu nhận diện sản phẩm rất được quan tâm. Theo các nghiên cứu khảo sát, sản phẩm sau khi được chứng nhận sản phẩm OCOP đã giúp nâng cao giá bán, mở rộng tiếp cận thị trường tốt hơn, qua đó nâng cao thu nhập cho các cơ sở của làng nghề.

Mặc dù vậy, phát triển sản phẩm làng nghề hiện vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường, chưa khai thác hết các giá trị tiềm năng của sản phẩm. Thiếu ý tưởng thiết kế và phát triển sản phẩm mới là tình trạng chung của các làng nghề hiện nay do chưa nắm bắt kịp về thay đổi thị hiếu của thị trường. Mức độ đa dạng sản phẩm chưa cao, thiếu sản phẩm chế biến sâu có giá trị gia tăng cao, thiếu sáng tạo trong thiết kế, mẫu mã bao bì sản phẩm, hệ thống nhận diện thương hiệu sản phẩm chưa đủ mạnh, tính đồng đều, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và xuất khẩu.

Xây dựng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ của làng nghề hạn chế do một số nguyên nhân: Quản lý vùng sản xuất được bảo hộ còn nhiều bất cập; quy mô sản xuất nhỏ lẻ, nên việc phát triển mô hình quản lý nhãn hiệu tập thể dưới hình thức HTX gặp khó khăn, thiếu mô hình quản lý, khai thác hiệu quả nhãn hiệu tập thể; nguồn lực để tổ chức đánh giá, kiểm soát và thực hiện các hoạt động quảng bá, nâng cao danh tiếng, giá trị thương hiệu gắn với sản phẩm còn hạn chế.

Phát triển thương hiệu sản phẩm OCOP nhanh về số lượng, nhưng số sản phẩm chất lượng, tinh xảo, khác biệt còn hạn chế. Cơ cấu sản phẩm OCOP thiếu cân đối giữa các nhóm nghề, hiện tập trung chủ yếu vào nhóm thực phẩm. Thiếu

nguồn nhân lực được đào tạo bài bản về quản trị thương hiệu, hầu hết làng nghề, doanh nghiệp làng nghề chưa có bộ phận chuyên trách về thương hiệu.

2.3.8. Công tác bảo vệ môi trường làng nghề

Ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề ngày càng nghiêm trọng như: khí, bụi, tiếng ồn, nguồn nước, chất thải rắn... đặc biệt ở các làng nghề chế biến nông sản thực phẩm, cơ kim khí, chế biến lâm sản, dệt may... ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, phá hủy hệ sinh thái, cảnh quan nông thôn.

Theo báo cáo của Sở Tài Nguyên và Môi trường, tháng 8/2024 cho thấy, hiện có 230/327 làng nghề được công nhận đã có phương án bảo vệ môi trường làng nghề được duyệt (chiếm tỷ lệ 70,33%), còn 97/327 làng nghề chưa được phê duyệt phương án bảo vệ môi trường (chiếm tỷ lệ 29,67%); có 18/25 CCN đang hoạt động đã có trạm xử lý nước thải (XLNT) đạt tỷ lệ 72%, còn 7/25 CCN làng nghề đang hoạt động chưa có trạm XLNT theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường (trong đó: 04 CCN dự kiến chuyển đổi chức năng giai đoạn đến 2030, 01 CCN dự kiến chuyển đổi chức năng giai đoạn 2030-2050, 02 CCN đầu tư xây dựng trạm XLNT tại CCN giai đoạn 2) (chiếm tỷ lệ 28%). Tỷ lệ làng nghề được công nhận trên địa bàn thành phố được đánh giá, phân loại theo quy định hiện hành là 48,92%.

Kết quả đánh giá, phân loại mức độ ô nhiễm môi trường đối với các làng nghề được công nhận danh hiệu làng nghề, làng nghề truyền thống cho thấy, giai đoạn 2017 – 2020, Thành phố có 293 làng nghề bị ô nhiễm môi trường, trong đó có 139 làng nghề ô nhiễm nghiêm trọng (chiếm 47,5%), 91 làng nghề ô nhiễm (31%), 63 làng nghề được phân loại không ô nhiễm (21,5%). Kết quả rà soát các năm 2022, 2023 cũng cho thấy có 168/318 làng nghề được công nhận bị ô nhiễm môi trường cần được xử lý. Đối với các làng nghề hiện bị ô nhiễm, Thành phố đã ban hành danh mục, lộ trình xử lý cụ thể gồm³¹: (i) Danh mục làng nghề ô nhiễm môi trường phải xử lý, lộ trình đến 2025, định hướng đến 2030 (60 làng nghề); (ii) Danh mục làng nghề ô nhiễm môi trường có dấu hiệu mai một cần xử lý, kết hợp phục hồi sản xuất, lộ trình đến năm 2025 (16 làng nghề); (iii) Danh mục làng nghề chưa có dấu hiệu ô nhiễm môi trường, cần tiếp tục kiểm soát chất lượng môi trường (40 làng nghề); (iv) Danh mục làng nghề mai một cần rà soát, đề xuất đưa ra khỏi danh mục làng nghề được công nhận danh hiệu làng nghề, làng nghề truyền thống (40 làng nghề).

Mặc dù vậy, công tác bảo vệ môi trường tại các làng nghề hiện đang gặp nhiều tồn tại, khó khăn, thách thức. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về bảo vệ môi trường làng nghề còn chậm, một số chỉ tiêu chưa đạt được mục tiêu đề ra³²: Tỷ lệ làng nghề, làng nghề truyền thống được phê duyệt phương án bảo vệ môi trường hiện mới đạt 70,33%, vẫn còn 29,67% số làng nghề được công nhận nhưng chưa được phê duyệt phương án bảo vệ môi trường; có 18/25 cụm công nghiệp làng

³¹ Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 và Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND Thành phố.

³² Báo cáo của Sở Tài Nguyên và Môi trường tại CV số 7100/STNMT-CCBVMТ ngày 30.8.2024

ngành đang hoạt động đã có trạm xử lý nước thải (XLNT) đạt tỷ lệ 72 %, trong khi còn 7/25 cụm công nghiệp làng nghề đang hoạt động (đạt tỷ lệ 28%) chưa có trạm XLNT theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; công tác giá đánh giá, phân loại làng nghề được công nhận theo quy định hiện hành mới đạt tỷ lệ 48,92%.

Một số nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác bảo vệ môi trường làng nghề: Công tác đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường các làng nghề trên địa bàn các quận, huyện, thị xã chưa được quan tâm thực hiện; chi ngân sách hàng năm cho hoạt động bảo vệ môi trường còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu, tình hình thực tế, chưa đảm bảo tỷ lệ chi cho làng nghề/tổng chi về môi trường theo quy định; nhận thức của các cơ sở sản xuất tại các làng nghề về vai trò của bảo vệ môi trường đối với sức khỏe cộng đồng, gìn giữ giá trị văn hóa, phát triển du lịch còn hạn chế; công tác di dời các hộ, cơ sở sản xuất tại các làng nghề vào các khu, CCN, CCN làng nghề gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các làng nghề có hoạt động sản xuất gắn liền với nơi sinh sống, cư trú. Nguyên nhân là do các cơ sở di dời phải nộp tiền thuê đất, đầu tư cơ sở vật chất với mức phí cao so với lợi nhuận thu được; trong 28/43CCN đã khởi công, có 21 CCN làng nghề, dự kiến hoàn thành xây dựng HTKT và thu hút đầu tư năm 2025); đầu tư công nghệ, thiết bị máy móc cho sản xuất còn hạn chế, nhiều công đoạn sản xuất còn sản xuất thủ công, công nghệ lạc hậu làm gia tăng phát thải khí thải, nước thải ra môi trường.

2.3.9. Công tác xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm

Công tác xúc tiến thương mại cho sản phẩm làng nghề được các cấp, ngành, địa phương của Thành phố quan tâm thực hiện, và đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu cho các làng nghề. Thành phố phân công giao cho các sở, ngành (Công Thương, Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...) tổ chức, phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại.

Các hoạt động hỗ trợ xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm của làng nghề tập trung vào: Đa dạng và nâng cao hiệu quả công tác thông tin, truyền thông; tổ chức các hội nghị, hội chợ kết nối cung cầu nguyên liệu đầu vào sản xuất, đáp ứng nhu cầu của các làng nghề; hỗ trợ thiết kế mẫu mã, bao bì, xây dựng và đăng ký nhãn hiệu, tổ chức đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP của các làng nghề; tổ chức Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu Thành phố hàng năm; xây dựng và phát triển Trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch tại các huyện, thị xã trên địa bàn của Thành phố; đàm phán ký thỏa thuận hợp tác với các tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp thủ công mỹ nghệ một số nước và thế giới nhằm quảng bá, phát triển thị trường; tổ chức hội chợ quốc tế quà tặng hàng thủ công mỹ nghệ Hà Nội.

Những năm qua, công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại đối với sản phẩm làng nghề của thành phố đạt kết quả tích cực:

- Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu: Tổ chức 22 kỳ hội chợ, triển lãm ngành thủ công mỹ nghệ, sản phẩm công nghiệp nông thôn với 6.653 gian hàng của 3.000 lượt cơ sở, doanh nghiệp. Hỗ trợ 292 lượt cơ sở

tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước. Tổ chức 4 kỳ bình chọn và công nhận 180 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

- Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn: Tổ chức 137 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng quản lý, quản trị, thiết kế mẫu mã sản phẩm, quản trị bán hàng, tài chính, thương mại điện tử... cho trên 15.000 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ sở công nghiệp nông thôn. Tuyên truyền, phổ biến chính sách về khuyến công cho 6.000 lượt cán bộ làm công tác khuyến công; tổ chức 12 hội nghị kết nối cung cầu nguyên liệu ngành thủ công mỹ nghệ giữa Hà Nội và các tỉnh phía Bắc.

- Hỗ trợ tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn: Hỗ trợ 182 lượt doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm mới.

Thị trường chính tiêu thụ sản phẩm các làng nghề của Thành phố hiện là thị trường trong nước (chiếm 80,8%), thị trường xuất khẩu còn khiêm tốn, chủ yếu là nhóm sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ. Kênh thương mại tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước chủ yếu gồm: Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng, chợ truyền thống, hội chợ triển lãm, kênh thương mại điện tử. Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực hiện vẫn tập trung chủ yếu vào hàng thủ công mỹ nghệ như mây tre giang đan, đồ gỗ mỹ nghệ, gốm sứ, sơn mài, dệt may. Theo số liệu Hải quan năm 2023, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ hiện đã được xuất khẩu sang 89 nước và vùng lãnh thổ. Thị trường truyền thống gồm: Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hồng Kông... Tổng hợp kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng thủ công mỹ nghệ của thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 – 2023 được trình bày tại các bảng dưới đây.

Bảng 1. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng thủ công mỹ nghệ thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2023

Đơn vị tính: Triệu USD

STT	Năm	Cả nước	Hà Nội	Tỷ trọng giá trị xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ thành phố so với cả nước (%)
1	2018	538,48	51,26	9,52
2	2019	2.037,47	1.352,51	66,38
3	2020	2.952,71	2.185,69	74,02
4	2021	1.121,00	117,22	10,46
5	2022	1.097,15	103,43	9,43
6	2023	1.105,69	222,90	20,16

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kết quả phân tích tại Bảng 1 cho thấy, xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của Thành phố chiếm tỷ lệ quan trọng trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ cả nước. Mặc dù vậy, giá trị xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của Thành phố giảm mạnh kể từ sau khi xảy ra đại dịch Covid-19 do đứt gãy chuỗi cung ứng, nhu cầu tiêu dùng của khách hàng chậm lại do thu nhập giảm.

Phân tích số liệu xuất khẩu năm 2023 cũng chỉ ra, sản phẩm mây tre đan và sản phẩm từ cói, lục bình có giá trị cao nhất (71,14 triệu USD), sản phẩm gốm sứ (4,79 triệu USD), sản phẩm điêu khắc gỗ (4,36 triệu USD), dệt thủ công thêu ren (0,81 triệu USD).

Giai đoạn 2018 - 2023, giá trị xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn Thủ đô có tốc độ tăng trưởng mạnh tại một số thị trường: Hoa Kỳ (tăng 133,6%), Pháp (tăng 198,5%), Ấn Độ (tăng 224,5%), Canada (tăng 81%), Hồng Kông. Trong khi đó giá trị xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ giảm tại một số thị trường: Nhật Bản (giảm 11,4%), Bỉ (giảm 31,4%), Hàn Quốc (giảm 47,5%).

Yêu cầu của thị trường xuất khẩu ngày càng cao đối với sản phẩm làng nghề, cụ thể:

- *Đối với hàng thủ công mỹ nghệ:* Yêu cầu đáp ứng các hợp chuẩn quốc tế ngày càng tăng như: Hợp chuẩn về chất lượng, hợp chuẩn trách nhiệm xã hội, hợp chuẩn về an ninh,... trong đó hợp chuẩn về trách nhiệm xã hội tăng rất nhanh như hợp chuẩn về việc sử dụng nguồn nguyên liệu, hợp chuẩn truy xuất nguồn gốc, hợp chuẩn liên quan đến việc không sử dụng lao động trẻ em, hợp chuẩn về an toàn trong sản xuất, hợp chuẩn về việc không phân biệt đối xử với người lao động. Theo Hiệp hội xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam (Vietcraft), khoảng 67,4% nhà nhập khẩu yêu cầu các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần đáp ứng được các yêu cầu hợp chuẩn của nước nhập khẩu và tỷ lệ này tăng hàng năm. Tuy nhiên, số doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng được các tiêu chuẩn hợp chuẩn còn rất ít, chỉ chưa đến 20% tổng số doanh nghiệp thủ công của Việt Nam có thể đáp ứng được một số tiêu chuẩn hợp chuẩn.

- *Đối với nhóm sản phẩm chế biến nông lâm thủy sản:* Nhu cầu của các thị trường thay đổi và yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng ngày càng cao. Nhu cầu thị trường đang hướng đến các sản phẩm tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, trách nhiệm xã hội đòi hỏi các sản phẩm được khai thác hợp lý, từ đó đưa ra các tiêu chuẩn tương ứng về nguồn gốc sản phẩm (như thủy sản, rau quả,...), yêu cầu cấp mã vùng trồng đối với các sản phẩm nông lâm thủy sản chế biến. Đây cũng là rào cản thách thức với xuất khẩu nông lâm thủy sản của các doanh nghiệp trong khi hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý khai thác chưa được thực hiện bài bản, nhiều doanh nghiệp nông nghiệp mới đang trong quá trình đổi mới đề hòa nhập với thế giới.

Công tác xúc tiến thương mại hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm làng nghề của Thành phố hiện vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Nguồn lực, định mức hỗ trợ cho tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế chưa đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp. Định mức hỗ trợ chi phí cho thuê mặt bằng, thiết kế gian hàng, quy mô sản phẩm trưng bày còn thấp. Chương trình xúc tiến thương mại quốc tế còn thiếu trọng tâm, trọng điểm gắn với định hướng chiến lược phát triển của các doanh nghiệp tại làng nghề. Cải tiến mẫu mã, bao bì thiết kế, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu và thị hiếu tiêu dùng đương đại. Ứng dụng

nền tảng chuyển đổi số của các doanh nghiệp còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả tham gia thị trường.

2.3.10. Đánh giá kết quả sản xuất của làng nghề

Tổng doanh thu của 327 làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận trên địa bàn Thành phố hết năm 2023 đạt trên 24.000 tỷ đồng/năm, tăng khoảng 4.000 tỷ đồng so với năm 2018³³. Trong đó có khoảng 20 làng nghề có doanh thu trên 50 tỷ đồng, khoảng 70 làng nghề có doanh thu từ 20-50 tỷ đồng và khoảng 100 làng nghề đạt doanh thu từ 10-20 tỷ đồng/năm, đặc biệt một số làng nghề có doanh thu trên 1.000 tỷ đồng.

Thu nhập bình quân của lao động tại các làng nghề nhìn chung được nâng cao, cải thiện qua các năm. Thu nhập bình quân của lao động làng nghề tăng từ 3,1 triệu đồng/lao động/tháng năm 2011 lên khoảng trên 6 triệu đồng/lao động/tháng năm 2020 (tăng 2 lần). Mức chung và phổ biến thu nhập của các lao động phổ thông trong làng nghề và ngành nghề nông thôn đạt từ 5-8 triệu đồng/lao động/tháng. Thu nhập của lao động có sự chênh lệch rất lớn theo các nhóm ngành nghề. Nghề có thu nhập cao là nhóm nghề làm sơn mài, chạm khắc, điêu khắc gỗ mỹ nghệ, gốm sứ, thực phẩm,... Thu nhập của lao động tại làng nghề xôi Phú Thượng đạt bình quân 18,5 triệu đồng/người/tháng; làng nghề truyền thống nhiếp ảnh thôn Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức cho thu nhập bình quân 10,5 triệu đồng/lao động/tháng; làng nghề mây tre đan thôn Thái Hòa, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất cho thu nhập bình quân 11,2 triệu đồng/người/tháng³⁴.

Báo cáo của Cục Thống kê Hà Nội năm 2023, cũng cho thấy, thu nhập của lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông lâm thủy sản năm 2022 đạt bình quân là 8.855.000 đồng/lao động/tháng (tăng gấp 2 lần so với năm 2018). Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo đạt thu nhập bình quân năm 2022 là 11.191.000 đồng/lao động/tháng (tăng 1,3 lần so với năm 2018).

Nhìn chung thu nhập của lao động làm việc tại các làng nghề cao hơn so với thu nhập thuần nông. Tuy nhiên, mức thu nhập này còn thấp so với chi phí vật giá tăng cao trong bối cảnh hiện nay. Thu nhập chưa tương xứng với trình độ và tay nghề đối cho đội ngũ thợ giỏi tại các làng nghề.

2.4. Thực trạng phát triển dịch vụ hỗ trợ làng nghề

Nhu cầu dịch vụ logistic hỗ trợ đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở tại các làng nghề ngày càng lớn trong bối cảnh chuyên môn hóa ngày càng cao, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2.4.1 Dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất

Trên địa bàn Thành phố đã hình thành mạng lưới các doanh nghiệp, HTX, hộ cá thể tham gia cung cấp các dịch vụ (kho lạnh, mặt bằng kho bãi, thiết bị máy móc, tín dụng, công nghệ, vận tải vận chuyển hàng hóa), cụ thể như sau:

³³ Báo cáo của Sở Công Thương thành phố năm 2020

³⁴ Báo cáo Sở Công Thương thành phố năm 2020

- *Dịch vụ thiết bị máy móc cho sản xuất nông nghiệp*: Cơ giới hóa trong sản xuất nông lâm thủy sản tăng nhờ dịch vụ cung ứng thiết bị máy móc ngày càng phát triển. Toàn Thành phố có 5.676 máy làm đất, 990 máy phun thuốc bảo vệ thực vật có động cơ, 877 máy gặt đập liên hợp; đến nay việc cơ giới hóa trong sản xuất đã đạt được: 100% diện tích được làm đất bằng máy; 90% diện tích lúa được thu hoạch bằng máy, đối với máy cấy mới có 323 máy cấy (trong đó có 276 máy cấy lúa 4 hàng, 33 máy cấy lúa 6 hàng và 14 máy cấy lúa 8 hàng), diện tích cấy lúa bằng máy đạt 4.638,6 ha, chiếm 2,54% diện tích.

- *Dịch vụ kho lạnh bảo quản sản phẩm nông sản chế biến*: Được đầu tư nâng cấp, giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tổng số kho lạnh phục vụ cho bảo quản sản phẩm chế biến nông sản của thành phố là 113 kho lạnh, tương đương quy mô sức chứa trên 35.000m², trong đó có 07 doanh nghiệp cho thuê kho lạnh quy mô công suất lớn với tổng diện tích 30.000m², và 106 kho lạnh của các cơ sở sản xuất, kinh doanh với quy mô diện tích khoảng 5.300 m². Các kho lạnh đều được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định.

- *Dịch vụ vận tải, kho bãi*: Số lượng doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ vận tải, kho bãi trên toàn thành phố có xu hướng tăng thời gian qua. Theo Cục Thống kê thành phố Hà Nội năm 2023, toàn Thành phố có 7.163 doanh nghiệp tham gia dịch vụ vận tải, kho bãi (tăng 1.250 doanh nghiệp so với năm 2018), 74 HTX, và 16.422 cá thể phi nông nghiệp tham gia vào cung cấp dịch vụ vận tải và kho bãi. Doanh thu dịch vụ kho bãi tăng từ 13.382 tỷ đồng năm 2011 lên 58.665 tỷ đồng vào năm 2020, tăng gần 4,4 lần trong vòng 10 năm, chủ yếu diễn ra ở khu vực ngoài nhà nước.

- *Dịch vụ hỗ trợ áp dụng KHCN, sở hữu trí tuệ*: Số lượng các tổ chức KHCN trên địa bàn Thành phố hiện rất lớn, đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ xây dựng thương hiệu, bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các làng nghề ngày càng cao. Theo Sở Khoa học và công nghệ Hà Nội, hiện trên địa bàn thành phố hiện có 113 Viện nghiên cứu (chiếm 80% tổng số viện nghiên cứu cả nước), 14 Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, trên 100 tổ chức KHCN công lập thuộc các trường Đại học, Viện nghiên cứu. Các đơn vị KHCN đã hỗ trợ các làng nghề xây dựng hồ sơ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ dưới hình thức nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm của các làng nghề (68 làng nghề với gần 200 sản phẩm được bảo hộ sở hữu trí tuệ).

Mặc dù vậy, phát triển dịch vụ logistic hỗ trợ cho các làng nghề hiện vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được so với nhu cầu thực tiễn sản xuất cả về quy mô, chất lượng dịch vụ cung cấp. Một số yếu tố ảnh hưởng đến công tác phát triển dịch vụ logistic bao gồm: Nhận thức về tầm quan trọng của logistic còn hạn chế, chưa thể hiện rõ nét trong các định hướng, kế hoạch phát triển của Thành phố. Sự thiếu hụt kỹ năng kiến thức cơ bản về logistics của nhân lực, trong đó khả năng dự báo những tác động của kinh tế thế giới và khu vực, cùng với biến động khó lường của thị trường hàng hóa, dịch vụ, ảnh hưởng trực tiếp đến giá thành dịch vụ logistics. Chưa có những chính sách khuyến khích, ưu tiên cho các nhà đầu tư vào

dịch vụ logistic (như quy hoạch, tiếp cận đất đai, tín dụng, đào tạo...). Các doanh nghiệp logistic cung ứng các dịch vụ chủ yếu là quy mô nhỏ, gặp khó khăn về nguồn vốn. Quy mô hạ tầng kho lạnh bảo quản chưa đáp ứng được so với nhu cầu. Dịch vụ ứng dụng công nghệ số phục vụ quản lý toàn bộ chuỗi cung ứng đáp ứng tiêu chuẩn còn ít. Hạ tầng đường giao thông kết nối đến vùng nguyên liệu, các làng nghề chưa đáp ứng được cho xe vận tải lớn chuyên chở hàng hóa. Trong khi đó, thiếu các dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao như chế biến, thiết kế sáng tạo, đóng gói sản phẩm.

2.4.2. Dịch vụ cung cấp thông tin, hạ tầng thông tin

Hạ tầng thông tin truyền thông của Thành phố phát triển rất nhanh những năm qua, hỗ trợ tích cực cho các tác nhân làng nghề trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mạng lưới bưu chính của Thủ đô bao gồm hệ thống các bưu cục, điểm bưu điện văn hóa xã rộng khắp đảm bảo cung ứng dịch vụ thương mại điện tử và logistics. Hạ tầng điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ đã phát triển rộng khắp, đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu về sử dụng dịch vụ viễn thông của người dân. Hệ thống Internet băng rộng cáp quang đã được triển khai đến 100% xã, phường, thị trấn. Hệ thống wifi công cộng tại các điểm du lịch, điểm tham quan, di tích lịch sử trên địa bàn tiếp tục được triển khai. Trên 90% doanh nghiệp có sử dụng chữ ký điện tử, khoảng 50% doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong giao dịch³⁵.

Các doanh nghiệp, HTX, cơ sở tại các làng nghề hiện vẫn gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin phục vụ thiết thực, kịp thời cho hoạt động sản xuất, kinh doanh tiêu thụ sản phẩm. Thiếu sàn giao dịch thương mại điện tử, kênh kết nối trực tiếp cộng đồng làng nghề với cơ quan quản lý nhà nước, các hiệp hội để tiếp cận thông tin nhanh, theo thời gian thực hàng ngày. Trong khi đó, các tác nhân làng nghề hiện nay thiếu nguồn thông tin có chất lượng, đáng tin cậy phục vụ cho hoạch định sản xuất, kinh doanh như: Biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, thiết bị công nghệ, máy móc; biến động giá sản phẩm tại thị trường trong nước và quốc tế; nhu cầu thị trường về quy mô sản lượng sản phẩm; tiêu chuẩn chất lượng yêu cầu. Các kênh cung cấp thông tin chính thống thông qua văn bản của cơ quan quản lý nhà nước hiện nay thường chậm, chủ yếu liên quan đến chính sách hỗ trợ, chưa đa dạng nguồn thông tin

2.4.3. Khả năng tiếp cận nguồn vốn

Trên địa bàn Thành phố hiện tập trung số lượng lớn hệ thống ngân hàng, doanh nghiệp, quỹ tín dụng tham gia cung ứng tín dụng phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các làng nghề. Theo Cục Thống kê thành phố Hà Nội năm 2023, toàn Thành phố có 1.472 đơn vị tham gia vào hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm, trong đó có 950 doanh nghiệp (tăng 172 doanh nghiệp so với năm 2018), 96 HTX và 426 cá thể. Bên cạnh đó, Thành phố hiện có nhiều mô hình quỹ tín dụng cũng tham gia cung cấp dịch vụ tín dụng góp phần nâng cao cơ hội tiếp cận nguồn vốn cho các cơ sở sản xuất của làng nghề. Tính hết ngày

³⁵ Báo cáo tổng hợp quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

31/12/2023, tổng dư nợ cho vay tín dụng trên địa bàn Thành phố là 3.616.993 tỷ đồng (tăng 1.735.940 tỷ đồng so với năm 2018)³⁶, trong đó dư nợ cho vay lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 264.151 tỷ đồng (tăng 231.269 tỷ đồng so với năm 2019), lĩnh vực vận tải, kho bãi có dư nợ tín dụng 84.472 tỷ đồng (tăng 31.374 tỷ đồng so với năm 2019).

2.5. Vai trò của các Hội, Hiệp hội trong bảo tồn và phát triển làng nghề

Công tác phát triển hiệp hội, hội, câu lạc bộ làng nghề trên địa bàn Thành phố thời gian qua đạt nhiều kết quả tích cực. Tính đến tháng 8/2024, toàn Thành phố có 47 hội làng nghề (tăng 24 hội so với năm 2020), 03 hiệp hội, và 07 câu lạc bộ làng nghề. Phạm vi phân bố các hội tập trung chủ yếu tại 12 huyện, quận³⁷. Số lượng hội tập trung chủ yếu thuộc nhóm 2 “Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ”; và nhóm 3 “Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ”, trong khi đó hiện chỉ có 02 hội thuộc nhóm 5 “Sản xuất, kinh doanh sinh vật cảnh”, 02 hội thuộc nhóm 01 “Chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản”. Hiện chưa có hội làng nghề thuộc nhóm 02 “Xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn” và nhóm 07 “Các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn”. Sự phát triển các hội đa dạng theo các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Một số hội, hiệp hội được cấp thành phố phê duyệt (Hội Gốm sứ Bát Tràng; Hội Dát vàng bạc quý Kiều Ky; Hiệp hội sơn mài; Hiệp hội thêu,...), các hội làng nghề còn lại được UBND cấp huyện, xã phê duyệt, xác nhận. Thành phố đã phát triển được 07 câu lạc bộ làng nghề chủ yếu bao gồm các thành viên là nghệ nhân, thợ giỏi của các làng nghề gốm sứ, mộc, cốm.

Sự phát triển mạng lưới hội, hiệp hội, câu lạc bộ làng nghề có đóng góp ngày càng quan trọng vào công tác bảo tồn, gìn giữ và phát triển làng nghề. Với phương châm hoạt động trên tinh thần tự nguyện, tự quản, tự trang trải và tự chịu trách nhiệm, các hội làng nghề đã chủ động hỗ trợ các hội viên thông qua một số hoạt động chính của hội gồm: Phối hợp với các cấp chính quyền tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến hoạt động phát triển sản xuất, kinh doanh làng nghề; kết nối, tìm kiếm mở rộng thị trường, tiêu thụ sản phẩm làng nghề; bảo vệ lợi ích thành viên của hội; gìn giữ, bảo tồn và phát triển nghề; kết nối hỗ trợ hội viên tham gia triển lãm, hội chợ, trưng bày, hội thi thiết kế, giới thiệu sản phẩm.

Mặc dù vậy, hiệu quả hoạt động của các hiệp hội, hội làng nghề trên địa bàn Thành phố chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn sản xuất. Liên kết giữa hiệp hội làng nghề Thành phố với hiệp hội cả nước còn hạn chế, chất lượng cung cấp dịch vụ của đa số các hiệp hội còn yếu và thiếu sự gắn kết giữa hiệp hội với các doanh nghiệp, chất lượng nguồn nhân lực, tài chính của các hội cũng như các định hướng hoạt động chưa đáp ứng được yêu cầu của các hội viên. Vai trò và tiếng nói của các hiệp hội đối với các cơ quan quản lý nhà nước còn hạn chế. Hỗ trợ thành viên của các hội làng nghề hiện gặp nhiều khó khăn. Quy

³⁶ Cục Thống kê Tp Hà Nội, 2023

³⁷ Báo cáo các huyện/quận: Phúc Thọ, Thạch Thất, Hoài Đức, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Thường Tín, Phú Xuyên, Gia Lâm, Sóc Sơn, Hà Đông, Nam Từ Liêm, Tây Hồ.

mô số lượng, phân bố không gian của các hội theo nhóm ngành nghề còn mất cân đối. Hoạt động hỗ trợ của hội cho hội viên làng nghề đối với một số nội dung còn hạn chế liên quan đến tìm kiếm thông tin thị trường, đàm phán với các nhà nhập khẩu tại thị trường xuất khẩu; xu thế thay đổi của người tiêu dùng về sản phẩm của làng nghề; khả năng hỗ trợ hội viên trong các vụ đàm phán, tranh chấp pháp lý quốc tế; tìm kiếm nguồn vốn lãi suất ưu đãi cho phát triển làng nghề; ứng dụng công nghệ số trong quản lý toàn bộ chuỗi sản xuất sản phẩm làng nghề; các xu thế phát triển mới cho làng nghề trên thế giới như sản xuất tuần hoàn, sản xuất xanh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Một số yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Hội, hiệp hội làng nghề hiện nay bao gồm: Quy mô hoạt động của nhiều hội làng nghề nhỏ lẻ, phân tán; hiểu biết về các vấn đề mới trong bối cảnh hội nhập quốc tế còn chậm, nhất là các quy định pháp lý của thị trường xuất nhập khẩu; nguồn lực tài chính cho hoạt động của hội còn hạn chế; mức độ tham gia hỗ trợ của hội vào chuỗi cũng ứng, chuỗi giá trị sản phẩm làng nghề hiện nay rất mờ nhạt. Bên cạnh đó, cơ chế chính sách hỗ trợ các hội hiện chưa đủ mạnh cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến tính hiệu quả của các hội làng nghề.

3. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện quy hoạch phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

3.1. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn từ 2013 – 2020, Thành phố đã xây dựng và ban hành một số chính sách hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp cho phát triển làng nghề như: Rà soát, lập danh mục các làng nghề truyền thống tiêu biểu, các di sản văn hóa phi vật thể có giá trị cần bảo tồn³⁸; chính sách phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung; Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội³⁹; Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 04/08/2014 của UBND Thành phố ban hành Quy định chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; Chương trình khuyến công Thành phố giai đoạn 5 năm (2010 - 2015, 2016 - 2020) và kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm; Chương trình xúc tiến thương mại “Mỗi làng một sản phẩm” (OVOP) để phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa giai đoạn 2012 – 2015; Quyết định số 5782/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành “Bộ tiêu chí xếp hạng sản phẩm OVOP Hà Nội” thuộc chương trình xúc tiến thương mại “Mỗi làng một sản phẩm” để phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa giai đoạn 2012- 2015; Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề thành phố Hà Nội. Kết quả triển khai thực hiện các chính sách nêu trên đạt kết quả tích cực.

Kết quả rà soát, đánh giá cho thấy: (1) Mục tiêu đến năm 2030 trên địa bàn Thành phố có khoảng 1.500 làng có nghề, năm 2023 có khoảng 1.350 làng nghề

³⁸ Nghị Quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của HĐND Thành phố

³⁹ Nghị Quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 4/12/2013 của HĐND Thành phố

(đạt 90%); (2) Mục tiêu đến năm 2030, phát triển làng nghề kết hợp du lịch đạt 17 làng, hiện nay, mới thực hiện được 02 làng nghề (đạt 11,7%); (3) Mục tiêu tạo việc làm ổn định cho khoảng 800 ngàn đến một triệu lao động nông thôn, trong đó tạo việc làm mới cho khoảng 200 nghìn lao động, đến nay các làng nghề hiện thu hút khoảng 800 nghìn lao động tham gia (đạt); (4) Mục tiêu đến năm 2030 phần đầu thu nhập bình quân đầu người từ ngành nghề đạt 50 - 60 triệu đồng/năm, đến nay thu nhập bình quân của lao động làng nghề đạt dao động từ 60 triệu – 90 triệu/người/năm (đạt và vượt mục tiêu).

Mặc dù vậy, việc thực hiện các mục tiêu còn lại hiện chưa đạt, gặp khó khăn liên quan đến bảo tồn và khôi phục được 21 làng nghề; hạn chế phát triển hoặc chuyển hướng nghề mới, hoặc di dời vào CCN làng nghề 14 làng nghề; xử lý ô nhiễm môi trường 80 làng nghề; tỷ trọng sản xuất nghề, làng nghề của thành phố Hà Nội đạt 8,9% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của Thành phố.

- *Một số kết quả phát triển làng nghề đến năm 2020*: Tính đến hết năm 2020, số làng nghề trên địa bàn Thành phố được công nhận là 313 làng nghề (tăng 41 làng so với năm 2010). Cơ cấu lao động trong công nghiệp tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đã chiếm từ 75 đến 85% trong tổng số lao động, lao động thuần nông chỉ còn từ 15-25%. Các làng nghề đã góp phần giải quyết việc làm cho các lao động dôi dư trong quá trình đô thị hoá, từ đó đã phân công lại lực lượng lao động ở nông thôn. Thành phố đã triển khai 06 đợt phong tặng danh hiệu Nghề nhân Hà Nội cho 200 nghề nhân đưa tổng số nghề nhân Hà Nội được phong tặng qua các thời kỳ từ 129 nghề nhân (năm 2010) lên 329 nghề nhân (năm 2020) thuộc lĩnh vực thủ công mỹ nghệ. Thành phố cũng đã tổ chức xét chọn và đề nghị Nhà nước xét phong tặng danh hiệu Nghề nhân nhân dân, Nghề nhân ưu tú. Đến hết năm 2020, Chủ tịch nước đã tặng 13 nghề nhân nhân dân và 42 nghề nhân ưu tú hoạt động trong các ngành nghề: điêu khắc, gốm sứ, thêu, đậu bạc, chạm bạc, đúc đồng, thúc đồng, chạm đồng, hoa lụa, hoa khô, mây tre đan.

3.2. Tồn tại, hạn chế

- Công tác triển khai các dự án ưu tiên chưa đạt chỉ tiêu, chỉ có 02 trên tổng số 17 dự án phát triển làng nghề gắn với du lịch được triển khai thực hiện cho kết quả tích cực. Trong khi đó, các dự án liên quan đến bảo tồn, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề...chưa được triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Thực trạng hạ tầng sản xuất của làng nghề chưa được đầu tư, cải thiện, nhiều nơi còn có dấu hiệu xuống cấp. Mặt bằng sản xuất chưa đáp ứng được so với nhu cầu thực tiễn của các cơ sở làng nghề. Hệ thống đường giao thông tại nhiều làng nghề còn chật hẹp, chưa đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa. Ứng dụng KHCN thiết bị máy móc còn thấp. Tình trạng ô nhiễm môi trường ở một số làng nghề phát triển đã đến mức nghiêm trọng như: khí, bụi, tiếng ồn, nguồn nước, chất thải rắn... đặc biệt ở các làng nghề chế biến nông sản thực phẩm, cơ kim khí, dệt,... Việc xử lý ô nhiễm tại các làng nghề còn yếu kém do thiếu vốn và các hộ ở xen trong các khu dân cư chưa có quy hoạch đồng bộ và rất chật hẹp. Thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề còn nhiều khó khăn, sức mua trong nước

còn hạn chế một mặt do các sản phẩm thủ công còn đơn điệu về mẫu mã, chất lượng chưa cao, hầu hết sản phẩm chưa có thương hiệu, nhãn mác hàng hoá nên sức cạnh tranh kém, thiếu trung tâm trung bày giới thiệu sản phẩm. Thị trường xuất khẩu khắt khe về chất lượng, mẫu mã, đồng thời lại phải mua bán qua trung gian.

- Công tác bảo tồn văn hoá truyền thống làng nghề chưa được chú trọng và quan tâm đúng mức. Phần lớn các cơ sở sản xuất còn chạy theo lợi nhuận ngắn hạn, mang tính thị trường mà ít chú trọng tới nâng cao trình độ tinh xảo và phát huy giá trị truyền thống của sản phẩm. Mặt khác nhiều hộ gia đình trong làng nghề còn làm những mặt hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng nhái nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của sản phẩm làng nghề. Bên cạnh đó, thiếu nguồn nhân lực lao động đảm bảo chất lượng, có trình độ, tay nghề; nguyên liệu chế biến của các làng nghề phụ thuộc vào thu mua từ các tỉnh, vùng khác, hoặc nhập khẩu.

3.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Một số yếu tố, nguyên nhân của tồn tại hạn chế chính bao gồm:

(i) Nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân về vai trò làng nghề chưa toàn diện; Các cấp, các ngành chưa tập trung cao cho công tác phát triển nghề, làng nghề;

(ii) Tổ chức bộ máy và cơ chế chính sách về phát triển nghề, làng nghề từ Trung ương đến địa phương còn nhiều bất cập, đang hoàn chỉnh và chưa thống nhất, đội ngũ cán bộ ở cơ sở không chuyên trách và thường xuyên thay đổi;

(iii) Việc ban hành chính sách và thực hiện chính sách chưa đồng bộ còn chông chéo, còn thiếu, chưa hợp lý, nhất là chính sách đối với nghề, làng nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống. Chính sách đối với nghề nhân thợ giỏi, chính sách về tín dụng cho vay vốn trung, dài hạn về thủ tục vay vốn, về thuế còn khó khăn;

(iv) Các làng nghề chưa quan tâm chú trọng đến công tác xây dựng và phát triển thương hiệu. Khả năng tiếp thị, tìm kiếm thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp còn yếu kém. Trình độ quản lý và tổ chức sản xuất chưa đáp ứng yêu cầu thị trường;

(v) Chưa có cơ chế thu hút các nguồn vốn khác, chưa có nguồn quỹ riêng để phục vụ cho phát triển nghề, làng nghề. Kinh phí ngân sách dành cho phát triển nghề, làng nghề còn ít, mới đáp ứng được một phần nhu cầu phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn.

4. Đánh giá tình hình triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề

4.1. Công tác ban hành cơ chế, chính sách

Để khuyến khích phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn những năm qua Thành phố đã ban hành các chương trình, kế hoạch, quy hoạch, cơ chế chính sách⁴⁰

⁴⁰ Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 27/1/2011 của UBND Thành phố phê duyệt Đề án Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề Hà Nội giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020; Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 4/7/2011 của UBND Thành phố triển khai “Đề án bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề Hà Nội giai đoạn từ năm 2010 đến

như: Khuyến khích thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm làng nghề; hỗ trợ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề; phát triển làng nghề kết hợp với du lịch; bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đối với các làng nghề truyền thống; chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung; chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội; Chương trình xúc tiến thương mại,...

Nội dung chính hỗ trợ của các nhóm chính sách của Thành phố tập trung vào: Hỗ trợ nâng cấp cơ sở hạ tầng; xúc tiến thương mại, thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm; đào tạo nghề cho lao động; hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; hỗ trợ lãi suất vay tín dụng ưu đãi; xây dựng thương hiệu sản phẩm làng nghề. Thành phố đã triển khai hỗ trợ nội dung các chính sách có hiệu quả đến các tác nhân của làng nghề, góp phần quan trọng vào công tác bảo tồn, phát triển các làng nghề thời gian qua.

4.2. Đánh giá một số chính sách liên quan đến bảo tồn và phát triển làng nghề

Để hỗ trợ công tác phát triển ngành nghề nông thôn, trong thời gian qua nhiều chính sách đã được Trung ương ban hành nhằm hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện một số chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ: Sự thống nhất trong công tác thống kê, quản lý số liệu liên quan đến ngành nghề nông thôn và làng nghề chưa được chuẩn hóa và còn thiếu; việc phân nhóm hoạt động ngành nghề nông thôn còn bị trùng lặp (nhóm 2: Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ và nhóm 4: Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ, thủy tinh, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ; thực chất 2 nhóm này là nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ). Tiêu chí công nhận làng nghề với yêu cầu phải có tối thiểu 20% số hộ trên địa bàn tham gia chưa

năm 2020” giai đoạn 2011-2015; Chương trình 154/UBND-CT ngày 26/11/2012 của UBND Thành phố về việc phát triển làng nghề kết hợp với du lịch giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 7430/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND Thành phố phê duyệt Đề án Phát triển sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của làng nghề Hà Nội giai đoạn 2013 – 2020; Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 02/01/2013 của UBND Thành phố phê duyệt Quy hoạch phát triển nghề, làng nghề Thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị Quyết số 24/2013/NQ-HĐND ngày 04/12/2013 của HĐND Thành phố về danh mục phố cổ, làng cổ, làng nghề truyền thống tiêu biểu, biệt thự cũ, công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1945 và di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn Thủ đô cần tập trung nguồn lực để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND ngày 4/12/2013 của HĐND Thành phố về chính sách khuyến khích phát triển vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung thành phố Hà Nội giai đoạn 2014 - 2020; Chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; Chính sách hỗ trợ đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn thành phố Hà Nội; Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 4/8/2014 của UBND Thành phố ban hành Quy định chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội; Chương trình khuyến công Thành phố giai đoạn 5 năm (2010 – 2015, 2016 - 2020) và kế hoạch khuyến công địa phương hàng năm; Chương trình xúc tiến thương mại “Mỗi làng một sản phẩm” (OVOP) để phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa giai đoạn 2012 – 2015; Quyết định số 5782/QĐ-UBND ngày 07/11/2014 của UBND Thành phố về việc ban hành “Bộ tiêu chí xếp hạng sản phẩm OVOP Hà Nội” thuộc chương trình xúc tiến thương mại “Mỗi làng một sản phẩm” để phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa giai đoạn 2012 – 2015.

phù hợp với điều kiện của các làng có nghề truyền thống độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc đang có nguy cơ mai một cần được bảo tồn và phát triển trở lại; chưa có quy định, hướng dẫn tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của làng nghề, chưa có tiêu chí công nhận phố nghề, trong khi Hà Nội có rất nhiều phố nghề nổi tiếng được duy trì và phát triển đến nay hàng trăm năm.

- Chính sách đào tạo nghề nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 và Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/07/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Các định mức hỗ trợ đào tạo nghề nông thôn chưa phù hợp trong thực tế thực hiện; các định mức hỗ trợ thấp; lực lượng lao động tại các cơ sở làng nghề được hưởng thụ chính sách này rất ít; chưa có giáo trình chuẩn về công tác đào tạo; chế độ cho công tác đào tạo nghề tại chỗ chưa tương xứng; chế độ thù lao theo trình độ giảng viên chưa rõ ràng. Chính sách này chủ yếu tập trung đào tạo lao động nghề nông thôn cho các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; còn lĩnh vực đào tạo nghề và làng nghề nông thôn rất ít được quan tâm; chưa có chính sách hỗ trợ các nghệ nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo, truyền nghề và cơ chế khuyến khích các làng nghề liên kết với các hiệp hội, doanh nghiệp để đào tạo nghề.

- Chính sách tín dụng, thuế phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/09/2018 của Chính phủ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/04/2018 của Chính phủ: Việc tiếp cận vay vốn của các tổ chức tín dụng còn hạn chế và khó khăn do cơ chế về thủ tục, tài sản thế chấp. Mặt khác do lãi suất vay còn cao, thời hạn vay theo quy định của ngân hàng còn ngắn nên vốn vay không đáp ứng được quy trình sản xuất của ngành nghề thủ công.

- Chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào CCN theo Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ: Quy định về điều kiện ưu đãi, hỗ trợ CCN làng nghề rất khó thực hiện. Tại Khoản 3, Điều 31 quy định: “Tính đến thời điểm xem xét hưởng ưu đãi, hỗ trợ, tỷ lệ đăng ký lấp đầy trên 80%, trong đó trên 60% của các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất hộ gia đình, cá nhân trong làng nghề theo xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện”. Với quy định này, nhà đầu tư hạ tầng CCN không thể thực hiện vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước được. Vì vậy vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước được thực hiện trong giai đoạn đầu tư hạ tầng CCN, khi đó chưa thể đạt tỷ lệ lấp đầy 80%. Nhà đầu tư thiếu vốn sẽ phải vay các nguồn vốn thương mại để đầu tư hạ tầng CCN, khi hoàn thành lại không được vay vốn tín dụng Nhà nước nữa (đã kết thúc giai đoạn đầu tư). Hơn nữa, việc tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp ngành nghề thủ công được quy định “ngang bằng” và “bình đẳng” như các doanh nghiệp ngành công nghiệp khác là một bất cập, khó khăn khi di chuyển vào các khu, CCN.

- Chính sách bảo vệ môi trường làng nghề theo Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển CCN và chính sách hỗ trợ mặt bằng sản xuất và cơ sở hạ tầng theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày

12/04/2018, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Tuy nhiên chưa có quy định hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề ô nhiễm nhưng không có khả năng di dời vào khu, CCN; chưa có tiêu chí xác định các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng cần xử lý dứt điểm.

Nhằm nâng cao hiệu quả quản lý cụm công nghiệp, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15/03/2024 về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Nghị định này được ban hành nhằm thay thế và khắc phục tồn tại hạn chế của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/05/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Bên cạnh đó, một số chính sách của Thành phố liên quan đến hỗ trợ phát triển làng nghề cũng bộc lộ tồn tại hạn chế, cụ thể:

+ Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề thành phố Hà Nội được ban hành với 02 nội dung hỗ trợ gồm: Nội dung 1- hỗ trợ kinh phí đánh giá tác động môi trường cho làng nghề, đến nay không còn phù hợp do theo Luật Bảo vệ môi trường hiện hành, làng nghề phải có Phương án Bảo vệ môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường chỉ áp dụng đối với một số Dự án trong làng nghề, do vậy đến nay chưa hỗ trợ đánh giá tác động môi trường cho làng nghề nào; Nội dung 2- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu và xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu tập thể cho làng nghề, có một số mục trùng chéo với chính sách tại Quyết định số 3567/2021/QĐ-UBND ngày 16/07/2021 của UBND Thành phố về phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2030, đến nay Thành phố đã điều chuyển nhiệm vụ giao Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện theo Chương trình.

+ Một số Chính sách được Thành phố ban hành nhiều năm, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, thay thế như Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 04/08/2014 của UBND Thành phố ban hành Quy định chính sách khuyến khích phát triển làng nghề thành phố Hà Nội. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/04/2018 về Phát triển ngành nghề nông thôn thì Quyết định này không còn phù hợp với chính sách hiện hành, song đến nay vẫn chưa ban hành được Quyết định thay thế do có nhiều nội dung không có cơ sở về định mức áp dụng; Quyết định số 69/2009/QĐ-UBND ngày 18/05/2009 của UBND Thành phố về ban hành quy chế phong tặng danh hiệu nghệ nhân Hà Nội lĩnh vực thủ công mỹ nghệ, cần nghiên cứu, đề xuất mức đãi ngộ cao hơn cho các nghệ nhân được công nhận hoặc đề xuất chính sách đặc thù để mở rộng đối tượng xét công nhận nghệ nhân trên địa bàn Thành phố.

III. KẾT QUẢ, TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ CƠ HỘI THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2025 – 2030

1. Kết quả, tồn tại hạn chế trong phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2023

1.1. Kết quả

- Khung thể chế chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề được xây dựng, triển khai thực hiện ngày càng đồng bộ theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tăng cường bảo vệ môi trường làng nghề.

- Công tác bảo tồn và phát triển làng nghề đạt kết quả tích cực. Số lượng làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận tăng qua các năm. Công tác đào tạo nguồn nhân lực được quan tâm thực hiện. Hiện nay, đã xây dựng và phát triển được lực lượng đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi làm hạt nhân duy trì truyền nghề, phát triển nghề.

- Ứng dụng KHCN, máy móc tại nhiều công đoạn chế biến sản phẩm của các làng nghề được đẩy mạnh nhằm thay thế các công việc nặng nhọc, có giá trị gia tăng thấp (pha chế nguyên liệu, nung gốm sứ,...). Bên cạnh đó, nhiều làng nghề đã ứng dụng máy móc vào các khâu thiết kế mẫu mã sản phẩm,...qua đó nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

- Phát triển sản phẩm làng nghề ngày càng đa dạng, tinh xảo, đảm bảo chất lượng, minh bạch nguồn gốc xuất xứ,...qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Quy mô số lượng sản phẩm làng nghề đạt chứng nhận bảo hộ sở hữu trí tuệ, chứng nhận tiêu chuẩn OCOP ngày càng tăng. Một số sản phẩm của làng nghề có thể mạnh cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, bao gồm: sản phẩm may mặc, sản phẩm gốm sứ, sản phẩm dệt và thêu ren truyền thống, đồ gỗ phục vụ tiêu dùng và xây dựng, sản phẩm cơ khí, chế biến nông sản thực phẩm (bánh, bún, kẹo, giò chả, bánh chưng, chè, ...). Du lịch làng nghề và du lịch sinh thái cũng đã được nhiều du khách quan tâm.

- Tăng trưởng quy mô doanh thu của các làng nghề có xu hướng tăng, xuất khẩu mặt hàng thủ công mỹ nghệ và một số sản phẩm tiềm năng có xu hướng tăng qua các năm, qua đó đóng góp đáng kể vào ngân sách địa phương.

1.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Hiện nay công tác quản lý nhà nước về làng nghề ở các cấp chưa được quan tâm chú trọng, thiếu lực lượng cán bộ chuyên trách về làng nghề, số lượng làng nghề, làng có nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn Thành phố lớn, dẫn đến việc triển khai, thực thi công tác quản lý nhà nước về làng nghề còn nhiều hạn chế. Tương tự đối với công tác quản lý Nhà nước về môi trường, cấp huyện chỉ có 01 cán bộ chuyên trách chủ yếu thực hiện việc tham mưu cho các cấp biện pháp quản lý môi trường, việc kiểm tra, xử lý vi phạm về vệ sinh môi trường cơ bản chưa

thực hiện được, trong khi tình trạng vi phạm các quy định về môi trường xảy ra ở hầu hết các làng nghề.

- Công tác bảo tồn và phát triển làng nghề chưa được quan tâm đúng mức, nhiều làng nghề đáp ứng tiêu chí công nhận song chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm, nhiều làng nghề đã được công nhận song đến nay đã bị mai một, thất truyền, khả năng cạnh tranh sản phẩm chưa cao, thu nhập lao động thấp, thiếu lực lượng lao động kế cận đặc biệt là lao động có trình độ,... Hiện tượng ô nhiễm môi trường làng nghề diễn ra khá phổ biến, nhiều làng nghề chưa xây dựng và phê duyệt phương án bảo vệ môi trường; hoạt động xúc tiến thương mại, dự báo và phát triển thị trường chưa bắt kịp quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, dẫn đến tình trạng phát triển sản phẩm ồ ạt, cung vượt cầu, gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ, giá thành sản phẩm bấp bênh,... Mặt khác, còn thiếu cơ chế chính sách đủ mạnh và phù hợp với nhu cầu thực tiễn trong tình mới.

- Nguyên nhân phổ biến của những tồn tại, hạn chế trên do việc phát triển nghề và làng nghề còn mang tính tự phát, phân tán, thiếu tính bền vững, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, đầu tư, cải tiến và áp dụng công nghệ tiên tiến còn hạn chế. Chất lượng sản phẩm và trình độ thẩm mỹ chưa cao, năng lực quản lý hoạt động sản xuất còn hạn chế. Hầu hết các làng nghề đều chưa có hệ thống hạ tầng đạt yêu cầu, do tác động bởi quá trình đô thị hóa nhanh, mặt bằng sản xuất bị thu hẹp; tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng tăng do hầu hết sản xuất tại nhà xen lẫn với sinh hoạt hàng ngày, ý thức bảo vệ môi trường của người dân hạn chế, chế tài xử phạt vi phạm chưa đủ mạnh; các thiết bị an toàn lao động chưa được chú trọng. Nguyên liệu phục vụ cho sản xuất làng nghề gặp khó khăn do nguồn nguyên liệu tại chỗ đáp ứng ở mức độ rất thấp, phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu từ nơi khác, chưa có chợ đầu mối cung cấp nguyên liệu, phụ liệu. Thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa được mở rộng, một mặt do các sản phẩm thủ công còn đơn điệu về mẫu mã, sản phẩm chưa có thương hiệu, nhãn mác hàng hoá nên sức cạnh tranh kém, thiếu các khu trưng bày giới thiệu sản phẩm. Việc bảo tồn văn hoá truyền thống của sản phẩm làng nghề chưa được chú trọng và quan tâm nhiều. Phần lớn các cơ sở sản xuất chạy theo lợi nhuận ngắn hạn, mang tính thị trường mà ít chú trọng tới phát huy giá trị truyền thống của sản phẩm. Lao động ở các làng nghề có phần bị hạn chế về trình độ học vấn, đa số không qua đào tạo cơ bản nên gặp khó khăn khi tiếp thu công nghệ mới, hoạt động nghề còn mang tính thời vụ trong lúc nông nhàn.

2. Cơ hội và thách thức trong phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030

2.1. Điểm mạnh

Thủ đô Hà Nội có vị trí địa lý, nguồn lực, có ưu thế đặc biệt so với các địa phương khác, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, là đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, là nơi đặt trụ sở của các cơ quan Đảng và Nhà nước, các Đại sứ quán của các nước và các tổ chức quốc tế.

Quy mô số lượng làng nghề lớn nhất cả nước, hội tụ hầu hết các nghề truyền thống, sản phẩm làng nghề đa dạng, tinh xảo, chất lượng tốt, mang đậm bản sắc

văn hóa dân tộc, một số sản phẩm làng nghề (lụa Vạn Phúc; gốm sứ Bát Tràng, dệt và thêu ren, may tre đan,...) đã xây dựng được thương hiệu và danh tiếng tại các thị trường nhập khẩu khó tính như: EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản.

Có đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi làng nghề lớn nhất cả nước bao gồm các nghệ nhân cấp Trung ương (Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú) và Nghệ nhân cấp Thành phố. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực lao động dồi dào, phát triển được nhiều thợ giỏi, có trình độ, chuyên môn cao tại các làng nghề.

Hình thành được mạng lưới các doanh nghiệp có trình độ công nghệ, tiềm lực tài chính tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm làng nghề từ sản xuất cung ứng nguyên liệu đầu vào, sơ chế, chế biến, thương mại tiêu thụ sản phẩm.

2.2. Điểm yếu

Nhận thức về tầm quan trọng của bảo tồn, phát triển làng nghề chưa được các tác nhân, các cấp quan tâm đúng mức.

Năng lực cung ứng, chủ động nguồn nguyên liệu sản xuất tại chỗ cho các làng nghề rất hạn chế, hiện phụ thuộc chính vào thu mua các tỉnh khác; nhiều sản phẩm có giá thành cao hơn sản phẩm cùng loại của các tỉnh.

Quy mô sản xuất nhỏ, xen kẽ trong khu dân cư, năng lực tài chính hạn chế. Cơ sở hạ tầng làng nghề chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn sản xuất. Thu nhập của lao động tại các làng nghề chưa tương xứng với tiềm năng phát triển.

Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực có trình độ sử dụng công nghệ. Thiếu sáng tạo trong thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm, mức độ đa dạng hóa sản phẩm chưa cao, thiếu các sản phẩm chế biến sâu, tinh xảo có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Kim ngạch xuất khẩu còn hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của các làng nghề. Sản phẩm xuất khẩu thiếu cân đối, hiện chủ yếu tập trung vào hàng thủ công mỹ nghệ.

Dịch vụ logistics còn hạn chế và chưa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của làng nghề.

2.3. Cơ hội

Bảo tồn và phát triển làng nghề được Đảng, Nhà nước quan tâm thể hiện trong các chủ trương, chính sách lớn của Trung ương và Hà Nội.

Thành phố có vị trí là trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước, nơi hội tụ tinh hoa của dân tộc, là trung tâm lớn về văn hóa, khoa học và công nghệ, tài chính, tín dụng và giao dịch quốc tế, có vị trí đầu mối giao thông thuận lợi, đa dạng về đường bộ, sắt, thủy và hàng không kết nối với các vùng, khu vực trong nước và quốc tế.

Du địa, tiềm năng phát triển sản phẩm làng nghề của Thành phố còn rất lớn nhờ quy mô số lượng làng nghề lớn nhất cả nước, hội tụ nhiều ngành nghề truyền thống, sản phẩm đa dạng. Tiềm năng phát triển du lịch làng nghề rất lớn. Toàn Thành phố hiện có gần 6.000 di tích và khoảng 1.350 làng có nghề.

Luật Thủ đô 2024 được Quốc hội thông qua đem lại cơ hội vàng cho Hà Nội thực hiện nhiều bứt phá lớn, điều đó cũng góp phần thúc đẩy phát triển các ngành nghề nông thôn và làng nghề (quy hoạch, hạ tầng, chuyển đổi số, thu hút doanh nghiệp nông nghiệp đầu tư vào phát triển các ngành nghề nông thôn và mô hình du lịch nông nghiệp sinh thái,...).

Chiến lược phát triển ngành công nghiệp văn hóa của Thủ đô đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã khẳng định thủ công mỹ nghệ là một trong những thành tố quan trọng của văn hóa và là nền tảng cho sự đổi mới, phát triển các ngành thiết kế sáng tạo và du lịch văn hóa.

2.4. Thách thức

Tình trạng ô nhiễm môi trường làng nghề ngày càng đáng báo động; nguồn nguyên liệu phục vụ cho chế biến của các làng nghề phụ thuộc chính vào thu mua từ các tỉnh và nhập khẩu.

Số lượng các làng nghề bị mai một có xu hướng tăng do tác động của khủng hoảng kinh tế, tốc độ đô thị hóa, tình trạng di cư lao động trẻ ra Thành phố.

Yêu cầu về hợp chuẩn quốc tế và hàng rào kỹ thuật phi thuế quan ngày càng tăng như yêu cầu hợp chuẩn về chất lượng, trách nhiệm xã hội, trong đó hợp chuẩn về trách nhiệm xã hội tăng rất nhanh như yêu cầu về việc sử dụng nguồn nguyên liệu.

Chính sách, định hướng phát triển làng nghề của Đảng, Nhà nước giai đoạn tới đòi hỏi ngày càng cao, nhiều nội dung mới gắn với phát triển làng nghề như: Kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu cũng đặt ra thách thức về năng lực triển khai thực hiện của các tác nhân làng nghề, nhất là nguồn vốn.

PHẦN THỨ HAI
QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NỘI DUNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP
THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TỔNG THỂ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRÊN
ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2025-2030, TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM 2050

I. QUAN ĐIỂM

1. Bảo tồn và phát triển làng nghề có vai trò quan trọng trong thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn, tạo việc làm và nâng cao đời sống của người dân, đẩy nhanh sự nghiệp xây dựng nông thôn mới.

2. Bảo tồn và phát triển làng nghề phải gắn với các hoạt động văn hóa, du lịch để giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, tôn vinh và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, thợ lành nghề. Khai dậy tiềm năng, giá trị truyền thống mang dấu ấn, thương hiệu của địa phương và quốc gia thông qua việc phát triển sản phẩm làng nghề, sản phẩm làng nghề truyền thống, nghề truyền thống.

3. Phát triển làng nghề phải gắn với thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu, phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, phát triển mô hình sản xuất tuần hoàn khép kín, tiết kiệm nguyên liệu, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, quảng bá thương mại sản phẩm của làng nghề.

4. Huy động tối đa các nguồn lực xã hội và sự hỗ trợ của nhà nước để bảo tồn, phát triển làng nghề. Phát triển hài hòa các cơ sở ngành nghề quy mô vừa và nhỏ, đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong các làng nghề, kết hợp công nghệ hiện đại với công nghệ truyền thống để phát huy hiệu quả mỗi vùng, mỗi địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Bảo tồn và phát triển làng nghề nhằm gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời phát triển các làng có nghề mới; rà soát phân loại các làng nghề cần duy trì, bảo tồn hoặc chuyển nghề khác; phát triển các sản phẩm thủ công, truyền thống có thể mạnh, phát triển làng nghề gắn với các hoạt động du lịch, văn hóa, lễ hội góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của khu vực làng nghề, nâng cao năng lực cạnh tranh, giá trị gia tăng cho các sản phẩm làng nghề; tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống và nét đẹp đặc trưng của thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến.

2. Các mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2025-2030

- Khôi phục, bảo tồn được ít nhất 05 nghề, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền.

- Phấn đấu công nhận mới ít nhất 10 nghề và 25 làng nghề, làng nghề truyền thống, phát triển 10 làng từ “Làng nghề” lên “Làng nghề truyền thống”.

- Dự kiến đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng và bảo tồn phục dựng không gian văn hóa làng nghề nhằm phát triển ít nhất 03 làng nghề gắn với du lịch, hình thành 10 tour tuyến du lịch làng nghề, trải nghiệm nhằm thu hút khách du khách trong và ngoài nước đến tham quan, trải nghiệm tại thủ đô Hà Nội.

- Phấn đấu có trên 80% làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận hoạt động hiệu quả.

- Phấn đấu tối thiểu 80% người lao động tại làng nghề, làng nghề truyền thống được đào tạo, đào tạo lại, tập huấn nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản.

- Dự kiến có trên 50% làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận có sản phẩm đạt chứng nhận OCOP đồng thời hỗ trợ số hóa cho những sản phẩm làng nghề này.

- Dự kiến có ít nhất 30% số làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận có sản phẩm được bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt 10%/năm.

- Tiếp tục duy trì 100% làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận đáp ứng được các điều kiện về bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phấn đấu có ít nhất 30% làng nghề có không gian trưng bày, điểm giới thiệu và bán sản phẩm hoặc trên sàn thương mại điện tử.

- Hỗ trợ số hóa 300 sản phẩm làng nghề; Xây dựng Vlog làng nghề Hà Nội, sổ tay điện tử làng nghề,...

- Xây dựng một số chuỗi giá trị liên kết đối với những nghề có nhiều làng nghề tham gia và sử dụng nhiều lao động như: Mộc dân dụng, mây tre, giang đan, chế biến nông sản thực phẩm,...

2.2. Tầm nhìn đến năm 2050

Phát triển làng nghề tiếp tục đóng góp vào phát triển kinh tế khu vực nông thôn, động lực cho phát triển ngành công nghiệp du lịch, dịch vụ, ngành công nghiệp văn hóa Thủ đô, trung tâm kết nối và giao lưu văn hóa, du lịch lớn đặc sắc, có sức cạnh tranh quốc tế; không gian làng nghề phát triển xanh, sạch, đẹp phù hợp với quy hoạch và định hướng phát triển đô thị hóa; các giá trị vật thể, phi vật thể truyền thống của làng nghề được khôi phục, bảo tồn, trở thành các điểm đến

về du lịch đặc sắc; hình thành mạng lưới làng nghề gắn với các Trung tâm đổi mới sáng tạo hiện đại, kết nối đồng bộ; sản xuất theo mô hình kinh tế xanh, bền vững, tuần hoàn, giảm phát thải được áp dụng đồng bộ tại các cụm công nghiệp làng nghề, làng nghề trên địa bàn Thủ đô; sản phẩm làng nghề được hình thành theo hướng tích hợp "đa giá trị", gắn với bảo hộ thương hiệu, trong đó các sản phẩm chủ lực được bảo hộ sở hữu trí tuệ tại nước ngoài; xây dựng và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi có trình độ tiệm cận với trình độ ngành thủ công mỹ nghệ các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

Một số chỉ tiêu cụ thể:

- Khôi phục, bảo tồn được ít nhất 10 nghề, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền.

- Công nhận mới từ 10 nghề và 20 làng nghề, làng nghề truyền thống trở lên.

- Phát triển ít nhất 20 làng nghề gắn với du lịch, hình thành 20 tour tuyến du lịch làng nghề, trải nghiệm nhằm thu hút và kéo dài thời gian du khách ở lại Hà Nội bao gồm phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và bảo tồn.

- Trên 80% làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận hoạt động hiệu quả.

- 90% người lao động tại làng nghề, làng nghề truyền thống được đào tạo, đào tạo lại, tập huấn nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng vệ sinh an toàn lao động và kiến thức công nghệ thông tin cơ bản.

- Có ít nhất 300 làng nghề có sản phẩm đạt chứng nhận OCOP, đồng thời hỗ trợ số hóa cho những sản phẩm làng nghề này.

- Có ít nhất 50% số làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận có sản phẩm được bảo hộ sở hữu trí tuệ.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt khoảng 10%/năm;

- Duy trì 100% làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận đáp ứng được các điều kiện về bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Có ít nhất 50% làng nghề có không gian trưng bày, điểm giới thiệu và bán sản phẩm hoặc trên sàn thương mại điện tử.

- Xây dựng một số chuỗi giá trị liên kết đối với những nghề có nhiều làng nghề tham gia và sử dụng nhiều lao động như: Mộc dân dụng, mây tre, giang đan, chế biến nông sản thực phẩm,...

III. NỘI DUNG NHIỆM VỤ BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ

1. Bảo tồn và phát huy giá trị, tôn vinh nghệ nhân

- Rà soát, tổ chức phong tặng đối với Nghệ nhân Hà Nội; đề nghị cấp Trung ương phong tặng đối với các danh hiệu nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân. Phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi đa dạng trên các nhóm nghề của Thành phố.

- Suru tâm, lưu giữ, trưng bày các tác phẩm tiêu biểu, đặc sắc của các nghệ nhân, thợ giỏi các cấp. Tổ chức các sự kiện tôn vinh nghệ nhân, thợ giỏi gắn với các thiết kế, sản phẩm độc đáo do nghệ nhân, thợ giỏi sáng tạo.

- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ, động viên và tôn vinh đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi kịp thời để phát huy tài năng và sự cống hiến của họ đối với công tác bảo tồn, gìn giữ, trao truyền, phát huy giá trị di sản nghề truyền thống và phát triển nghề truyền thống. Có chính sách khuyến khích các nghệ nhân trong công tác truyền nghề, nhân cấy nghề.

- Rà soát, bổ sung quy định xét, công nhận đối với đội ngũ thợ giỏi. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý hoạt động đối với nghệ nhân, thợ giỏi được tôn vinh, phong tặng nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước, xây dựng môi trường lao động minh bạch, phát huy tối đa giá trị của nghệ nhân, thợ giỏi cho phát triển làng nghề.

2. Bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề truyền thống

2.1. Bảo tồn, phát triển nghề truyền thống

- Rà soát, thống kê, phân loại danh mục nghề truyền thống; lập hồ sơ, lộ trình xét công nhận cho các nghề truyền thống đáp ứng đủ điều kiện theo quy định hiện hành.

- Đối với những nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền hoặc đã bị mai một do nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng có giá trị văn hóa lịch sử, cần có kế hoạch, lộ trình và phương thức hỗ trợ cụ thể, như: chú trọng phục hồi, tôn tạo các di tích văn hóa có giá trị của nghề truyền thống (*Không gian, cảnh quan làng, nhà thờ tổ nghề; sản phẩm truyền thống; nét hoa văn truyền thống; bí quyết truyền nghề; tư liệu quý...*), khôi phục các giá trị văn hóa phi vật thể có giá trị (*Lễ hội tổ nghề, gia phả dòng họ nghề; lễ sắc phong; hương ước; ca dao, tập tục mang đậm giá trị văn hóa nghề truyền thống...*).

- Hỗ trợ xây dựng một số mô hình phục dựng nghề truyền thống.

2.2. Bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống

Làng nghề truyền thống ra đời, tồn tại và phát triển qua các thời kỳ lịch sử gắn với những nét đặc sắc văn hóa của dân tộc, luôn luôn biến đổi do hoạt động sản xuất, kinh doanh cùng với nếp sống, phong tục, tập quán của người dân. Sản phẩm của các làng nghề truyền thống là sự kết tinh của lao động vật chất và lao động tinh thần, được tạo bởi những bàn tay tài hoa, khối óc sáng tạo của người thợ thủ công nên sản phẩm truyền thống có tính nghệ thuật và bí quyết nghề cao, trong đó hàm chứa những nét đặc sắc của văn hóa dân tộc, đồng thời thể hiện những sắc thái riêng, đặc tính riêng của mỗi làng nghề. Đó là di sản văn hóa quý báu mà các thế hệ cha ông đã sáng tạo ra và truyền lại cho thế hệ sau. Tuy nhiên bên cạnh những làng nghề truyền thống đang phát triển mạnh trong thời gian qua, nhiều nghề, làng nghề truyền thống cũng gặp không ít khó khăn trong quá trình phát triển, có nguy cơ bị suy thoái. Nhiều làng nghề hiện nay gặp khó khăn trong việc tìm thị trường tiêu thụ. Phần lớn sản phẩm của làng nghề truyền thống có giá

thành cao, mẫu mã chưa đa dạng, chưa đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng cả trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, việc tiếp cận vốn vay, công nghệ còn hạn chế. Công tác đăng ký thương hiệu hàng hóa và kiểu dáng sản phẩm chưa được quan tâm đầu tư, hỗ trợ đúng mức. Mặt khác, do quá trình đô thị hóa với tốc độ quá nhanh nên mặt bằng sản xuất không còn nhiều. Chính vì vậy trong giai đoạn tới công tác bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống cần rà soát, thống kê, phân loại danh mục các làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền và các làng nghề phát triển tốt có tính lan tỏa để có kế hoạch bảo tồn hiệu quả, cụ thể:

2.2.1. Khôi phục, bảo tồn các làng nghề truyền thống có từ lâu đời đang có nguy cơ bị mai một, thất truyền hoặc phát triển không ổn định

- Thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, thu hút các nghệ nhân, thợ giỏi tham gia các hoạt động đào tạo, truyền nghề cho thế hệ kế cận nhằm bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống; hỗ trợ các hộ, các nghệ nhân tham gia hoạt động trình diễn nghề phục vụ nhu cầu du lịch, văn hóa; hỗ trợ xây dựng bộ giáo trình/tài liệu giảng dạy và tổ chức đào tạo, dạy nghề, truyền nghề cho các cháu học sinh của các làng nghề thông qua các buổi hoạt động ngoại khóa;

- Thực hiện sưu tầm, thu thập, bảo tồn bí quyết, công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo, các mẫu hoa văn truyền thống trên các sản phẩm và có hướng đổi mới, phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp với sản xuất tại làng nghề.

- Xây dựng và phát triển các Trung tâm thiết kế sáng tạo, trưng bày và bán sản phẩm, tổ chức các lễ hội truyền thống; hỗ trợ xây dựng các phòng trưng bày các hình ảnh, các mẫu sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu dùng đương đại, khu trình diễn nghề và xúc tiến thương mại nhằm tìm kiếm mở rộng thị trường và mở rộng sản xuất.

- Hình thành sự gắn kết giữa các làng nghề thủ công truyền thống với các phố nghề trong khu vực phố cổ để tạo ra những tuyến “phố nghề - làng nghề”.

2.2.2. Những làng nghề phát triển mạnh, có sự lan tỏa

- Thúc đẩy phát triển làng nghề sản xuất, kinh doanh các sản phẩm theo nhu cầu của thị trường, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Thực hiện hỗ trợ đối với nhóm sản phẩm có thế mạnh, các nghề và làng nghề truyền thống có sản phẩm đang tiêu thụ lớn trên thị trường, tập trung phát triển những sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu lớn và giá trị kinh tế cao.

- Hỗ trợ các làng nghề truyền thống đã được công nhận, đang hoạt động hiệu quả để phát triển và nhận rộng. Chú trọng hỗ trợ cải thiện cơ sở hạ tầng sản xuất để đáp ứng được nhu cầu hợp chuẩn của thế giới; đổi mới công nghệ thiết kế mẫu mã sản phẩm; công nghệ giảm phát thải, thân thiện môi trường...; xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm; nâng cao năng lực quản trị; xây dựng các chợ đầu mối/logictisc cung ứng nguyên vật liệu, khu trưng bày triển lãm sản phẩm.

- Đến năm 2030, dự kiến khôi phục, bảo tồn ít nhất 05 nghề truyền thống, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền; đến 2050 khôi phục,

bảo tồn thêm được ít nhất 10 nghề truyền thống, làng nghề truyền thống có nguy cơ mai một, thất truyền.

3. Phát triển các làng nghề chủ lực gắn với tiềm năng thế mạnh của địa phương

Rà soát để có kế hoạch phát triển các làng nghề theo nhóm ngành nghề nông thôn phù hợp với tiềm năng thế mạnh của từng địa phương và định hướng quy hoạch vùng nguyên liệu nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất của các làng nghề. Xây dựng phát triển các CCN làng nghề với cơ sở hạ tầng đồng bộ đáp ứng nhu cầu sản xuất và bảo vệ môi trường. Hỗ trợ xây dựng không gian sáng tạo tại các làng nghề để phát huy vai trò của nghệ nhân, thợ giỏi và các tác nhân trong làng nghề. Tăng cường công tác đào tạo nghề nhằm nâng cao trình độ và tay nghề cho lao động trong làng nghề; công tác ứng dụng KH-CN, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong làng nghề; hỗ trợ xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm làng nghề. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu gắn với phát triển sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng. Ưu tiên các làng nghề gắn với du lịch, tạo ra đa giá trị, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương theo từng lĩnh vực như sau:

3.1. Phát triển làng nghề gắn với du lịch

- Phát triển các làng nghề có tiềm năng phát triển du lịch đảm bảo theo định hướng quy hoạch các trục không gian phát triển du lịch của Thành phố đến năm 2030, định hướng đến năm 2050. Trong đó, ưu tiên phát triển các làng nghề có tiềm năng gắn với du lịch tại các địa phương (*Có danh mục dự kiến ưu tiên các làng nghề tại phụ lục 4*).

- Rà soát, kiểm kê, hỗ trợ phục hồi, tôn tạo các di tích liên quan đến giá trị văn hóa nghề, làng nghề truyền thống (nhà thờ tổ nghề, không gian làm nghề, cảnh quan làng nghề...); khôi phục, tổ chức các lễ hội, hoạt động văn hóa dân gian, phát huy các giá trị văn hóa của nghề và làng nghề trong xây dựng môi trường du lịch văn hóa.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch tại các làng nghề có tiềm năng phát triển du lịch: Đường giao thông vào làng nghề; khu trung bày, giới thiệu sản phẩm; điểm dừng chân nghỉ dưỡng, trải nghiệm cho du khách, khu check in...; chú trọng đầu tư nâng cấp, cải tạo môi trường làng nghề để phục vụ du lịch; hỗ trợ thực hiện chuyển đổi số; đào tạo nghiệp vụ du lịch đối với nguồn nhân lực tại làng nghề; ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường.

- Xây dựng các sản phẩm du lịch trải nghiệm gắn với làng nghề, từ đó hình thành các tour, tuyến du lịch kết nối các làng nghề trên địa bàn Thành phố. Phát triển, chuẩn hóa sản phẩm OCOP làng nghề đảm bảo chất lượng, có thiết kế mẫu mã bao bì đẹp, tiện dụng đáp ứng với nhu cầu khách du lịch.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ du lịch của các làng nghề để thu hút du khách trong nước và quốc tế. Chú trọng phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch phù hợp với thị hiếu của khách du lịch quốc tế.

- Kiện toàn, nâng cao trách nhiệm người đại diện của làng nghề trong quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch của các làng nghề làm cơ sở phục vụ kết nối hiệu quả, bền vững với các công ty du lịch, lữ hành, các trung tâm xúc tiến...trong phát triển du lịch làng nghề.

3.2. Phát triển làng nghề gắn với vùng nguyên liệu

- Phát triển các làng nghề chế biến gắn với định hướng quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu của Thành phố tại các khu vực ven đô, ngoại thành, ưu tiên các làng nghề truyền thống, làng nghề chế biến tinh, chế biến sâu và ứng dụng công nghệ cao tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển chuỗi liên kết giá trị từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm gắn với chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến, cải tiến hình thức, mẫu mã và nâng cao chất lượng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; tổ chức phát triển nghề sang các địa phương khác, tạo nguồn hàng phong phú, đạt yêu cầu chất lượng và giá thành hạ, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và hướng tới liên kết xuất khẩu.

- Xây dựng, phát triển các mô hình làng nghề chế biến theo hướng tuần hoàn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên liệu, giảm xả chất thải ra môi trường, kết hợp với phát triển du lịch nông nghiệp.

- Tổng hợp, đánh giá nhu cầu nguyên liệu theo nhóm nghề đồng thời tổ chức các đoàn công tác kết nối vùng nguyên liệu với các tỉnh thành trong và ngoài nước đảm bảo nguồn nguyên liệu sản xuất cho các làng nghề theo hướng bền vững và nguyên liệu tinh, không đưa nguyên liệu thô về Hà Nội.

3.3. Phát triển làng nghề về sinh vật cảnh

- Phát triển làng nghề sinh vật cảnh gắn với vùng hoa cây cảnh được quy hoạch quy mô đến 2030 đạt 8.000 - 9.000 ha tập trung chủ yếu ở các huyện Mê Linh, Đan Phượng, Phúc Thọ, Thạch Thất, Thường Tín, Tây Hồ, Nam Từ Liêm...

- Duy trì lợi thế sản phẩm hoa, cây cảnh kết hợp đa dạng hóa nhóm sản phẩm sinh vật cảnh cá cảnh, thú cảnh... đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và hướng đến xuất khẩu.

- Phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi có trình độ, tay nghề hướng đến được Thành phố, Trung ương phong tặng danh hiệu.

- Nghiên cứu đổi mới công nghệ giống, lai tạo, thiết kế, chế tác các sản phẩm đặc sắc, hiện đại có giá trị thẩm mỹ cao đáp ứng nhu cầu thị trường, kết hợp với duy trì các sản phẩm truyền thống của làng nghề.

- Nghiên cứu, mở rộng, phát triển thị trường tiêu thụ sinh vật cảnh trong nước và quốc tế.

3.4. Phát triển làng nghề thủ công mỹ nghệ có thể mạnh xuất khẩu

Đầu tư hỗ trợ bảo tồn và phát triển các làng nghề thủ công mỹ nghệ dựa trên nguyên tắc vừa giữ gìn giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc vừa kết

hợp với tính hiện đại để phù hợp quá trình hội nhập quốc tế, bao gồm những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Hỗ trợ đầu tư áp dụng công nghệ mới, vật liệu mới, trình độ cơ giới hoá và tự động hoá; thiết bị máy móc tiên tiến thực hiện phân tích, xử lý, phối kết hợp nguyên liệu nhằm nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm trên thị trường để tạo sản phẩm có chất lượng cao, giảm giá thành, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Chú trọng tận dụng các nguyên liệu có sẵn trong nước để phát triển sản xuất các mặt hàng thủ công mới, có thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Hỗ trợ kết nối đảm bảo nguồn nguyên liệu bền vững cho các làng nghề. Hình thành các đơn vị có năng lực chuyên cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các làng nghề thủ công mỹ nghệ. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, vùng, khu vực để đảm bảo ổn định nguồn cung đầu vào nguyên liệu cho sản xuất. Xây dựng và chuẩn hóa quy trình kỹ thuật hướng dẫn đồng bộ từ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản nguyên liệu đầu vào cho các làng nghề. Tập trung ưu tiên bảo tồn và phát triển các làng nghề có thế mạnh về nguyên liệu, sản xuất các mặt hàng có giá trị kinh tế cao và có tiềm năng xuất khẩu lớn như: mây tre lá, gốm sứ, thêu dệt, đồ gỗ mỹ nghệ...

- Hình thành đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng cho thực tiễn phát triển. Xây dựng, phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi có trình độ tay nghề, tri thức tiệm cận với trình độ khu vực và thế giới. Chú trọng đào tạo nghề, truyền nghề cho các thế hệ kế cận.

- Phát triển các Trung tâm đổi mới sáng tạo hiện đại, đồng bộ kết nối các tỉnh, khu vực và thế giới. Thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ; Xây dựng Quy chế quản lý phối hợp vận hành trong đó chú trọng gắn với vai trò của Hiệp hội làng nghề. Thiết kế phân khu đa chức năng vận hành như: Khu đào tạo, thiết kế sáng tạo sản phẩm; khu trưng bày giới thiệu sản phẩm; khu giao lưu văn hóa, tổ chức các sự kiện... Có chính sách thu hút các nghệ nhân, thợ giỏi, các nhà khoa học trong nước và quốc tế vào làm việc nhằm cung cấp đa dạng các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp xuất khẩu. Xây dựng cơ chế phối hợp quản lý, vận hành giữa các tác nhân là cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội làng nghề, và các làng nghề.

- Hỗ trợ phát triển mạng lưới các doanh nghiệp quy mô lớn, có trình độ công nghệ, tiềm lực tài chính tham gia xuất khẩu sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Tập trung hỗ trợ đầu tư áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn theo yêu cầu của các thị trường xuất khẩu; công nghệ thiết kế đổi mới sáng tạo, phát triển đa dạng mẫu mã sản phẩm.

4. Phát triển làng nghề mới

- *Đối với các làng đã có nghề:* Rà soát, đánh giá, phân loại mức độ đáp ứng các tiêu chí quy định công nhận làng nghề xây dựng kế hoạch lộ trình phát triển cho phù hợp. Tập trung hỗ trợ các làng nghề hoàn thiện các tiêu chí công nhận làng nghề, trong đó chú trọng: Hỗ trợ đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng xử lý môi trường, phương án bảo vệ môi trường; xây dựng kế hoạch để nhân rộng ra nhiều

hộ làm nghề, khuyến khích mở rộng quy mô số hộ sản xuất tại làng nghề thông qua hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng; cải tiến, nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm; hỗ trợ xúc tiến thương mại giúp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; đào tạo nguồn nhân lực; hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình xây dựng phương án sản xuất kinh doanh.

- *Đối với các làng chưa có nghề*: Tiến hành điều tra, đánh giá tiềm năng, lợi thế của các làng đối với từng nhóm nghề. Nhận diện xu thế xuất hiện các nghề mới có tiềm năng phát triển để đưa vào kế hoạch hỗ trợ phát triển. Tổ chức nhân cấy nghề, lựa chọn các hộ có đủ điều kiện để thành lập các cơ sở sản xuất mới tại các làng. Nhân rộng quy mô cơ sở sản xuất tại các làng thông qua hỗ trợ đào tạo nghề, đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, thiết kế bao bì, mẫu mã sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Ưu tiên phát triển các nghề bảo quản, chế biến rau quả ở các khu vực ven đô thị và các vùng chuyên canh rau an toàn, nghề chế biến thuốc nam, đông dược; các nghề cung cấp dịch vụ logistic hỗ trợ làng nghề; sản xuất nguyên vật liệu phụ trợ cho các làng nghề; thiết kế mẫu mã, bao bì, đóng gói sản phẩm; đào tạo bán hàng online; dịch vụ nông thôn có tiềm năng như: nấu ăn, lễ tân phục vụ du lịch làng nghề...

5. Phát triển các dịch vụ hỗ trợ và nâng cao vai trò của các tác nhân liên quan

- Rà soát hỗ trợ, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho doanh nghiệp, HTX thành lập các trung tâm logistic và cung cấp dịch vụ cho làng nghề, trong đó chú trọng đầu tư cho đơn vị cung cấp các dịch vụ thiết yếu trong phát triển làng nghề như: Cho thuê kho bãi, mặt bằng sản xuất sạch; kho bảo quản lạnh; thiết kế mẫu mã, bao bì sản phẩm OCOP; thu gom xử lý chất thải; đóng gói sản phẩm, công nghệ thông minh; hỗ trợ phân tích, dự báo cung cầu thị trường trong nước và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế; đào tạo kỹ năng livestream bán hàng online; giới thiệu sản phẩm trên các nền tảng số (Tiktok, Youtube...); các kỹ năng đàm phán và xây dựng hợp đồng; hỗ trợ các dịch vụ phục hồi bảo tồn các giá trị văn hóa làng nghề.

- Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực cho HTX, doanh nghiệp vừa và nhỏ về logistic, hỗ trợ đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc tại các đơn vị cung cấp dịch vụ logistic hỗ trợ cho làng nghề.

- Phát huy tối đa vai trò của cơ quan quản lý các cấp, các tổ chức kinh tế - chính trị - xã hội, các hiệp hội ngành nghề trong công tác quản lý và hỗ trợ phát triển làng nghề, đảm bảo phân công cụ thể trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác bảo tồn và phát triển làng nghề. Hoàn thiện hệ thống Hiệp hội, Hội làng nghề các cấp góp phần nâng cao hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh tại các làng nghề. Chú trọng nâng cao vai trò của Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp hạt nhân, thúc đẩy hình thành các chuỗi giá trị xuất khẩu quy mô lớn.

6. Các nhiệm vụ ưu tiên

- 1) Nhiệm vụ phát triển làng nghề gắn với du lịch, tạo ra đa giá trị.
- 2) Nhiệm vụ bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống.
- 3) Nhiệm vụ bảo tồn và phát triển làng nghề theo hướng kinh tế tuần hoàn và kinh tế xanh.
- 4) Nhiệm vụ xử lý môi trường làng nghề.
- 5) Nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ mới vào sản xuất sản phẩm làng nghề.
- 6) Nhiệm vụ nâng cấp cơ sở hạ tầng làng nghề, đặc biệt là làng nghề phục vụ du lịch.
- 7) Nhiệm vụ quảng bá, truyền thông, xúc tiến thương mại, hợp tác quốc tế sản phẩm làng nghề.
- 8) Nhiệm vụ hỗ trợ chuyển đổi số cho các làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm nâng cao năng lực quản lý và tiếp cận thị trường.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Quy hoạch làng nghề

- Rà soát, đánh giá, sắp xếp các làng nghề, làng nghề truyền thống được công nhận, các làng có nghề đặc trưng cần bảo tồn, phát huy giá trị trên địa bàn thành phố nhằm phục vụ cho công tác tổ chức lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thực hiện tích hợp các nội dung Quy hoạch làng nghề trong quá trình triển khai lập quy hoạch vùng huyện, quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Điều chỉnh quy hoạch chung thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065, trong đó chú trọng các nội dung: Quy hoạch các Trung tâm đổi mới sáng tạo làng nghề, không gian cảnh quan làng nghề truyền thống đặc sắc gắn với phát triển du lịch, dịch vụ thương mại; các cụm công nghiệp làng nghề; phát triển vùng nguyên liệu,...

- Xây dựng lộ trình, kế hoạch triển khai thực hiện quy hoạch làng nghề trên địa bàn thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền vận động và nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với công tác Bảo tồn và phát triển làng nghề

- Thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền và người dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác Bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống, đa dạng hóa sản xuất ở nông thôn đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

- Củng cố, kiện toàn lại chức năng nhiệm vụ và bộ máy, nhân sự quản lý Nhà nước đối với ngành nghề, làng nghề, nhất là bộ máy, nhân sự quản lý Nhà nước tại các địa phương cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước. Đưa

nội dung bảo tồn, phát triển làng nghề vào kế hoạch, chương trình hành động của các Sở, ban ngành Thành phố, các cấp địa phương; nâng cao năng lực, trình độ cho các cán bộ phụ trách làng nghề tại cấp huyện; tăng cường phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông, truyền hình thường xuyên phản ánh công tác kiểm tra, đánh giá của các cấp đối với chất lượng sản phẩm làng nghề, công tác bảo vệ môi trường làng nghề, qua đó thúc đẩy phát triển du lịch, khẳng định giá trị sản phẩm làng nghề trên thị trường.

- Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền thông qua đa dạng kênh thông tin truyền thông truyền thống kết hợp với các nền tảng số; ứng dụng công nghệ số vào xây dựng các tài liệu, chỉ dẫn làng nghề, bản đồ làng nghề nhằm quảng bá làng nghề; duy trì chương trình đối thoại của UBND Thành phố với các làng nghề nhằm truyền tải, cập nhật thông tin; xây dựng và thực hiện các chương trình thăm quan, trải nghiệm du lịch làng nghề đối với học sinh các cấp trên toàn Thành phố nhằm đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về các giá trị văn hóa làng nghề truyền thống của Thủ đô.

- Thí điểm xây dựng, triển khai Chương trình ngoại khóa thăm quan tìm hiểu lịch sử các làng nghề cho đối tượng học sinh các cấp nhằm khơi dậy các giá trị văn hóa truyền thống thàng nghề, ươm mầm nuôi dưỡng tình yêu nghề ngay từ lúc bé.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách Trung ương, Thành phố đã ban hành về bảo tồn, phát triển làng nghề, cụ thể: Chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát triển làng nghề theo quy định tại Nghị định số 52/2028/NĐ-CP ngày 12/04/2018 của Chính phủ; Nghị định số 93/2023/NĐ-CP ngày 25/12/2023 của Chính phủ quy định về việc xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể; Chính sách hỗ trợ vùng nguyên liệu nông sản phục vụ chế biến theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 04/07/2023 của HĐND thành phố; Chính sách hỗ trợ xây dựng thương hiệu sở hữu trí tuệ làng nghề theo Quyết định 3567/QĐ-UBND ngày 16/07/2021 của UBND thành phố; Chính sách bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 theo Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 03/03/2022 của UBND Thành phố; Chính sách phong tặng nghệ nhân ngành thủ công mỹ nghệ theo Quyết định số 69/2009/QĐ-UBND ngày 18/05/2009 của UBND Thành phố; Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định chế độ đãi ngộ, hỗ trợ “Nghệ sĩ nhân dân”, “Nghệ sĩ ưu tú”; Nghệ nhân và Câu lạc bộ tiêu biểu trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể thành phố Hà Nội; Kế hoạch bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể thành phố Hà Nội đến năm 2025 theo Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND Thành phố; Kế hoạch du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2022-2025 theo Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 04/03/2022 của UBND Thành phố. Các dự án đầu tư trong lĩnh vực về bảo tồn và phát triển làng nghề được hưởng ưu đãi

theo Luật Đầu tư, được áp dụng các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành. Khai thác hiệu quả cơ chế đặc thù trong Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 ngày 28/6/2024 của Quốc hội nhằm hỗ trợ cho công tác bảo tồn, phát triển làng nghề, nhất là hỗ trợ chứng nhận sản phẩm OCOP, xây dựng thương hiệu bảo hộ sở hữu trí tuệ cho sản phẩm làng nghề.

- Rà soát xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách ưu đãi, đặc thù phù hợp với Luật thủ đô (Luật số 39/2024/QH15) nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề:

+ Chính sách thu hút đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các nhà khoa học vào làm việc tại các Trung tâm đổi mới sáng tạo.

+ Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về cụm công nghiệp làng nghề sinh thái, bền vững; áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn trong xây dựng, vận hành, quản lý các cụm công nghiệp làng nghề, và các làng nghề trên địa bàn Thành phố nhằm thúc đẩy thương mại tiêu thụ sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu.

+ Chính sách hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu và kết nối vùng nguyên liệu; chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng làng nghề.

+ Chính sách hỗ trợ máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến; xây dựng cơ chế đặc thù theo quy định của Luật Thủ đô để hỗ trợ chính sách hỗ trợ xử lý môi trường và xây dựng phương án bảo vệ môi trường làng nghề; logistic và công nghiệp phụ trợ; cơ chế đặc thù nhằm hỗ trợ các tác nhân làng nghề trong đầu tư áp dụng các công nghệ, thiết bị máy móc thủ công truyền thống thiết thực trong thực tiễn sản xuất nhưng không thuộc danh mục, hoặc chưa đáp ứng được quy định về điều kiện, tiêu chuẩn trong các chính sách của Nhà nước hỗ trợ về KH-CN hiện nay.

+ Chính sách đào tạo, truyền nghề; thiết kế đổi mới sáng tạo mẫu mã, sản phẩm; chế tạo nguyên liệu mới.

+ Chính sách hỗ trợ phát triển làng nghề gắn với du lịch, hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề và di dời cơ sở ra khỏi khu dân cư.

+ Chính sách chuyển đổi số, xúc tiến thương mại và tổ chức tham gia các hội thi. Trong đó, chú trọng đến các chính sách về miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế có liên quan khác theo quy định cho đối tượng là doanh nghiệp, HTX, tổ chức, cá nhân đầu tư vào bảo tồn, phát triển làng nghề, ưu tiên đối với các làng nghề có công nghệ thân thiện với môi trường, có doanh thu cao, có vùng nguyên liệu và tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.

+ Chính sách quy định phong tặng, tôn vinh và đãi ngộ đối với nghệ nhân, các đối tượng là thợ giỏi, thợ tay nghề cao tại các làng nghề; xây dựng cơ chế hỗ trợ nghệ nhân, thợ giỏi, nghệ nhân nước ngoài tham gia truyền, dạy nghề. Rà soát,

hoàn thiện đồng bộ chính sách phong tặng, tôn vinh nghệ nhân, thợ giỏi đối với các nghề thủ công truyền thống, nghệ nhân sinh vật cảnh...

+ Rà soát, bổ sung hoặc kiến nghị Trung ương ban hành quy định xét, công nhận đối với đội ngũ thợ giỏi. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý hoạt động đối với nghệ nhân, thợ giỏi được tôn vinh, phong tặng nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý nhà nước, phát huy tối đa giá trị của nghệ nhân, thợ giỏi.

+ Cơ chế khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp tư nhân lớn trong nước đóng góp cùng với nguồn ngân sách nhà nước vào Quỹ hỗ trợ bảo tồn làng nghề truyền thống.

- Ngoài các cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề đã ban hành, tăng cường lồng ghép các nội dung về bảo tồn và phát triển làng nghề vào các chiến lược, quy hoạch, các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch và phát triển kinh tế - xã hội Thành phố. Nghiên cứu thí điểm mô hình quỹ tín dụng hỗ trợ bảo tồn làng nghề.

4. Phát triển và ổn định nguyên liệu phục vụ cho các làng nghề

- Rà soát, phát triển ổn định vùng nguyên liệu cung ứng tại chỗ nhằm đảm bảo cung ứng một phần nguyên liệu cho các làng nghề của Thành phố, cụ thể:

+ Rà soát, tích hợp nội dung quy hoạch vùng nguyên liệu nông sản vùng huyện, đồng bộ với định hướng phát triển vùng nguyên liệu trong các quy hoạch chung của Thủ đô. Theo quy hoạch đến năm 2030, phát triển vùng sản xuất lúa tập trung quy mô 140 nghìn ha, tập trung chính tại các huyện Sóc Sơn, Ứng Hòa, Chương Mỹ, Mỹ Đức, Phú Xuyên; vùng sản xuất rau tập trung quy mô khoảng 38 nghìn ha, tập trung chính tại các huyện Mê Linh, Đông Anh, Ba Vì, Chương Mỹ, Hoài Đức; vùng sản xuất hoa, cây cảnh quy mô 8.000 - 9.000 ha tập trung chính tại các huyện Mê Linh, Đan Phượng, Phúc Thọ, Thạch Thất; vùng sản xuất cây ăn quả quy mô 22,6 nghìn ha (chuối, ổi, bưởi Diễn, cam Canh,...) tập trung chính tại các huyện Ba Vì, Chương Mỹ, Sóc Sơn, Phúc Thọ, Quốc Oai, Hoài Đức; vùng sản xuất chè duy trì khoảng 2,5 nghìn ha, tập trung ở các vùng sản xuất chè truyền thống tại Ba Vì, Sóc Sơn, Chương Mỹ, Quốc Oai. Đối với ngành chăn nuôi, vùng chăn nuôi phải nằm ngoài khu vực đô thị, xa khu dân cư, phù hợp với quy hoạch. Duy trì ổn định đàn bò sữa, phát triển đàn lợn hữu cơ đạt 13,6 nghìn con, ưu tiên tập trung phát triển đàn gà đẻ trứng thương phẩm và gà bản địa. Đối với thủy sản, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 25 nghìn ha.

+ Bên cạnh đó, phát triển ổn định vùng nguyên liệu trồng dâu tằm tơ, mây tre tại địa bàn các huyện khu vực nông thôn nhằm chủ động một phần nguyên liệu cho làng dệt lụa Vạn Phúc, Phùng Xá và các làng nghề mây tre đan.

+ Đầu tư nâng cấp cho các vùng nguyên liệu tập trung đã được quy hoạch. Đầu tư về cơ sở hạ tầng đường giao thông, điện, hệ thống tưới tiêu, thoát nước, hệ thống thu gom, xử lý chất thải; cấp mã số vùng trồng, hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử, áp dụng quy trình thực hành sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận, nâng cao chất lượng giống cây trồng, vật nuôi.

- Xây dựng kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu bền vững từ các tỉnh/vùng trong nước, các nước trong khu vực, thế giới đáp ứng yêu cầu sản xuất của các làng nghề trên địa bàn Thủ đô. Xây dựng cơ chế phối hợp cụ thể với các tỉnh/vùng trong nước, các nước trong khu vực, thế giới nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định, chất lượng cung cấp cho các làng nghề trên địa bàn Thủ đô. Xây dựng và chuẩn hóa quy trình kỹ thuật hướng dẫn đồng bộ từ sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản nguyên liệu đầu vào cho các làng nghề. Phối hợp với các địa phương, tác nhân liên kết cung ứng nguyên liệu để áp dụng hiệu quả quy trình, qua đó giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng nguyên liệu. Tổ chức các đoàn khảo sát, kết nối vùng nguyên liệu cho các làng nghề với các tỉnh, vùng trong và nước ngoài. Đối với nguyên liệu tơ tằm, ưu tiên liên kết với các vùng nguyên liệu lớn trong nước như (Lâm Đồng, Yên Bái...); đối với nguyên liệu mây tre đan tập trung liên kết với các vùng miền núi phía Nghệ An, Thanh Hóa, Hòa Bình, Bắc Kạn...; đối với gốm sứ, xây dựng liên kết cung ứng nguyên liệu (cao lanh, đất sét) tại các tỉnh có tiềm năng nguyên liệu lớn là Hải Dương, Phú Thọ...

- Xây dựng chợ đầu mối giao dịch nguyên liệu sản xuất cho các làng nghề. Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi tập kết, bảo quản nguyên liệu, đường giao thông kết nối vận chuyển nguyên liệu. Phát triển công nghệ số vào quản lý, truy xuất nguồn gốc toàn bộ chuỗi cung ứng nguyên liệu.

- Phát triển một số mô hình chuyên môn hóa trong cung cấp nguyên liệu đầu vào cho chế biến của làng nghề nhằm đáp ứng đa dạng chủng loại nguyên liệu, bao gồm cả các nguyên liệu đã phối chế...nhằm tạo ra các dòng sản phẩm mới, chất lượng tốt, có sức cạnh tranh trên thị trường. Thành phố cần có chính sách hỗ trợ mô hình đầu tư cơ sở hạ tầng, công nghệ, khu chế biến nguyên liệu... cho các nhà đầu tư mô hình.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên liệu, giảm thất thoát, tránh lãng phí nguyên liệu: Rà soát, xây dựng, ban hành các tài liệu hướng dẫn về quản lý, khai thác nhằm nâng cao chất lượng nguyên liệu, hướng dẫn về quản lý sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu cho các tác nhân tại làng nghề. Rà soát, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm nông sản làm nguyên liệu đầu vào cho chế biến. Đầu tư thiết bị máy móc công nghệ (công nghệ số, công nghệ sinh học...) vào khai thác, quản lý nguyên liệu nhằm nâng cao chất lượng, tránh thất thoát lãng phí, giảm phát thải ra môi trường.

5. Cải thiện điều kiện sản xuất và bảo vệ môi trường làng nghề

- Đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn, phổ biến pháp luật về môi trường. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường làng nghề, tăng cường năng lực cho các cán bộ làm công tác quản lý môi trường làng nghề cấp cơ sở. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho các cán bộ phụ trách môi trường tại các làng nghề để nâng cao trình độ nhận thức cũng như năng lực xử lý ô nhiễm do sản xuất gây ra.

- Triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch đối với hệ thống nhà máy xử lý nước thải đầu mối, xử lý chất thải rắn theo Đồ án Điều chỉnh quy hoạch Thủ đô đến năm 2045, định hướng đến năm 2065 làm cơ sở đầu mối hệ thống nước thải, chất thải tại các làng nghề, CCN làng nghề tại các huyện.

- Hỗ trợ phương án bảo vệ môi trường cho các làng có nghề đề nghị công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống và 97 làng nghề đã được Thành phố công nhận nhưng chưa có phương án theo kiến nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 3290/BC-STNMT-CCBVMT ngày 02/5/2024.

- Triển khai thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường làng nghề tại các Quyết định 2546/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND thành phố Hà Nội về Ban hành danh mục, lộ trình và kế hoạch xử lý ô nhiễm môi trường đối với các làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 310/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 của UBND Thành phố về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2546/QĐ-UBND ngày 28/4/2023. Cụ thể: 60 làng nghề ô nhiễm môi trường bắt buộc phải xử lý, lộ trình thực hiện đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; 16 làng nghề ô nhiễm có dấu hiệu mai một phải xử lý ô nhiễm môi trường kết hợp khôi phục sản xuất; 44 làng nghề chưa có dấu hiệu ô nhiễm, cần tiếp tục kiểm soát chất lượng môi trường; 40 làng nghề mai một cần rà soát, đề xuất đưa ra khỏi "Danh sách công nhận danh hiệu làng nghề, làng nghề truyền thống" của UBND Thành phố.

- UBND cấp quận/huyện/thị xã thực hiện công tác đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường đối với các làng nghề chưa được công nhận và chưa có phương án bảo vệ môi trường nằm trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch, lộ trình đề nghị Thành phố hỗ trợ hoặc cân đối ngân sách cấp huyện để hỗ trợ cho các làng nghề và phê duyệt phương án bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung đối với 07/25 CCN làng nghề đang hoạt động chưa có trạm XLNT theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Đối với các CCN làng nghề mới thành lập, đang xây dựng cần đảm bảo 100% CCN có trạm XLNT tập trung theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

- Đẩy nhanh đầu tư xây dựng các CCN làng nghề mới tại địa bàn các huyện Phúc Thọ, Thạch Thất, Quốc Oai, Hoài Đức, Thanh Oai, Thường Tín, Ứng Hòa, Phú Xuyên, Chương Mỹ, Thanh Trì, thị xã Sơn Tây và Quận Hà Đông nhằm đáp ứng nhu cầu diện tích mặt bằng sản xuất, hỗ trợ di dời cơ sở làng nghề ô nhiễm môi trường.

- Có chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, HTX, cơ sở ngành nghề nông thôn tại các làng nghề đầu tư công nghệ xử lý nước thải, chất thải tiên tiến, tuần hoàn, tiết kiệm diện tích, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện di dời các cơ sở sản xuất của làng nghề trong khu dân cư có nguy cơ cao ô nhiễm môi trường vào các khu, CCN làng nghề đã quy hoạch, đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Huy động sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

- Không khuyến khích phát triển các ngành nghề theo quy định tại mục 1. Điều 35. Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 20/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể gồm: (i) Ngành, nghề sản xuất không thuộc ngành nghề nông thôn theo quy định của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; (ii) Ngành, nghề thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường được quy định tại Phụ lục II của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 20/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; (iii) Ngành, nghề sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, hoặc hóa chất dễ cháy, dễ nổ, hóa chất nguy hiểm, hóa chất hạn chế kinh doanh theo quy định của pháp luật; (iv) Ngành, nghề sử dụng dây truyền công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu thuộc danh mục hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

6. Thực hiện hiệu quả đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng Khoa học Công nghệ vào sản xuất

6.1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Quan tâm bồi dưỡng, nâng cao năng lực và nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về làng nghề đặc biệt là cán bộ cơ sở.

- Triển khai hiệu quả Kế hoạch, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn Thành phố. Hỗ trợ nghề nhân, thợ giỏi tham gia các khóa đào tạo trong nước và quốc tế về kỹ năng thuyết trình, phát triển ý tưởng thiết kế mẫu mã sản phẩm mới; xu hướng thị trường đối với các sản phẩm xanh, thân thiện môi trường, minh bạch, công bằng xã hội. Tăng cường và khuyến khích nghề nhân, thợ giỏi trực tiếp mở lớp truyền nghề, đào tạo nghề cho lao động. Xây dựng cơ chế hỗ trợ các nghề nhân, thợ giỏi tham gia đào tạo nghề, truyền nghề, nhân cấy nghề, chú trọng đến các nghề truyền thống, cổ truyền.

- Tăng cường hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, tập huấn về kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới, tổ chức sản xuất, quản lý doanh nghiệp, về quy trình sản xuất đảm bảo an toàn lao động, tiết kiệm nguyên liệu; kỹ năng vận hành trang thiết bị máy móc, công nghệ thông tin, cho các chủ doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất tại làng nghề. Tổ chức cho các chủ doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất, tham quan học tập kinh nghiệm phát triển làng nghề ở trong và ngoài nước. Chú trọng đào tạo đối với đối tượng lao động trẻ, lao động là nữ giới nhằm nâng cao nhận thức về bảo tồn và phát triển các giá trị truyền thống của các làng nghề.

- Nâng cao hiệu quả mô hình đào tạo nghề cho lao động. Xây dựng đa dạng mô hình đào tạo nghề liên kết giữa nghề nhân, doanh nghiệp, hiệp hội nghề, cơ sở đào tạo nghề để nâng cao hiệu quả của phát triển nguồn nhân lực cho làng nghề.

- Chuẩn hóa tài liệu, quy trình kỹ thuật sản xuất các sản phẩm làng nghề làm cơ sở nâng cao nhận thức, hiểu biết cho lao động trẻ, nữ giới trong công tác bảo tồn, phát triển nghề. Xây dựng cơ sở dữ liệu hàng năm về biến động cung – cầu nhân lực lao động làng nghề.

- Thực hiện rà soát, đánh giá, thi tay nghề để đánh giá kỹ năng nghề cho lao động làm việc trong các cơ sở ngành nghề tại các làng nghề. Thành phố cần có

chính sách hỗ trợ, khuyến khích đối với đối tượng thợ giỏi, lành nghề. Mô hình đánh giá kỹ năng có thể thông qua các hội đồng làng nghề, kết hợp chuyên gia, đánh giá kỹ năng nghề trên địa bàn Thành phố để đảm bảo khách quan, hiệu quả.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo nghề, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tranh thủ nguồn lực, công nghệ, đội ngũ chuyên gia, nghệ nhân trong phát triển nhân lực cho phát triển làng nghề của Thành phố.

- Tăng cường công tác hợp tác quốc tế về đào tạo lao động/xuất khẩu lao động tới các quốc gia có sản xuất các sản phẩm cùng loại để trao đổi kỹ thuật sản xuất.

6.2. Ứng dụng KHCN vào sản xuất trong làng nghề

- Hỗ trợ đưa công nghệ số, hạ tầng số, ứng dụng công nghệ số vào sản xuất. Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm. Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đưa công nghệ phục vụ bảo tồn ngành nghề, làng nghề truyền thống.

- Hỗ trợ đầu tư công nghệ thiết bị hiện đại theo phương châm kết hợp giữa công nghệ tiên tiến với công nghệ số và bí kíp cổ truyền để tạo ra sản phẩm vẫn giữ được nét truyền thống nhưng đáp ứng thị hiếu và đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Hỗ trợ đầu tư cải tiến và vật liệu mới vào sản xuất để tiết kiệm nguyên liệu, lao động; các công nghệ sản xuất sạch thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý chất thải, nghiên cứu các giải pháp tận dụng, sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng từ các chất thải công nghiệp.

- Khuyến khích đầu tư chiều sâu vào khoa học kỹ thuật, đầu tư sâu vào công nghệ chế biến để tiêu chuẩn hóa nguồn nguyên liệu chế biến (phát triển ngành công nghiệp chế biến nguyên liệu tiêu chuẩn hóa).

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về bảo tồn và phát triển làng nghề. Ưu tiên những đề tài nghiên cứu công nghệ sạch, chất lượng, phù hợp, thân thiện môi trường cho một số nội dung đối với làng nghề: Nghiên cứu chế tạo các loại nguyên vật liệu cung cấp cho các làng nghề đảm bảo chất lượng, hạ giá thành, thân thiện môi trường, từng bước hướng đến thay thế, giảm phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu; công nghệ xử lý nước thải, chất thải làng nghề; tái chế phụ phẩm thành sản phẩm có giá trị; thiết kế mẫu mã bao bì sản phẩm OCOP của làng nghề, phát triển sản phẩm mới; công nghệ truy xuất nguồn gốc điện tử sản phẩm làng nghề; công nghệ kho lạnh đối với nhóm sản phẩm nông sản chế biến; xây dựng thương hiệu bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm của làng nghề; công nghệ số phục vụ giao dịch thương mại điện tử tại các trung tâm thiết kế đổi mới sáng tạo, chợ đầu mối được quy hoạch, xây dựng. Tăng cường đầu tư máy móc vào các khâu vặt vãi, nhàm chán, giá trị gia tăng thấp (sơ chế nguyên liệu; tạo khuôn sản phẩm; công nghệ nung (trường hợp gốm sứ)...).

- Thí điểm xây dựng và hỗ trợ các dự án phát triển mô hình làng nghề thông minh (đầu tư hạ tầng, năng lực ứng dụng công nghệ; hệ thống công nghệ, phần mềm quản lý...); phát triển các mô hình làng nghề sản xuất theo hướng tuần hoàn

tiết kiệm nguyên liệu, giảm thải chất thải ra môi trường; mô hình làng nghề sản xuất xanh gắn với phát triển du lịch; ứng dụng công nghệ phục dựng, bảo tồn các làng nghề đã thất truyền, có nguy cơ bị thất truyền (số hóa, lưu giữ số liệu, giá trị văn hóa phi vật thể đã bị mai một...).

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia các chương trình, đề tài khoa học, dự án khôi phục kỹ thuật nghề truyền thống, chuyên giao tiến bộ KHCN kết hợp với sử dụng kỹ thuật, công nghệ truyền thống để phát triển ý tưởng, thiết kế tạo sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng, nhưng vẫn gìn giữ được bản sắc truyền thống của làng nghề. Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, cơ sở xuất khẩu cải thiện điều kiện sản xuất, xây dựng, áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế trong quản lý (ISO, HACCP, GMP...) và hệ thống tiêu chuẩn chứng nhận chất lượng sản phẩm để thúc đẩy xuất khẩu (Tiêu chuẩn cơ sở đối với các doanh nghiệp, HTX...).

- Thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị, hội chợ nhằm giới thiệu các kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh, KHCN mới và các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh tại làng nghề.

7. Phát triển hệ thống cung cấp các dịch vụ hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề

- Rà soát, đánh giá, phân loại các dịch vụ hỗ trợ tại các làng nghề; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích các doanh nghiệp cung ứng các dịch vụ hỗ trợ các khâu trên toàn bộ chuỗi liên kết từ sản xuất, chế biến, thương mại tiêu thụ sản phẩm, qua đó xác định được cải giải pháp, nội dung đầu tư phát triển các dịch vụ hỗ trợ cho làng nghề.

- Xây dựng cơ chế ưu đãi, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị máy móc, KHCN cho các đơn vị, doanh nghiệp, HTX cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho phát triển làng nghề, như: Dịch vụ cho thuê kho bãi, logistic; dịch vụ kho bảo quản lạnh đối với nhóm nông sản chế biến; thiết kế mẫu mã, bao bì sản phẩm OCOP; thu gom xử lý chất thải; giải pháp đóng gói, công nghệ thông minh; phân tích, dự báo cung cầu thị trường trong nước và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp giải quyết các tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế; đào tạo kỹ năng livestream bán hàng online; giới thiệu sản phẩm trên các nền tảng số (Tiktok, Youtube...); hỗ trợ khôi phục, bảo tồn các giá trị văn hóa làng nghề bị mai một, có nguy cơ bị mai một; xây dựng kế hoạch phát triển du lịch làng nghề.

- Đầu tư, phát triển các Trung tâm đổi mới sáng tạo nhằm thu hút các nghệ nhân, thợ giỏi, các nhà khoa học, các doanh nghiệp vào làm việc nhằm cung cấp đa dạng các dịch vụ, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu. Một số dịch vụ hiện các làng nghề đang cần như: Phân tích kiểm định chất lượng nguyên liệu đầu vào; pha chế nguyên liệu, thiết kế.... Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và kết nối điện tử trong hệ thống Trung tâm dịch vụ logistics trên địa bàn Thành phố. Phát triển các nền tảng logistics thông minh, xây dựng sàn đấu giá nguyên liệu trực tiếp và trực tuyến. Áp dụng mô hình

chuỗi cung ứng số, thương mại điện tử cho sản phẩm làng nghề và nguyên liệu phục vụ sản xuất tại các làng nghề.

- Xây dựng và số hóa tài liệu, sổ tay/cẩm nang giới thiệu, cung cấp thông tin về làng nghề Hà Nội, các danh mục các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ uy tín, chất lượng, trong nước và nước ngoài làm cơ sở tham khảo, cung cấp thông tin cho các chủ thể làng nghề (doanh nghiệp, HTX...), cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến công tác bảo tồn, phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

8. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu gắn với phát triển sản phẩm OCOP

8.1. Xúc tiến thương mại

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề theo Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, Chương trình xúc tiến thương mại - du lịch và Chương trình OCOP của Thành phố.

- Tăng cường áp dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các cơ sở ngành nghề tại làng nghề xây dựng website giới thiệu, quảng bá sản phẩm làng nghề; xây dựng bộ tư liệu, thông tin về các làng nghề trên địa bàn tỉnh, thành phố làm cơ sở quảng bá, phát triển du lịch làng nghề. Xây dựng các chương trình truyền thông, các tài liệu quảng bá cho ngành một cách chuyên nghiệp. Ưu tiên hỗ trợ xây dựng website, mạng xã hội để tuyên truyền; xây dựng đa dạng các sản phẩm tuyên truyền, như ấn phẩm, tờ rơi, panô, khẩu hiệu, băng hình (video, clip) phù hợp với các kênh truyền thông khác nhau; kết nối các hoạt động truyền thông nhằm thống nhất và tạo hiệu ứng về hình ảnh, thông điệp truyền thông.

- Hỗ trợ nghiên cứu thị trường, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước đối với sản phẩm các làng nghề một cách bài bản, khoa học; cung cấp thông tin về xu hướng thị trường, thị hiếu người tiêu dùng, sản phẩm và công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới... nhằm định hướng về chất lượng sản phẩm, tổ chức sản xuất, thiết kế mẫu mã, bao bì, phương án tiếp cận thị trường cho sản phẩm các làng nghề.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ năng marketing, xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường và tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực marketing, xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường cho các chủ thể làng nghề, tập trung vào kỹ năng dựa trên môi trường số, ứng dụng công nghệ số.

- Xây dựng danh mục các hội chợ, triển lãm chuyên ngành trong và ngoài nước, thường xuyên cung cấp thông tin về các hội chợ, triển lãm, hoạt động xúc tiến thương mại cho các chủ thể của làng nghề; hỗ trợ chủ thể tham gia hội chợ, triển lãm xúc tiến thương mại trong và ngoài nước, đặc biệt là các hội chợ, triển lãm theo từng nhóm ngành nghề, có sự tham gia của khách hàng quốc tế (ví dụ như Hanoi Giftshow, VIFA EXPO, VIFA ASEAN, Lifestyle Vietnam...).

- Thúc đẩy, hỗ trợ làng nghề thiết kế sáng tạo vừa mang tính truyền thống, vừa mang tính hiện đại phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng thông qua: tổ chức thường xuyên các cuộc thi thiết kế mẫu mã sản phẩm cho làng nghề, tổ chức các chương trình liên kết giữa nghệ nhân, chủ thể làng nghề với các cơ sở đào tạo

mỹ thuật thiết kế, xây dựng và nâng cao năng lực cho đội ngũ thiết kế, sáng tác của các làng nghề.

8.2. Xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu tập thể cho các làng nghề; hỗ trợ bộ nhận diện thương hiệu các sản phẩm làng nghề theo từng nhóm ngành hàng sản phẩm làng nghề; Hỗ trợ thiết kế và xây dựng cấm biển nhận diện về làng nghề theo quy chuẩn chung có gắn mã QR CODE, tích hợp cơ sở dữ liệu về làng nghề nhằm tăng cường hiệu quả công tác quảng bá sản phẩm.

- Đề cao vai trò của thị trường trong nước, hỗ trợ công tác quảng bá để tiêu thụ sản phẩm làng nghề tại thị trường trong nước, tổ chức mạng lưới bán lẻ trong nước, đổi mới phương thức tiếp thị xuất khẩu, đồng thời quan tâm đến việc xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm, xây dựng hình ảnh của ngành thủ công mỹ nghệ Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Định kì tổ chức chương trình kết nối các làng nghề theo từng nhóm nghề với các nhà phân phối, doanh nghiệp đầu tàu, dẫn dắt thị trường nhằm mở rộng cơ hội thị trường cho các làng nghề; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tàu từng nhóm nghề để định hướng, dẫn dắt chủ thể làng nghề, tác nhân trong chuỗi sản phẩm làng nghề cùng phát triển.

- Triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác đã ký với Đại học Lund (Thụy Điển) và Hội đồng Thủ công Thế giới (WCC) trong các nội dung đào tạo tập huấn nâng cao năng lực, thiết kế mẫu mã, bảo tồn, phát triển làng nghề. Cung cấp thông tin, hỗ trợ chủ thể làng nghề đăng ký tham gia vào các mạng lưới chuyên ngành trên thế giới (ví dụ mạng lưới của Hội chợ thủ công mỹ nghệ quốc tế Artigiano...) để duy trì kết nối với khách hàng quốc tế một cách thường xuyên.

- Hỗ trợ, thúc đẩy sự tham gia của các chủ thể vào các hội, hiệp hội chuyên ngành, khuyến khích các chủ thể liên kết với nhau nhằm mở rộng mạng lưới khách hàng, được hỗ trợ cung cấp thông tin về thị trường và khách hàng, đặc biệt là thị trường quốc tế.

- Xây dựng một số chuỗi giá trị liên kết đối với những nghề có nhiều làng nghề tham gia và sử dụng nhiều lao động như: Mộc dân dụng, mây tre, giang đan, chế biến nông sản thực phẩm,..

9. Đẩy mạnh phát triển làng nghề gắn với du lịch phù hợp với phát triển kinh tế xã hội của địa phương

- Rà soát, lập danh sách các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống có tiềm năng phát triển du lịch trên cơ sở kế thừa danh mục các làng nghề truyền thống phát triển du lịch trong các đề án giai đoạn trước, danh mục các điểm du lịch gắn với tài nguyên du lịch là làng nghề và làng nghề truyền thống được UBND Thành phố phê duyệt; tổng hợp danh mục làng nghề tiềm năng phát triển du lịch theo đề xuất của các địa phương.

- Xây dựng các sản phẩm du lịch trải nghiệm gắn với làng nghề, từ đó hình thành các tour, tuyến du lịch kết nối các làng nghề trên địa bàn Thành phố cũng

như với các địa phương trên cả nước gắn với câu chuyện, quá trình ra đời và hình thành của các làng nghề, qua đó góp phần bảo tồn và phát huy hiệu quả giá trị của các làng nghề, làng nghề truyền thống và nghề truyền thống của Thủ đô. Đây mạnh công tác bảo tồn, trùng tu và phát triển các di tích văn hóa, lịch sử (vật thể), các hoạt động lễ hội truyền thống (phi vật thể) trong mỗi làng nghề góp phần làm phong phú thêm nội dung của các Tour du lịch làng nghề.

- Hỗ trợ đào tạo nâng cao kiến thức, năng lực làm du lịch cho các tác nhân liên quan tại các làng nghề (ban quản lý làng nghề, doanh nghiệp, HTX, cá nhân tại các làng nghề gắn với du lịch). Hỗ trợ nâng cao trình độ nhận thức, khả năng giao tiếp, thái độ ứng xử hài hòa, văn minh, thân thiện trước mắt cho những người tiếp xúc trực tiếp với khách du lịch và cộng đồng dân cư tại các điểm đến du lịch. Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn ngắn và dài hạn nâng cao trình độ và kỹ năng cho cán bộ làm công tác thuyết minh, hướng dẫn để họ mang đến cho du khách những giá trị văn hóa truyền thống và nguồn gốc hình thành phát triển của các làng nghề, ý nghĩa của từng sản phẩm làng nghề chứa đựng những giá trị lịch sử, nhân văn và nét đặc trưng của từng địa phương.

- Gắn kết chương trình phát triển làng nghề với chương trình phát triển du lịch; tăng cường mở các tour, tuyến du lịch làng nghề, phố nghề vừa phục vụ du lịch, vừa trình diễn nghề và bán sản phẩm làng nghề để các sản phẩm làng nghề được tiếp cận với khách du lịch trong và ngoài nước. Xây dựng địa điểm trình diễn sản phẩm, giới thiệu và bán hàng lưu niệm cho du khách, đồng thời nghiên cứu bảo tồn các di tích lịch sử của làng nghề như Đền thờ Tổ nghề, các lễ hội văn hóa truyền thống của làng; xây dựng các điểm sản xuất thử nghiệm cho du khách tham gia, xây dựng các hộ gia đình Nghề nhân tiêu biểu thành các điểm đón khách du lịch.

- Đẩy nhanh thực hiện chuyển đổi số du lịch làng nghề. Xây dựng cơ sở dữ liệu của các làng nghề gắn với phát triển du lịch. Số hóa các điểm đến, xây dựng bản đồ số mạng lưới các làng nghề gắn với phát triển du lịch trên địa bàn Thành phố. Xây dựng và số hóa tài liệu tham chiếu du lịch cho du khách (sản phẩm dịch vụ cung cấp, quy trình đặt tour, tuyến, đầu mối liên hệ...). Chú trọng xây dựng danh mục sản phẩm OCOP của các làng nghề làm quà biếu, quà tặng cho du khách, đồng thời cung cấp dịch vụ kết nối sản phẩm làng nghề tại các làng nghề khác trong và ngoài thành phố để đáp ứng nhu cầu của du khách.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng địa điểm trình diễn, trưng bày giới thiệu sản phẩm và bán hàng lưu niệm cho du khách, đồng thời nghiên cứu tôn tạo, bảo tồn các di tích lịch sử của làng nghề như Đền thờ Tổ nghề, các lễ hội văn hóa truyền thống của làng; xây dựng các điểm sản xuất thử nghiệm cho du khách tham gia, xây dựng các hộ gia đình nghề nhân tiêu biểu thành các điểm đón khách du lịch. Khuyến khích xây dựng bảo tàng làng nghề tại các địa phương.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch tại các làng nghề có tiềm năng phát triển du lịch: Đường giao thông vào làng nghề; điểm dừng chân nghỉ dưỡng, trải nghiệm cho du khách; điểm check in, chú trọng đầu tư nâng cấp cải tạo môi trường làng nghề để phục vụ du lịch.

- Chú trọng công tác đầu tư, xúc tiến sản phẩm du lịch văn hóa gắn với làng nghề nhằm phát triển, định vị và quảng bá rộng rãi thương hiệu du lịch Hà Nội. Tập trung các chiến dịch quảng bá sản phẩm du lịch làng nghề trên các kênh truyền thông lớn trong nước và quốc tế. Định kỳ hàng năm, tổ chức các sự kiện, lễ hội du lịch văn hóa lớn, đặc sắc mang tính quốc gia và quốc tế như: Lễ hội Áo dài, Lễ hội du lịch làng nghề, Lễ hội quà tặng du lịch...

- Thúc đẩy thu hút các nguồn lực xã hội hóa trong đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, dịch vụ du lịch tại các điểm đến di tích, di sản, làng nghề. Nghiên cứu, triển khai thí điểm mô hình Đầu tư công - quản lý tư và Lãnh đạo công - quản trị tư trong đầu tư, vận hành các khu, điểm du lịch trong đó có các điểm đến di tích, di sản, làng nghề.

- Kiện toàn, nâng cao trách nhiệm người đại diện của làng nghề trong quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch của các làng nghề làm cơ sở phục vụ kết nối hiệu quả, bền vững với các công ty du lịch, lữ hành, các trung tâm xúc tiến...trong phát triển du lịch làng nghề.

10. Chuyển đổi số cho các làng nghề

- Triển khai hiệu quả các chính sách đã ban hành của Hà Nội về chuyển đổi số, bao gồm: Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 30/12/2022 của Thành ủy Hà Nội về chuyển đổi số, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 239/KH-UBND ngày 27/09/2023 của UBND thành phố Hà Nội chuyển đổi số, xây dựng thành phố Hà Nội thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định 4098/QĐ-UBND ngày 06/09/2021 của UBND Thành phố phê duyệt chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Đào tạo tập huấn, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, lợi ích của chuyển đổi số cho các tác nhân làng nghề; trang bị và nâng cao kỹ năng như xây dựng gian hàng trên sàn thương mại điện tử, xây dựng kênh, xây dựng nội dung và livestream bán hàng trên mạng xã hội; kỹ năng xây dựng câu chuyện và kể chuyện về làng nghề và sản phẩm của làng nghề; kỹ năng quản lý, xử lý đơn hàng; kỹ năng kết nối và tương tác với khách hàng trên mạng xã hội, chăm sóc khách hàng, xây dựng dữ liệu và quản lý dữ liệu khách hàng; kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế và xây dựng ý tưởng về sản phẩm...

- Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu làng nghề, số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu. Xây dựng cổng dữ liệu mở, số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề thành phố Hà Nội.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong bán hàng và phân phối sản phẩm: Xây dựng sàn thương mại điện tử cho sản phẩm làng nghề; hỗ trợ các hộ làng nghề chuyển đổi sang bán hàng đa kênh (kênh thương mại điện tử, mạng xã hội, website, zalo...) để tiếp cận được tập khách hàng lớn hơn; hỗ trợ đầu tư phần mềm hoặc hệ thống quản lý hàng tồn kho, quản lý tình trạng các đơn hàng khi mở rộng hệ thống kênh phân phối sản phẩm; hỗ trợ chủ thể tiếp cận với các kênh phân phối

khác nhau; hỗ trợ chuyển đổi số trong thanh toán, đa dạng hóa hình thức thanh toán, tích hợp trên các kênh bán hàng trực tuyến cho các chủ thể làng nghề.

- Xây dựng các video clip ngắn giới thiệu các làng nghề; xây dựng website chuyên cung cấp thông tin về tất cả làng nghề trên địa bàn thành phố; số hóa sản phẩm làng nghề dưới dạng 3D nhằm cung cấp thông tin trực quan, sinh động đến khách hàng; hỗ trợ đẩy mạnh sử dụng mạng xã hội và các công cụ số trong tiếp thị sản phẩm làng nghề.

- Đẩy mạnh áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử đang được Thành phố vận hành nhằm quản lý vùng nguyên liệu, quản lý chất lượng và nguồn gốc sản phẩm từ vùng nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng một cách hiệu quả.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn chuyển đổi số làng nghề, thiết kế gói các hoạt động chuyển đổi số cho làng nghề; phổ biến tài liệu rộng rãi đến các làng nghề, chủ thể làng nghề của Thành phố.

- Thiết lập hệ thống giám sát môi trường, quan trắc môi trường của các làng nghề dựa trên ứng dụng công nghệ số, công nghệ tự động, ưu tiên triển khai tại các làng nghề có nguy cơ/có tác động lớn đến môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

- Thiết kế và xây dựng các gói chuyển đổi số cho làng nghề và HTX, hộ thành viên bao gồm: Thiết kế xây dựng Website, fanpage, thiết kế gian hàng điện tử trên các nền tảng Tiktok, Facebook, Zalo...

- Thí điểm xây dựng mô hình, dự án chuyển đổi số đối với một số làng nghề và tổng kết nhân rộng, như hỗ trợ máy móc, thiết bị tự động hóa nhằm cải tiến quy trình vận hành, rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) cho các hoạt động bảo tồn, phát triển tại các làng nghề.

11. Tăng cường xã hội hóa nguồn lực thực hiện Đề án

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tích cực tuyên truyền về tầm quan trọng của bảo tồn, phát triển làng nghề, vận động các tổ chức cá nhân huy động tài chính, tri thức, công lao động...đối với các hoạt động gìn giữ giá trị làng nghề.

- Công khai, minh bạch trong công tác quy hoạch, định hướng, các dự án, kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề từ đó giúp người dân tiếp cận được thông tin kịp thời để tham gia đầu tư phát triển làng nghề. Từ đó thu hút sự quan tâm, tham gia của mọi thành phần kinh tế và cộng đồng dân cư trong bảo tồn và phát triển làng nghề.

- Kêu gọi sự ủng hộ, tham gia của người dân Việt Nam, công dân Thủ đô ở nước ngoài tham gia các chuỗi giá trị xuất khẩu sản phẩm làng nghề.

- Nâng cao hiệu quả của công tác xúc tiến thu hút đầu tư tư nhân trong bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống, có chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư tư nhân, đặc biệt với các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn, có tiềm lực tài chính, có trình độ khoa học – công nghệ.

- Phối hợp, lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công và đầu tư tư nhân, trong đó vốn đầu tư công đóng vai trò định hướng, tập trung cho các hạ tầng thiết yếu như cơ sở hạ tầng giao thông trục chính, năng lượng, hạ tầng số, công nghệ thông tin. Huy động tối đa các nguồn vốn của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân làng nghề trên địa bàn Thủ đô đầu tư và khai thác các Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu sản phẩm tại các làng nghề, trung tâm đào tạo nghề, truyền nghề, trung tâm cung cấp thông tin về thị trường; các chợ đầu mối; mô hình du lịch làng nghề.

- Biểu dương các tập thể, cá nhân có những mô hình, cách làm hay. Nghiên cứu thí điểm thành lập quỹ bảo tồn và phát triển làng nghề để huy động nguồn lực từ các nguồn.

V. NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

1. Nguồn lực triển khai thực hiện Đề án

- Từ nguồn ngân sách theo phân cấp giao theo Chương trình, kế hoạch, dự án được duyệt hàng năm.

- Các đơn vị được giao kinh phí thực hiện Đề án có trách nhiệm sử dụng kinh phí đảm bảo trọng tâm, trọng điểm, tránh trùng lặp và phù hợp (về đối tượng; phạm vi; nội dung, mức hỗ trợ; trình tự, thủ tục triển khai thực hiện; ...) với các cơ chế, chính sách hiện hành của Trung ương và Thành phố.

2. Lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình, dự án

Thực hiện đa dạng hóa và lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu Quốc gia; ngân sách địa phương, vốn tín dụng, vốn của các tổ chức quốc tế và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư bảo tồn và phát triển làng nghề.

3. Huy động các nguồn lực khác

Các nguồn vốn hợp pháp của các tổ chức quốc tế, doanh nghiệp, hợp tác xã và đóng góp của nhân dân.

VI. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả Kinh tế

Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng, phê duyệt và triển khai hiệu quả sẽ góp phần cải thiện việc làm, tăng thu nhập cho lao động tại các làng nghề; tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân các làng nghề đạt 10%/năm, sản phẩm làng nghề có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế thông qua phát triển thương hiệu, liên kết chuỗi giá trị, tỷ lệ lao động làng nghề qua đào tạo đạt trên 80%, xuất khẩu sản phẩm làng nghề được đẩy mạnh,...qua đó đóng góp vào tốc độ tăng trưởng, chuyển đổi cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn trên địa bàn Thành phố.

2. Hiệu quả Xã hội

Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng và triển khai hiệu quả sẽ có

tác động tích cực về mặt xã hội cộng đồng nông thôn thông qua đời sống vật chất, tinh thần của người dân làng nghề không ngừng được cải thiện nâng cao. Thu nhập bình quân đầu người làng nghề đến năm 2030 là 130-200 triệu đồng/người/năm⁴¹ góp phần cải thiện thu nhập cho lao động làng nghề. Các giá trị văn hóa truyền thống vật thể, phi vật thể của làng nghề được khôi phục, bảo tồn; các không gian văn hóa làng nghề (trung tâm thiết kế đổi mới sáng tạo, trung tâm triển lãm sản phẩm; không gian du lịch làng nghề...) được đầu tư xây dựng; các lễ hội làng nghề trong nước và quốc tế được tổ chức. Bên cạnh đó, sức khỏe cộng đồng được nâng cao nhờ các giải pháp bảo vệ môi trường... góp phần nâng cao vị thế, tinh thần, giá trị văn hóa của con người Thủ đô kết nối giao lưu với với văn hóa thế giới.

3. Hiệu quả Môi trường

Phát triển làng nghề bền vững, thân thiện môi trường, gắn với phát triển du lịch nông thôn là nội dung trọng tâm trong chiến lược định hướng quốc gia về phát triển làng nghề đến năm 2030, định hướng đến năm 2045⁴². Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng trên cơ sở định hướng chung của các chủ trương, chính sách quốc gia nêu trên. Các nội dung, giải pháp được thiết kế đồng bộ trong đề án nhằm tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các làng nghề trên phạm vi toàn thành phố như: Phát triển các CCN làng nghề và thực hiện di dời các làng nghề gây ô nhiễm môi trường vào CCN làng nghề; đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy móc, công nghệ xử lý nước thải, chất thải làng nghề; quy hoạch phát triển làng nghề đồng bộ; phát triển du lịch làng nghề; phát triển mô hình làng nghề theo hướng tuần hoàn, phát triển xanh, tiết kiệm tài nguyên đầu vào, hạn chế thải chất thải ra môi trường. Mục tiêu đến năm 2030, 100% làng nghề, làng nghề truyền thống đáp ứng được các điều kiện về bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành. Chính vì vậy, Đề án được xây dựng, phê duyệt và triển khai hiệu quả, đồng bộ các nội dung, giải pháp nêu trên là cơ sở quan trọng nâng cao công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn toàn Thành phố, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng, bảo vệ hệ sinh thái nông thôn, thúc đẩy phát triển du lịch làng nghề, du lịch nông thôn.

⁴¹ Báo cáo Quy hoạch thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

⁴² Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030

PHẦN THỨ BA

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2025-2030

- Rà soát, hoàn thiện các văn bản quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề và ngành nghề nông thôn trên địa bàn Thành phố phù hợp với quan điểm, chủ trương, chỉ đạo, quy định từ Trung ương và của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố trong giai đoạn mới.

- Xây dựng các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, dự án/nhiệm vụ ưu tiên trong “Đề án tổng thể phát triển làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

- Tổ chức thực hiện 05 nhóm nội dung chính của đề án và 08 nhiệm vụ/dự án ưu tiên sau khi được phê duyệt, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ, có chất lượng, hiệu quả, đạt các mục tiêu cụ thể đã đề ra.

- Xây dựng và phát triển một số chuỗi giá trị liên kết sản phẩm làng nghề có quy mô sử dụng lao động lớn (mộc dân dụng, mây tre, giang đan, chế biến nông sản thực phẩm,...).

- Xây dựng và phát triển, triển khai một số mô hình du lịch làng nghề.

- Thực hiện tổng kết, đánh giá, đề xuất giải pháp trong giai đoạn tiếp theo, tập trung vào phát triển bền vững, gắn kết chặt chẽ với du lịch và kinh tế xanh, nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả đề án.

2. Giai đoạn 2031-2050

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp của Đề án; điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các nội dung, dự án/nhiệm vụ ưu tiên, các chính sách hỗ trợ phù hợp với bối cảnh và tình hình mới.

- Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển các Trung tâm đổi mới sáng tạo hiện đại, kết nối đồng bộ với mạng lưới các làng nghề; các mô hình sản xuất làng nghề theo hướng xanh, bền vững, tuần hoàn, giảm phát thải.

- Thực hiện truyền nghề, đào tạo nghề nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi có trình độ tiệm cận với trình độ ngành thủ công mỹ nghệ các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

- Xây dựng các làng nghề kiểu mẫu, tích hợp du lịch và giáo dục, nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý và phát triển làng nghề, đảm bảo các làng nghề có thể tự duy trì và phát triển một cách bền vững.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành thành phố Hà Nội

1.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là cơ quan thường trực, giúp UBND Thành phố theo dõi, tổng hợp, định kỳ báo cáo UBND Thành phố về tình hình triển khai thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Đề án; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn và hướng dẫn thực hiện các nội dung của Đề án.

- Phối hợp lồng ghép nội dung phát triển nghề và làng nghề Hà Nội với việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

- Chủ trì xây dựng xây dựng và số hóa hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp với các quận, huyện, thị xã rà soát, xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, ổn định và kết nối vùng nguyên liệu cho phát triển làng nghề và ngành nghề nông thôn.

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng nội dung, kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với phát triển làng nghề.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, cung cấp thông tin cho báo chí để công tác tuyên truyền đạt hiệu quả cao.

- Phối hợp hỗ trợ thành lập và nâng cao chất lượng hoạt động các hội, hiệp hội chuyên ngành của các nhóm ngành nghề nông thôn. Hỗ trợ các hội, hiệp hội, doanh nghiệp phối hợp với các địa phương xây dựng các trung tâm thiết kế, đổi mới sáng tạo/ bảo tồn và phát triển các giá trị của nghề, làng nghề.

- Tổ chức các hội chợ/festival làng nghề, hội thi các sản phẩm thủ công mỹ nghệ thường niên để quảng bá, xúc tiến thương mại và tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi.

- Rà soát các nội dung, chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và kịp thời đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các địa phương để tổ chức quản lý và thực hiện có hiệu quả Đề án.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện Đề án.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị liên quan cân đối nguồn vốn và tham mưu UBND Thành phố phân bổ vốn đầu tư đối với các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, dự án thực hiện Đề án theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Đề án.

1.3. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND Thành phố bố trí kinh phí (đối với nguồn vốn chi thường xuyên) để thực hiện Đề án theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chi tiêu tài chính thực hiện Đề án.

1.4. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn vị liên quan rà soát, thực hiện chính sách, quy định, hướng dẫn phong tặng nghệ nhân trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá nhu cầu, thị hiếu tiêu dùng và định hướng xuất khẩu các sản phẩm làng nghề sang các thị trường tiềm năng.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan nghiên cứu xây dựng và triển khai hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm thủ công mỹ nghệ chủ lực, sản phẩm làng nghề có tiềm năng xuất khẩu, hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế.

- Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thị xã và các đơn vị liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các CCN để di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư, làng nghề theo quy định; triển khai các nhiệm vụ khuyến công để thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn, làng nghề.

1.5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, hoàn thiện cơ chế, chính sách về đào tạo nghề cho người lao động nông thôn theo quy định.

- Hướng dẫn các quận, huyện, thị xã trong việc tổ chức triển khai đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động trên địa bàn Thành phố; Hàng năm xây dựng, tham mưu UBND Thành phố ban kế hoạch đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng trên địa bàn Thành phố, trong đó có đào tạo cho người lao động tại các làng nghề.

- Thường xuyên rà soát, bổ sung danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó cập nhật các ngành, nghề phù hợp với xu hướng phát triển của các làng nghề của Thành phố, làm cơ sở tham mưu UBND Thành phố thực hiện các chính sách đào tạo nghề trên địa bàn Thành phố.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn Thành phố.

- Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra về an toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở sản xuất của các làng nghề.

1.6. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất, làng nghề về đất đai, mặt bằng sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường.

- Rà soát, đánh giá và cập nhật danh sách các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý dứt điểm; hướng dẫn biện pháp xử lý chất thải, nước thải, bảo vệ môi trường đối với những làng nghề bảo tồn để phát triển tại chỗ, xử lý các khu vực đã bị ô nhiễm sau khi di dời hoặc chấm dứt hoạt động.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề.

1.7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất các chính sách về khoa học - công nghệ cho các làng nghề.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đáp ứng những yêu cầu, quy định, tiêu chuẩn chất lượng của mạng phân phối nước ngoài thông qua các chương trình đào tạo, phổ biến thông tin, hướng dẫn, xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, nhất là áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu chất lượng của mạng lưới phân phối nước ngoài thông qua các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố.

- Tăng cường các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng về nguồn lực đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ; thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; tổ chức trưng bày, giới thiệu, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

1.8. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nghệ nhân, người có công bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị di sản văn hóa nghề truyền thống.

1.9. Sở Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với UBND các quận, huyện, thị xã và đơn vị liên quan xây dựng sản phẩm du lịch trải nghiệm làng nghề, hình thành các tour, tuyến du lịch kết nối các điểm đến di sản, di tích, làng nghề trên địa bàn Thành phố với các địa phương trong cả nước, gắn với câu chuyện, quá trình ra đời và hình thành của các làng nghề, qua đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bảo tồn, phát huy và lan tỏa hình ảnh của điểm đến cũng như thương hiệu của các làng nghề, làng nghề truyền thống và nghề truyền thống của Thủ đô đến với các thị trường khách du lịch ở trong nước và quốc tế.

- Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên kết với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, du lịch xây dựng các tuyến, điểm, phát triển các sản phẩm du lịch, xúc tiến du lịch gắn với các làng nghề.

- Đào tạo kỹ năng dịch vụ du lịch cho người dân làng nghề, đội ngũ hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp.

1.10. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn vị liên quan cung cấp thông tin hướng dẫn các cơ quan báo chí Thành phố, cơ quan báo chí Trung ương, địa phương phối hợp và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các nội dung của Đề án.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn vị liên quan xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin góp phần hỗ trợ phát triển nghề và làng nghề Hà Nội tiêu thụ sản phẩm thông qua các nền tảng số.

1.11. Sở Ngoại vụ

- Chủ trì trao đổi, hợp tác với Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam trong việc quảng bá, giới thiệu làng nghề, sản phẩm làng nghề;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ về xúc tiến đầu tư, thương mại, đầu tư, du lịch làng nghề và sản phẩm làng nghề của Thành phố ra thị trường thế giới;

- Phối hợp với cơ quan liên quan nghiên cứu thị trường, xu hướng thị trường, thị hiếu người tiêu dùng, sản phẩm và công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới đối với sản phẩm làng nghề trên thế giới; cung cấp thông tin về các hội chợ, triển lãm làng nghề quốc tế có uy tín; hỗ trợ về thủ tục đăng ký, tham gia hội chợ, triển lãm của các làng nghề.

1.12. Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch thành phố Hà Nội

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đơn vị liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch gắn với hỗ trợ các làng nghề.

- Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, hỗ trợ các cơ sở ngành nghề tại làng nghề, quảng bá sản phẩm làng nghề làm cơ sở quảng bá, phát triển du lịch làng nghề.

- Hỗ trợ nghiên cứu thị trường, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước đối với sản phẩm làng nghề phù hợp với xu hướng thị trường, thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước

- Xây dựng kế hoạch tham gia các hội chợ quốc tế về thủ công mỹ nghệ, làng nghề và các chương trình thiết kế, đổi mới sáng tạo.

1.13. Các sở, ban, ngành có liên quan

- **Đối với Sở, ban, ngành có liên quan:** Căn cứ chức năng nhiệm vụ quản lý Nhà nước của mình, theo nhiệm vụ được Thành phố giao lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung liên quan của Đề án.

- **Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành và các địa phương tăng cường tuyên truyền, phổ biến, vận động đoàn viên, hội viên, thành viên tích cực tham gia công tác bảo tồn và phát triển làng nghề theo các nội dung được phê duyệt tại Đề án này.

2. UBND các quận, huyện, thị xã

- Chủ động trong công tác quy hoạch đối với các làng nghề và kế hoạch bảo tồn, duy trì phát triển làng nghề theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành xây dựng các quy hoạch, kế hoạch cụ thể trên địa bàn để thực hiện tốt Đề án.

- Chỉ đạo tổ chức và thực hiện lồng ghép Đề án này với các chương trình, dự án khác có trên địa bàn, đặc biệt là gắn với chương trình xây dựng NTM.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

- Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân và các tác nhân ở các làng nghề tích cực tham gia các nội dung của Đề án.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Với Trung ương

- Các bộ, ngành, cơ quan liên quan của Trung ương căn cứ các nội dung quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành nghề nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy định, cơ chế, chính sách khác có liên quan, hỗ trợ thành phố Hà Nội tổ chức thực hiện các nội dung nhằm thúc đẩy phát triển làng nghề trên địa bàn Thành phố.

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn quy định tiêu chí công nhận Phố nghề và các nội dung khác cho phù hợp với tình hình thực tế trong tình hình mới, nhất là đối với thành phố Hà Nội.

- Kết nối các nguồn lực hợp tác với thành phố Hà Nội trong công tác bảo tồn, phát triển các làng nghề và xúc tiến thương mại quốc tế.

2. Với Thành ủy và HĐND Thành phố

Sau khi đề án được ban hành, cho phép Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành chính sách tổng thể hỗ trợ phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hà Nội, để có cơ sở triển khai được thống nhất và hiệu quả./.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Danh sách làng nghề đã được công nhận trên địa bàn Thành phố tính đến hết năm 2023

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
1	Làng nghề nón thôn Phú Xuyên	Phú Châu	Ba Vì	2001
2	Làng nghề chế biến tơ tằm Lương Phú	Thuần Mỹ	Ba Vì	2001
3	Làng nghề CB tinh bột sắn thôn Minh Hồng	Minh Quang	Ba Vì	2002
4	Làng nghề nón thôn Phong Châu	Phú Châu	Ba Vì	2002
5	Làng nghề nón thôn Liễu Châu	Phú Châu	Ba Vì	2002
6	Làng nghề CB chè khô thôn Búi Thông	Ba Trại	Ba Vì	2002
7	Làng nghề CB chè khô thôn Đô Trám	Ba Trại	Ba Vì	2002
8	Làng nghề CB chè thôn Đồng Chăm	Ba Trại	Ba Vì	2003
9	Làng nghề CB chè thôn Trại Khoai	Ba Trại	Ba Vì	2003
10	Làng nghề CB chè thôn Trung Sơn	Ba Trại	Ba Vì	2004
11	Làng nghề CB chè thôn Đồng Dài	Ba Trại	Ba Vì	2004
12	Làng nghề chế biến chè búp khô Thôn Đồi	Ba Trại	Ba Vì	2005
13	Làng nghề chế biến chè búp khô thôn Búi Thông dưới	Ba Trại	Ba Vì	2005
14	Làng nghề chế biến chè búp khô Trung Hạ - Chu Minh	Ba Trại	Ba Vì	2005
15	Làng nghề Trồng hoa Mai trắng Thôn An Hòa	Tản Lĩnh	Ba Vì	2021
16	Làng nghề mây tre đan thôn Phú Vinh	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	2001
17	Làng nghề mây tre đan thôn Phù Yên	Trường Yên	Chương Mỹ	2001
18	Làng nghề mây tre giang thôn Yên Kiện	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	2002
19	Làng nghề mây tre giang thôn Đông Cựu	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	2002
20	Làng nghề mây tre giang thôn Đồi Ba	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	2002
21	Làng nghề mây tre đan thôn Thái Hòa	Hợp Đồng	Chương Mỹ	2002
22	Làng nghề mây tre giang thôn Lam Điền	Lam Điền	Chương Mỹ	2002
23	Làng nghề mây tre đan thôn Quan Châm	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	2002
24	Làng nghề mây tre đan thôn Khê Than	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	2002
25	Làng nghề nón mũ lá thôn Văn La	Văn Võ	Chương Mỹ	2002
26	Làng nghề mây tre đan thôn Hạ Dục	Đồng Phú	Chương Mỹ	2003
27	Làng nghề mây tre đan thôn Lũng Vỵ	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	2003
28	Làng nghề mây tre đan thôn Đồi Hai	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	2003
29	Làng nghề mây tre đan Phú Hữu I	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	2003

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
30	Làng nghề mây tre đan Phú Hữu II	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	2003
31	Làng nghề mây tre giang đan thôn Tiên Lữ	Tiên Phương	Chương Mỹ	2003
32	Làng nghề mây tre đan Nghĩa Hảo	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	2004
33	Làng nghề mây tre đan thôn Đồng Trữ	Phú Nghĩa	Chương Mỹ	2004
34	Làng nghề mộc, điêu khắc thôn Phụ Chính	Hòa Chính	Chương Mỹ	2004
35	Làng nghề mây tre đan thôn Trung Cao	Trung Hòa	Chương Mỹ	2004
36	Làng nghề mây tre giang đan thôn Yên Trường	Trường Yên	Chương Mỹ	2005
37	Làng nghề mây tre giang đan thôn Đồi 1	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	2005
38	Làng nghề mây tre giang đan thôn Đông Cự	Đông Sơn	Chương Mỹ	2005
39	Làng nghề thêu thôn Yên Cốc	Hồng Phong	Chương Mỹ	2005
40	Làng nghề mây song giang đan xuất khẩu thôn Yên Kien	Đông Sơn	Chương Mỹ	2007
41	Làng nghề mây song giang đan xuất khẩu thôn Lưu Xá	Hòa Chính	Chương Mỹ	2007
42	Làng nghề mây tre giang đan xuất khẩu thôn Quyết Tiến	Tiên Phương	Chương Mỹ	2007
43	Làng nghề chế biến nông sản thực phẩm thôn Chi Nê	Trung Hòa	Chương Mỹ	2007
44	Làng nghề mây song đan xuất khẩu thôn Hòa Xá	Đông Phú	Chương Mỹ	2008
45	Làng nghề mây tre giang đan xuất khẩu thôn Bài Trượng	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	2008
46	Làng nghề mây song đan xuất khẩu thôn Đồi Miếu	Nam Phương Tiến	Chương Mỹ	2008
47	Làng nghề mây tre đan Lương Sơn	Đông Sơn	Chương Mỹ	2009
48	Làng nghề truyền thống điêu khắc đá Long Châu Miếu	Phụng Châu	Chương Mỹ	2015
49	Làng nghề chế biến lâm sản thôn Hạ	Liên Trung	Đan Phượng	2001
50	Làng nghề đồ mộc thôn Thượng Thôn	Liên Hà	Đan Phượng	2002
51	Làng nghề Cb lâm sản thôn Trung	Liên Trung	Đan Phượng	2003
52	Làng nghề CB lương thực thực phẩm thôn Tháp Thượng	Song Phượng	Đan Phượng	2003
53	Làng nghề chế biến lương thực thực phẩm thôn Trúng Đích	Hạ Mỗ	Đan Phượng	2003
54	Làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm thôn Bá Nội	Hồng Hà	Đan Phượng	2004
55	Làng nghề cơ khí thôn Thúy Hội	Tân Hội	Đan Phượng	2004
56	Làng nghề sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ thôn Thù Lỗ	Liên Hà	Đông Anh	2020
57	Làng nghề trồng quýt cảnh xã Tàm Xá	Tàm Xá	Đông Anh	2020
58	Làng nghề cây cảnh hoa giấy thôn Phù Đồng	Phù Đồng	Gia Lâm	2020
59	Làng nghề chế biến nông sản thôn Thuận Quang	Dương Xá	Gia Lâm	2023
60	Làng nghề rèn Đa Sỹ	Kiến Hưng	Hà Đông	2001

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
61	Làng nghề dệt lụa tơ tằm Vạn Phúc	Vạn Phúc	Hà Đông	2001
62	Làng nghề chế biến nông sản Cát Quế	Cát Quế	Hoài Đức	2001
63	Làng nghề chế biến nông sản Dương Liễu	Dương Liễu	Hoài Đức	2001
64	Làng nghề dệt kim - bánh kẹo La Phù	La Phù	Hoài Đức	2001
65	Làng nghề chế biến nông sản Minh Khai	Minh Khai	Hoài Đức	2001
66	Làng nghề điêu khắc sơn mỹ nghệ thôn Sơn Đồng	Sơn Đồng	Hoài Đức	2002
67	Làng nghề dệt in hoa thôn Ý La	Dương Nội	Hà Đông	2002
68	Làng nghề dệt vải thôn La Dương	Dương Nội	Hà Đông	2002
69	Làng nghề dệt in hoa La Nội	Dương Nội	Hà Đông	2002
70	Làng nghề chế biến lương thực thực phẩm thôn Lưu Xá	Đức Giang	Hoài Đức	2002
71	Làng nghề bún bánh thôn Cao Xá Hạ	Đức Giang	Hoài Đức	2002
72	Làng nghề nhiếp ảnh truyền thống thôn Lai Xá	Kim Chung	Hoài Đức	2003
73	Làng nghề sản xuất bánh đa nem thôn Ngự Câu	An Thượng	Hoài Đức	2003
74	Làng nghề xây dựng, chế biến nông sản thôn Yên Sở	Yên Sở	Hoài Đức	2007
75	Làng nghề cơ khí, mộc dân dụng mỹ nghệ thôn Đại Tự	Kim Chung	Hoài Đức	2007
76	Làng nghề dệt may, chế biến nông lâm sản Đồng Nhân	Đông La	Hoài Đức	2008
77	Làng nghề hoa Đại Bái	Đại Thịnh	Mê Linh	2017
78	Làng nghề hoa, cây cảnh Hạ Lôi	Mê Linh	Mê Linh	2017
79	Làng nghề hoa, cây cảnh Liễu Trì	Mê Linh	Mê Linh	2017
80	Làng nghề mỳ bún Yên Thị	Tiến Thịnh	Mê Linh	2017
81	Làng nghề bánh đa Trung Hà	Tiến Thịnh	Mê Linh	2017
82	Làng nghề dệt Phùng Xá	Phùng Xá	Mỹ Đức	2001
83	Làng nghề thêu thôn Nội	Thượng Lâm	Mỹ Đức	2002
84	Làng nghề thêu thôn Trì	Thượng Lâm	Mỹ Đức	2003
85	Làng nghề mây tre đan, thêu ren thôn Trê	Tuy Lai	Mỹ Đức	2003
86	Làng nghề mây tre đan giang đan xuất khẩu thôn Đông Mỹ	An Tiến	Mỹ Đức	2005
87	Làng nghề thêu xuất khẩu thôn Hoàn	Đồng Tâm	Mỹ Đức	2007
88	Làng nghề cào bông thôn Xuân La	Phượng Dực	Phú Xuyên	2001
89	Làng nghề may Từ Thuận	Vân Từ	Phú Xuyên	2001
90	Làng nghề khảm trai thôn Ứng Cừ	Vân Từ	Phú Xuyên	2001
91	Làng nghề cỏ tế thôn Lưu Động	Phú Túc	Phú Xuyên	2002
92	Làng nghề cỏ tế thôn Tư Sản	Phú Túc	Phú Xuyên	2002
93	Làng nghề cỏ tế thôn Trinh Viên	Phú Túc	Phú Xuyên	2002
94	Làng nghề cỏ tế thôn Đường La	Phú Túc	Phú Xuyên	2002

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
95	Làng nghề cỏ tế thôn Phú Túc	Phú Túc	Phú Xuyên	2002
96	Làng nghề cỏ tế thôn Hoàng Xá	Phú Túc	Phú Xuyên	2002
97	Làng nghề cỏ tế thôn Lưu Xá	Phú Túc	Phú Xuyên	2002
98	Làng nghề giấy da thôn Giẽ Hạ	Phú Yên	Phú Xuyên	2002
99	Làng nghề giấy da thôn Giẽ Thượng	Phú Yên	Phú Xuyên	2002
100	Làng nghề giấy da thôn Thượng Yên	Phú Yên	Phú Xuyên	2002
101	Làng nghề tơ lưới thôn Thao Ngoại	Sơn Hà	Phú Xuyên	2002
102	Làng nghề chế biến LTTP thôn Tân Độ	Hồng Minh	Phú Xuyên	2002
103	Làng nghề bún bánh Hòa Khê Hạ	Bạch Hạ	Phú Xuyên	2002
104	Làng nghề cào bông thôn Văn Hội	Đại Thắng	Phú Xuyên	2002
105	Làng nghề thêu Đại Đồng	Phú Xuyên	Phú Xuyên	2003
106	Làng nghề đan võng thôn Thao Nội	Sơn Hà	Phú Xuyên	2003
107	Làng nghề đan guột tế thôn Trung Lập	Tri Trung	Phú Xuyên	2003
108	Làng nghề may mặc thôn Chung	Vân Từ	Phú Xuyên	2004
109	Làng nghề cơ khí, dịch vụ thôn Phú Gia	Phú Minh	Phú Xuyên	2004
110	Làng nghề dệt lưới chã thôn An Mỹ	Đại Thắng	Phú Xuyên	2004
111	Làng nghề mộc dân dụng thôn Đồng Phố	Tân Dân	Phú Xuyên	2004
112	Làng nghề mây tre đan guột tế thôn Nhị Khê	Hoàng Long	Phú Xuyên	2007
113	Làng nghề mây tre đan guột tế thôn Kim Long Trung	Hoàng Long	Phú Xuyên	2007
114	Làng nghề xây dựng thôn Kim Long Thượng	Hoàng Long	Phú Xuyên	2007
115	Làng nghề mộc dân dụng Đồng Cả	Tân Dân	Phú Xuyên	2017
116	Làng nghề mộc dân dụng Gia Phú	Tân Dân	Phú Xuyên	2017
117	Làng nghề mộc dân dụng Thường Liễu	Tân Dân	Phú Xuyên	2017
118	Làng nghề may thôn Thượng Hiệp	Tam Hiệp	Phúc Thọ	2001
119	Làng nghề CB NSTP thôn Hạ Hiệp	Liên Hiệp	Phúc Thọ	2002
120	Làng nghề CB NSTP thôn Hiếu Hiệp	Liên Hiệp	Phúc Thọ	2002
121	Làng nghề dệt thảm thôn Làng Đông	Phụng Thượng	Phúc Thọ	2002
122	Làng nghề CB NSTP thôn Linh Chiểu	Sen Phương	Phúc Thọ	2002
123	Làng nghề hoa, cây cảnh Tích Giang	Tích Giang	Phúc Thọ	2022
124	Làng nghề mộc thôn Phú An	Thanh Đa	Phúc Thọ	2022
125	Làng nghề mộc Triệu Xuyên	Long Xuyên	Phúc Thọ	2023
126	Làng nghề cắt may Làng Táo	Tam Thuần	Phúc Thọ	2023
127	Làng nghề cốt nan thôn Trại Ro	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	2001
128	Làng nghề tre nan Văn Khê	Nghĩa Hương	Quốc Oai	2002
129	Làng nghề cốt nan thôn Thế Trụ	Nghĩa Hương	Quốc Oai	2002
130	Làng nghề cốt nan thôn Văn Quang	Nghĩa Hương	Quốc Oai	2002

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
131	Làng nghề chế biến nông sản thực phẩm Thôn Tân Hòa	Tân Hòa	Quốc Oai	2002
132	Làng nghề nón mũ lá thôn Phú Mỹ	Ngọc Mỹ	Quốc Oai	2003
133	Làng nghề chế biến tinh bột Cộng Hòa	Cộng Hòa	Quốc Oai	2003
134	Làng nghề mây tre giang đan thôn Đại Phú	Liệp Tuyết	Quốc Oai	2004
135	Làng nghề mây tre giang đan thôn Thông Đạt	Liệp Tuyết	Quốc Oai	2004
136	Làng nghề mây giang đan thôn Bái Nội	Liệp Tuyết	Quốc Oai	2007
137	Làng nghề mây giang đan thôn Bái Ngoại	Liệp Tuyết	Quốc Oai	2007
138	Làng nghề mây giang đan thôn Vĩnh Phúc	Liệp Tuyết	Quốc Oai	2007
139	Làng nghề đan cốt nan xuất khẩu thôn Muôn	Tuyết Nghĩa	Quốc Oai	2007
140	Làng nghề mây giang song đan, tăm hương thôn Đồng Lư	Đồng Quang	Quốc Oai	2008
141	Làng nghề bánh tẻ thôn Phú Nhi	Phú Thịnh	Sơn Tây	2007
142	Làng nghề thêu ren Ngọc Kiên	Cổ Đông	Sơn Tây	2008
143	Làng nghề mộc thôn Chàng Sơn	Chàng Sơn	Thạch Thất	2001
144	Làng nghề đồ mộc, may thôn Hữu Bằng	Hữu Bằng	Thạch Thất	2001
145	Làng nghề cơ khí nông cụ Phùng Xá	Phùng Xá	Thạch Thất	2001
146	Làng nghề chè lam thôn Thạch	Thạch Xá	Thạch Thất	2001
147	Làng nghề mây tre đan thôn Thái Hòa	Bình Phú	Thạch Thất	2002
148	Làng nghề mây tre đan thôn Bình Xá	Bình Phú	Thạch Thất	2002
149	Làng nghề mây tre đan thôn Phú Hòa	Bình Phú	Thạch Thất	2002
150	Làng nghề mộc Canh Nậu	Canh Nậu	Thạch Thất	2003
151	Làng nghề mộc xây dựng Dị Nậu	Dị Nậu	Thạch Thất	2003
152	Làng nghề bún thôn Kỳ Thủy	Bích Hòa	Thanh Oai	2001
153	Làng nghề CB lâm sản thôn Canh Hoạch	Dân Hòa	Thanh Oai	2001
154	Làng nghề nón thôn Chung Chính	Phương Trung	Thanh Oai	2001
155	Làng nghề kim khí thôn Rùa Thượng	Thanh Thùy	Thanh Oai	2001
156	Làng nghề điêu khắc thôn Dư Dụ	Thanh Thùy	Thanh Oai	2001
157	Làng nghề bún thôn Thanh Lương	Bích Hòa	Thanh Oai	2002
158	Làng nghề chẻ tăm hương thôn Ba Dư	Hồng Dương	Thanh Oai	2002
159	Làng nghề chẻ tăm hương thôn Phương Nhị	Hồng Dương	Thanh Oai	2002
160	Làng nghề nón thôn Liên Tân	Phương Trung	Thanh Oai	2002
161	Làng nghề nón thôn Tân Tiến	Phương Trung	Thanh Oai	2002
162	Làng nghề nón thôn Quang Trung	Phương Trung	Thanh Oai	2002
163	Làng nghề nón thôn Mã Kiều	Phương Trung	Thanh Oai	2002

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
164	Làng nghề nón thôn Tây Sơn	Phương Trung	Thanh Oai	2002
165	Làng nghề nón thôn Tân Dân	Phương Trung	Thanh Oai	2002
166	Làng nghề nón mũ lá thôn Chi Lễ	Tân Ước	Thanh Oai	2002
167	Làng nghề kim khí thôn Dụ Tiên	Thanh Thùy	Thanh Oai	2002
168	Làng nghề kim khí thôn Từ Am	Thanh Thùy	Thanh Oai	2002
169	Làng nghề kim khí thôn Rùa Hạ	Thanh Thùy	Thanh Oai	2002
170	Làng nghề kim khí thôn Gia Vĩnh	Thanh Thùy	Thanh Oai	2002
171	Làng nghề giò chả thôn Hoàng Trung	Hồng Dương	Thanh Oai	2003
172	Làng nghề khâu bóng thôn Văn Khê	Tam Hưng	Thanh Oai	2003
173	Làng nghề nón mũ lá thôn Quế Sơn	Tân Ước	Thanh Oai	2003
174	Làng nghề giò chả thôn Ước Lễ	Tân Ước	Thanh Oai	2003
175	Làng nghề may công nghiệp, may dân dụng thôn Thượng	Bích Hòa	Thanh Oai	2004
176	Làng nghề ren voni xuất khẩu thôn Trên	Bích Hòa	Thanh Oai	2004
177	Làng nghề may công nghiệp, may dân dụng thôn Giữa	Bích Hòa	Thanh Oai	2004
178	Làng nghề mây tre đan xuất khẩu thôn Mùi	Bích Hòa	Thanh Oai	2004
179	Làng nghề nón thôn Thị Nguyên	Cao Dương	Thanh Oai	2004
180	Làng nghề nón thôn Mộc Xá	Cao Dương	Thanh Oai	2004
181	Làng nghề tương, miến thôn Cự Đà	Cự Khê	Thanh Oai	2004
182	Làng nghề chè tấm mảnh thôn Ngô Đồng	Hồng Dương	Thanh Oai	2004
183	Làng nghề chè tấm hương thôn Mạch Kỳ	Hồng Dương	Thanh Oai	2004
184	Làng nghề chè tấm hương thôn Tảo Dương	Hồng Dương	Thanh Oai	2004
185	Làng nghề dệt khăn, vải, dệt len thôn Thanh Thần	Thanh Cao	Thanh Oai	2004
186	Làng nghề vòng nón, nón thôn Đôn Thư	Kim Thư	Thanh Oai	2004
187	Làng nghề mộc truyền thống thôn Áng Phao	Cao Dương	Thanh Oai	2005
188	Làng nghề nón lá thôn Cao Xá	Cao Dương	Thanh Oai	2005
189	Làng nghề nón lá thôn Động Giã	Đỗ Động	Thanh Oai	2005
190	Làng nghề chè tấm xuất khẩu thôn Ngọc Đình	Hồng Dương	Thanh Oai	2005
191	Làng nghề nón, vòng nón thôn Trường Xuân	Xuân Dương	Thanh Oai	2005
192	Làng nghề thêu truyền thống thôn Cao Mật Thượng	Thanh Cao	Thanh Oai	2005
193	Làng nghề mây tre đan xuất khẩu thôn Phú Thọ	Dân Hòa	Thanh Oai	2007
194	Làng nghề khâu bóng thể thao thôn Bùi Xá	Tam Hưng	Thanh Oai	2007
195	Làng nghề khâu bóng thể thao thôn Song Khê	Tam Hưng	Thanh Oai	2007
196	Làng nghề khâu bóng thôn Lê Dương	Tam Hưng	Thanh Oai	2008
197	Làng nghề khâu bóng thể thao thôn Hưng Giáo	Tam Hưng	Thanh Oai	2008

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
198	Làng nghề giò chả thôn Phúc Thụy	Tân Ước	Thanh Oai	2008
199	Làng nghề CB lương thực thôn Nga My Thượng	Thanh Mai	Thanh Oai	2008
200	Làng nghề chế biến nông sản thôn Nga My Hạ	Thanh Mai	Thanh Oai	2008
201	Làng nghề sơn mài thôn Hạ Thái	Duyên Thái	Thường Tín	2001
202	Làng nghề điêu khắc Nhân Hiền	Hiền Giang	Thường Tín	2001
203	Làng nghề tiện gỗ thôn Nhị Khê	Nhị Khê	Thường Tín	2001
204	Làng nghề tre đan thôn Xâm Dương I	Ninh Sở	Thường Tín	2001
205	Làng nghề thêu Quất Động	Quất Động	Thường Tín	2001
206	Làng nghề thêu thôn Đào Xá	Thắng Lợi	Thường Tín	2001
207	Làng nghề bông len thôn Trát Cầu	Tiền Phong	Thường Tín	2001
208	Làng nghề mộc cao cấp Vạn Diễm	Vạn Diễm	Thường Tín	2001
209	Làng nghề thêu thôn Cổ Chát	Dũng Tiến	Thường Tín	2001
210	Làng nghề cơ khí mộc thôn Nguyên Hanh	Văn Tự	Thường Tín	2002
211	Làng nghề kim khí thôn Liễu Nội	Khánh Hà	Thường Tín	2002
212	Làng nghề thêu thôn Từ Vân	Lê Lợi	Thường Tín	2002
213	Làng nghề dệt đũi tơ tằm thôn Công Xuyên	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	2002
214	Làng nghề thêu thôn Đình Tổ	Nguyễn Trãi	Thường Tín	2002
215	Làng nghề thêu thôn Đông Cừ	Dũng Tiến	Thường Tín	2002
216	Làng nghề tre đan thôn Xâm Dương II	Ninh Sở	Thường Tín	2002
217	Làng nghề tre đan thôn Xâm Dương III	Ninh Sở	Thường Tín	2002
218	Làng nghề tre đan thôn Đại Lộ	Ninh Sở	Thường Tín	2002
219	Làng nghề tre đan thôn Bằng Sở	Ninh Sở	Thường Tín	2002
220	Làng nghề thêu thôn Hương Dương	Thắng Lợi	Thường Tín	2002
221	Làng nghề thêu thôn Khoái Nội	Thắng Lợi	Thường Tín	2002
222	Làng nghề thêu thôn Bình Lãng	Thắng Lợi	Thường Tín	2002
223	Làng nghề mộc dân dụng thôn Định Quán	Tiền Phong	Thường Tín	2002
224	Làng nghề điêu khắc mộc thôn Thượng Cung	Tiền Phong	Thường Tín	2002
225	Làng nghề làm lược sừng Thụy Ứng	Hòa Bình	Thường Tín	2003
226	Làng nghề tiện Trung Thôn	Nhị Khê	Thường Tín	2003
227	Làng nghề bánh dày Thượng Đình	Nhị Khê	Thường Tín	2003
228	Làng nghề thêu xuất khẩu Phương Cù	Thắng Lợi	Thường Tín	2003
229	Làng nghề thêu ren thôn Lưu Xá	Quất Động	Thường Tín	2004
230	Làng nghề thêu ren thôn Bi Hương	Quất Động	Thường Tín	2004
231	Làng nghề thêu ren thôn Quất Tinh	Quất Động	Thường Tín	2004
232	Làng nghề thêu ren thôn Đô Quan	Quất Động	Thường Tín	2004
233	Làng nghề thêu ren thôn Nguyên Bi	Quất Động	Thường Tín	2004
234	Làng nghề thêu ren thôn Đức Trạch	Quất Động	Thường Tín	2004

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
235	Làng nghề thêu ren thôn Quất Lâm	Quất Động	Thường Tín	2004
236	Làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ cao cấp thôn Đặng Xá	Vạn Điểm	Thường Tín	2005
237	Làng nghề sơn mài thôn Duyên Trường	Duyên Thái	Thường Tín	2005
238	Làng nghề thêu may thôn Xóm Bến	Nguyễn Trãi	Thường Tín	2005
239	Làng nghề may thêu thôn Gia Khánh	Nguyễn Trãi	Thường Tín	2007
240	Làng nghề thêu ren thôn Một Thượng	Thắng Lợi	Thường Tín	2007
241	Làng nghề thêu ren thôn Ba Lãng	Dũng Tiến	Thường Tín	2008
242	Làng nghề sinh vật cảnh thôn Cơ Giáo	Hồng Vân	Thường Tín	2008
243	Làng nghề sinh vật cảnh thôn Xâm Xuyên	Hồng Vân	Thường Tín	2008
244	Làng nghề Chăn ga gối đệm Ngọc Động	Tiền Phong	Thường Tín	2020
245	Làng nghề dệt Hòa Xá	Hòa Xá	Ứng Hòa	2001
246	Làng nghề tắm hương thôn Phú Lương Thượng	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	2001
247	Làng nghề tre đan thôn Hoàng Dương	Sơn Công	Ứng Hòa	2002
248	Làng nghề tre giang đan thôn Đông Vũ	Trường Thịnh	Ứng Hòa	2002
249	Làng nghề mây tre đan thôn Hoa Đường	Trường Thịnh	Ứng Hòa	2003
250	Làng nghề bông vải sợi Trung Thượng	Đại Hùng	Ứng Hòa	2003
251	Làng nghề mây đan guột tể thôn Phí Trạch	Phương Tú	Ứng Hòa	2003
252	Làng nghề hương đen thôn Xà Cầu	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	2003
253	Làng nghề tắm hương thôn Phú Lương Hạ	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	2004
254	Làng nghề chẻ tắm hương thôn Quảng Nguyên	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	2004
255	Làng nghề chẻ tắm hương thôn Cầu Bàu	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	2004
256	Làng nghề chẻ tắm hương thôn Đạo Tú	Quảng Phú Cầu	Ứng Hòa	2004
257	Làng nghề may áo dài truyền thống thôn Trạch Xá	Hòa Lâm	Ứng Hòa	2004
258	Làng nghề làm bún thôn Bật Chùa	Liên Bạt	Ứng Hòa	2004
259	Làng nghề làm bún thôn Bật Trung	Liên Bạt	Ứng Hòa	2004
260	Làng nghề làm bún thôn Bật Ngõ	Liên Bạt	Ứng Hòa	2004
261	Làng nghề rèn truyền thống thôn Vũ Ngoại	Liên Bạt	Ứng Hòa	2005
262	Làng nghề khảm trai thôn Cao Xá	Trung Tú	Ứng Hòa	2007
263	Làng nghề chẻ tắm hương, đan guột tể thôn Trần Đấng	Hoa Sơn	Ứng Hòa	2008
264	Làng nghề truyền thống giày dép da thôn Thần	Minh Đức	Ứng Hòa	2015
265	Làng nghề rượu làng Ngâu thôn Yên Ngưu	Tam Hiệp	Thanh Trì	2021

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
266	Làng nghề may thôn Vĩnh Trung	Đại Áng	Thanh Trì	2022
267	Làng nghề sản xuất bánh kẹo thôn Nội Am	Liên Ninh	Thanh Trì	2022
268	Làng nghề mây tre đan thôn 3	Vạn Phúc	Thanh Trì	2023

Phụ lục 2. Danh sách làng nghề truyền thống được công nhận trên địa bàn thành phố tính đến hết năm 2023

TT	Tên làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
1	Làng nghề truyền thống thuốc nam dân tộc Dao Yên Sơn	Ba Vì	Ba Vì	2013
2	Làng nghề truyền thống chế biến chè búp khô Đá Chông	Minh Quang	Ba Vì	2013
3	Làng nghề truyền thống chế biến chè Phú Yên	Yên Bài	Ba Vì	2015
4	Làng nghề chế biến thuốc nam Dân tộc Dao thôn Hợp Nhất	Ba Vì	Ba Vì	2021
5	Làng nghề chế biến thuốc nam Dân tộc Dao thôn Hợp Sơn	Ba Vì	Ba Vì	2021
6	Làng nghề truyền thống hoa Tây Tựu	Tây Tựu	Bắc Từ Liêm	2016
7	Làng nghề may cổ nhuộm	Cổ nhuộm 2	Bắc Từ Liêm	2009
8	Làng nghề truyền thống mộc dân dụng và phục chế nhà cổ Phúc Cầu	Thụy Hương	Chương Mỹ	2009
9	Làng nghề mộc dân dụng và điêu khắc Tân Mỹ	Thụy Hương	Chương Mỹ	2012
10	Làng nghề truyền thống mộc Phù Yên	Trường Yên	Chương Mỹ	2016
11	Làng nghề gỗ Mỹ nghệ Thiết Úng	Vân Hà	Đông Anh	2009
12	Làng nghề đậu chài Vông La	Vông La	Đông Anh	2018
13	Làng nghề dát vàng bạc quý và may da Kiêu Kỵ	Kiêu Kỵ	Gia Lâm	2009
14	Làng nghề truyền thống gốm sứ Bát Tràng	Bát Tràng	Gia Lâm	2009
15	Làng nghề truyền thống gốm sứ Giang Cao	Bát Tràng	Gia Lâm	2009
16	Làng nghề gốm sứ Kim Lan	Kim Lan	Gia Lâm	2009
17	Làng nghề thuốc nam, thuốc bắc Ninh Hiệp	Ninh Hiệp	Gia Lâm	2009
18	Làng nghề mộc truyền thống Thượng Mạo	Phú Lương	Hà Đông	2009
19	Làng nghề nuôi rắn Lê Mật	Việt Hưng	Long Biên	2010
20	Làng nghề đan lát Nam Cường	Tam Đồng	Mê Linh	2006
21	Làng nghề bún Phú Đô	Phú Đô	Nam Từ Liêm	2009
22	Làng nghề truyền thống cốm Mễ Trì	Mễ Trì	Nam Từ Liêm	2016
23	Làng nghề đục chạm gỗ cao cấp và mộc dân dụng Ngọc Mỹ	Ngọc Mỹ	Quốc Oai	2011
24	Làng nghề mộc dân dụng và chế biến lâm sản Ngô Sài	Quốc Oai	Quốc Oai	2015
25	Làng nghề mộc dân dụng và đục chạm gỗ cao cấp thôn Yên Quán	Tân Phú	Quốc Oai	2013
26	Làng nghề truyền thống Mây tre đan Xuân Dương	Kim Lũ	Sóc Sơn	2009
27	Làng nghề Truyền Thống tre trúc Thu Thủy	Xuân Thu	Sóc Sơn	2009

TT	Tên làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Năm công nhận
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
28	Làng nghề truyền thống hoa đào Nhật Tân	Nhật Tân	Tây Hồ	2015
29	Làng nghề truyền thống xôi Phú Thượng	Phú Thượng	Tây Hồ	2016
30	Làng nghề truyền thống Quất cảnh Tứ Liên	Tứ Liên	Tây Hồ	2018
31	Làng nghề truyền thống mộc dân dụng và làm nhà gỗ Hương Ngải	Hương Ngải	Thạch Thất	2013
32	Làng nghề sơn tạc tượng thôn Vũ Lăng	Dân Hòa	Thanh Oai	2002
33	Làng nghề nón lá mây tre xk thôn Tiên Lữ	Dân Hòa	Thanh Oai	2003
34	Làng nghề truyền thống sản xuất nhạc cụ dân tộc Đào Xá	Đông Lỗ	Ứng Hòa	2009
35	Làng nghề dệt truyền thống Triều Khúc	Tân Triều	Thanh Trì	2009
36	Làng nghề truyền thống làm bánh Tranh Khúc	Duyên Hà	Thanh Trì	2011
37	Làng nghề chế biến miến và bánh đa Phú Diễn	Hữu Hòa	Thanh Trì	2012
38	Làng nghề truyền thống nón lá Vĩnh Thịnh	Đại Áng	Thanh Trì	2020
39	Làng nghề mộc truyền thống Phụng Công	Hòa Bình	Thường Tín	2009
40	Làng nghề truyền thống sản xuất lưới cước Trần Phú	Minh Cường	Thường Tín	2012
41	Làng nghề truyền thống hoa cây cảnh Nội Thôn	Vân Tảo	Thường Tín	2012
42	Làng nghề truyền thống mộc mỹ nghệ Phúc Trạch	Thống Nhất	Thường Tín	2016
43	Làng nghề mộc mỹ nghệ An Định	Tô Hiệu	Thường Tín	2018
44	Làng nghề trồng Đào, cây cảnh thôn Đông Thai	Vân Tảo	Thường Tín	2023
45	Làng nghề bánh cuốn Thanh Trì	Thanh Trì	Hoàng Mai	2023
46	Làng nghề nặn tò he Xuân La	Phượng Dực	Phú Xuyên	2010
47	Làng nghề dệt lưới chã Văn Lăng	Quang Trung	Phú Xuyên	2010
48	Làng nghề làm hương thấp làng Văn Trai Thượng	Văn Hoàng	Phú Xuyên	2013
49	Làng nghề bánh kẹo truyền thống Cổ Hoàng	Hoàng Long	Phú Xuyên	2014
50	Làng nghề truyền thống mộc thôn Đại Nghiệp	Tân Dân	Phú Xuyên	2021
51	Làng nghề khảm trai thôn Đồng Vinh	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	2023
52	Làng nghề sơn khảm thôn Bối Khê	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	2023
53	Làng nghề khảm trai thôn Trung	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	2023
54	Làng nghề khảm trai thôn Thượng	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	2023
55	Làng nghề khảm trai thôn Ngọ	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	2023
56	Làng nghề khảm trai thôn Hạ	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	2023
57	Làng nghề sơn khảm thôn Mỹ Văn	Chuyên Mỹ	Phú Xuyên	2023
58	Làng nghề đồ mộc dân dụng thôn Chanh Thôn	Nam Tiến	Phú Xuyên	2023
59	Làng nghề cỏ tế cỏ truyền Lưu Thượng	Phú Túc	Phú Xuyên	2023

Phụ lục 3. Danh sách các làng nghề, làng nghề truyền thống đã mai một và có nguy cơ mai một đến hết năm 2023

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Ghi chú
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
A	Làng nghề, làng nghề truyền thống đã bị mai một			
I	Làng nghề			
1	Làng nghề chế biến tơ tằm Lương Phú	Thuần Mỹ	Ba Vì	2001
2	Làng nghề dệt in hoa thôn Ý La	Dương Nội	Hà Đông	2002
3	Làng nghề dệt vải thôn La Dương	Dương Nội	Hà Đông	2002
4	Làng nghề dệt in hoa La Nội	Dương Nội	Hà Đông	2002
5	Làng nghề bún bánh Hòa Khê Hạ	Bạch Hạ	Phú Xuyên	2002
6	Làng nghề cào bông thôn Văn Hội	Đại Thắng	Phú Xuyên	2002
7	Làng nghề thêu Đại Đồng	Phú Xuyên	Phú Xuyên	2003
8	Làng nghề cào bông thôn Xuân La	Phượng Dực	Phú Xuyên	2001
9	Làng nghề đan võng thôn Thao Nội	Sơn Hà	Phú Xuyên	2003
10	Làng nghề khảm trai thôn Ứng Cử	Vân Từ	Phú Xuyên	2001
11	Làng nghề CB NSTP thôn Hạ Hiệp	Liên Hiệp	Phúc Thọ	2002
12	Làng nghề CB NSTP thôn Hiếu Hiệp	Liên Hiệp	Phúc Thọ	2002
13	Làng nghề dệt thảm thôn Làng Đông	Phụng Thượng	Phúc Thọ	2002
14	Làng nghề chế biến tinh bột Cộng Hòa	Cộng Hòa	Quốc Oai	2003
15	Làng nghề mây tre giang đan thôn Đại Phú	Liệp Tuyết	Quốc Oai	2004
16	Làng nghề mây tre giang đan thôn Thông Đạt	Liệp Tuyết	Quốc Oai	2004
17	Làng nghề mây giang đan thôn Bái Nội	Liệp Tuyết	Quốc Oai	2007
18	Làng nghề mây giang đan thôn Bái Ngoại	Liệp Tuyết	Quốc Oai	2007
19	Làng nghề mây giang đan thôn Vĩnh Phúc	Liệp Tuyết	Quốc Oai	2007
20	Làng nghề thêu ren Ngọc Kiên	Cổ Đông	Sơn Tây	2008
21	Làng nghề may công nghiệp, may dân dụng thôn Thượng	Bích Hòa	Thanh Oai	2004
22	Làng nghề may công nghiệp, may dân dụng thôn Giữa	Bích Hòa	Thanh Oai	2004
23	Làng nghề ren voni xuất khẩu thôn Trên	Bích Hòa	Thanh Oai	2004
24	Làng nghề dệt khăn, dệt vải, dệt len thôn Thanh Thần	Thanh Cao	Thanh Oai	2004
25	Làng nghề thêu truyền thống thôn Cao Mật Thượng	Thanh Cao	Thanh Oai	2005
26	Làng nghề nón lá thôn Động Giã	Đỗ Động	Thanh Oai	2005
27	Mây tre đan xuất khẩu thôn Mùi	Bích Hòa	Thanh Oai	2004
28	Làng nghề khâu bóng thôn Lê Dương	Tam Hưng	Thanh Oai	2003
29	Làng nghề khâu bóng thôn Văn Khê	Tam Hưng	Thanh Oai	2003
30	Làng nghề khâu bóng thể thao thôn Song Khê	Tam Hưng	Thanh Oai	2007

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Ghi chú
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
31	Làng nghề khâu bóng thể thao thôn Bùi Xá	Tam Hưng	Thanh Oai	2007
32	Làng nghề khâu bóng thể thao thôn Hưng Giáo	Tam Hưng	Thanh Oai	2008
33	Làng nghề dệt đũi tơ tằm thôn Cống Xuyên	Nghiêm Xuyên	Thường Tín	2002
34	Làng nghề bông vải sợi Trung Thượng	Đại Hưng	Ứng Hòa	2003
35	Làng nghề chế tăm hương, đan guột té thôn Trần Đăng	Hoa Sơn	Ứng Hòa	2008
36	Làng nghề mây đan guột té thôn Phí Trạch	Phương Tú	Ứng Hòa	2003
37	Làng nghề tre đan thôn Hoàng Dương	Sơn Công	Ứng Hòa	2002
38	Làng nghề khảm trai thôn Cao Xá	Trung Tú	Ứng Hòa	2007
II	Làng nghề truyền thống			
1	Làng nghề truyền thống sản xuất nhạc cụ dân tộc Đào Xá	Đông Lỗ	Ứng Hòa	2009
B	Làng nghề, làng nghề truyền thống hoạt động cầm chừng, có nguy cơ mai một			
I	Làng nghề			
1	Làng nghề CB chè thôn Đồng Dài	Ba Trại	Ba Vì	2004
2	Làng nghề CB chè thôn Đồng Chằm	Ba Trại	Ba Vì	2003
3	Làng nghề chế biến chè búp khô Trung Hạ - Chu Minh	Ba Trại	Ba Vì	2005
4	Làng nghề mây tre đan thôn Hạ Dục	Đồng Phú	Chương Mỹ	2003
5	Làng nghề mây tre giang thôn Đông Cựu	Đông Phương Yên	Chương Mỹ	2005
6	Làng nghề mây song giang đan xuất khẩu thôn Yên Kiện	Đông Sơn	Chương Mỹ	2007
7	Làng nghề mây song giang đan xuất khẩu thôn Lưu Xá	Hòa Chính	Chương Mỹ	2007
8	Làng nghề mây tre giang đan xuất khẩu thôn Bài Trượng	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	2008
9	Làng nghề thêu thôn Yên Cốc	Hồng Phong	Chương Mỹ	2005
10	Làng nghề mây tre đan thôn Thái Hòa	Hợp Đồng	Chương Mỹ	2002
11	Làng nghề mây tre giang thôn Lam Điền	Lam Điền	Chương Mỹ	2002
12	Làng nghề mây tre đan thôn Trung Cao	Trung Hòa	Chương Mỹ	2004
13	Làng nghề mây tre giang đan thôn Yên Trường	Trường Yên	Chương Mỹ	2005
14	Làng nghề CB lương thực thực phẩm thôn Tháp Thượng	Song Phượng	Đan Phượng	2003
15	Làng nghề cơ khí thôn Thúy Hội	Tân Hội	Đan Phượng	2004
16	Làng nghề sản xuất bánh đa nem thôn Ngự Cầu	An Thượng	Hoài Đức	2003
17	Làng nghề dệt may, chế biến nông lâm sản Đồng Nhân	Đông La	Hoài Đức	2008

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Ghi chú
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
18	Làng nghề nhiếp ảnh truyền thống thôn Lai Xá	Kim Chung	Hoài Đức	2003
19	Làng nghề mây tre đan, thêu ren thôn Trê	Tuy Lai	Mỹ Đức	2003
20	Làng nghề mây tre đan giang đan xuất khẩu thôn Đông Mỹ	An Tiến	Mỹ Đức	2005
21	Làng nghề thêu xuất khẩu thôn Hoàn	Đông Tâm	Mỹ Đức	2007
22	Làng nghề thêu thôn Trì	Thượng Lâm	Mỹ Đức	2003
23	Làng nghề thêu thôn Nội	Thượng Lâm	Mỹ Đức	2002
24	Làng nghề dệt lưới chã thôn An Mỹ	Đại Thắng	Phú Xuyên	2004
25	Làng nghề mây tre đan guột té thôn Nhị Khê	Hoàng Long	Phú Xuyên	2007
26	Làng nghề mây tre đan guột té thôn Kim Long Trung	Hoàng Long	Phú Xuyên	2007
27	Làng nghề xây dựng thôn Kim Long Thượng	Hoàng Long	Phú Xuyên	2007
28	Làng nghề tơ lưới thôn Thao Ngoại	Sơn Hà	Phú Xuyên	2002
29	Làng nghề đan guột té thôn Trung Lập	Tri Trung	Phú Xuyên	2003
30	Làng nghề cốt nan thôn Văn Khê	Nghĩa Hương	Quốc Oai	2002
31	Làng nghề bánh tẻ thôn Phú Nhi	Phú Thịnh	Sơn Tây	2007
32	Làng nghề tương, miến thôn Cự Đà	Cự Khê	Thanh Oai	2004
33	Làng nghề chè tằm hương thôn Mạnh Kỳ	Hồng Dương	Thanh Oai	2004
34	Làng nghề khâu bóng thôn Song Khê	Tam Hưng	Thanh Oai	2007
35	Làng nghề khâu bóng thể thao thôn Song Khê	Tam Hưng	Thanh Oai	2008
36	Làng nghề chế biến lương thực thôn Nga My Thượng	Thanh Mai	Thanh Oai	2008
37	Làng nghề dệt truyền thống Triều Khúc	Tân Triều	Thanh Trì	2009
38	Làng nghề thêu Quất Động	Quất Động	Thường Tín	2001
39	Làng nghề thêu ren thôn Lưu Xá	Quất Động	Thường Tín	2004
40	Làng nghề thêu ren thôn Bì Hương	Quất Động	Thường Tín	2004
41	Làng nghề thêu ren thôn Quất Tinh	Quất Động	Thường Tín	2004
42	Làng nghề thêu ren thôn Đô Quan	Quất Động	Thường Tín	2004
43	Làng nghề thêu ren thôn Nguyên Bì	Quất Động	Thường Tín	2004
44	Làng nghề thêu ren thôn Đức Trạch	Quất Động	Thường Tín	2004
45	Làng nghề thêu ren thôn Quất Lâm	Quất Động	Thường Tín	2004
46	Làng nghề sơn mài thôn Duyên Trường	Duyên Thái	Thường Tín	2005
47	Làng nghề thêu thôn Từ Vân	Lê Lợi	Thường Tín	2002
48	Làng nghề tre đan thôn Xâm Dương I	Ninh Sở	Thường Tín	2001
49	Làng nghề tre đan thôn Xâm Dương II	Ninh Sở	Thường Tín	2002
50	Làng nghề tre đan thôn Đại Lộ	Ninh Sở	Thường Tín	2002
51	Làng nghề thêu thôn Đào Xá	Thắng Lợi	Thường Tín	2001
53	Làng nghề thêu xuất khẩu Phương Cù	Thắng Lợi	Thường Tín	2003

TT	Làng nghề, làng nghề truyền thống	Địa chỉ		Ghi chú
		Xã/phường/ thị trấn	Quận/huyện/ thị xã	
II	Làng nghề truyền thống			
1	Làng nghề truyền thống mộc dân dụng và chế biến lâm sản Ngô Sài	Quốc Oai	Quốc Oai	2015
2	Làng nghề truyền thống mộc dân dụng và đục chạm gỗ cao cấp thôn Yên Quán	Tân Phú	Quốc Oai	2013
3	Làng nghề truyền thống Mây tre đan Xuân Dương	Kim Lũ	Sóc Sơn	2009
4	Làng nghề Truyền Thống tre trúc Thu Thủy	Xuân Thu	Sóc Sơn	2009
5	Làng nghề truyền thống cốm Mễ Trì	Mễ Trì	Nam Từ Liêm	2016
6	Làng nghề truyền thống nuôi rắn Lệ Mật	Việt Hưng	Long Biên	2010
7	Làng nghề đan lát Nam Cường	Tam Đồng	Mê Linh	2006
Tổng: 3 làng nghề, LNTT bị mai một, 60 làng nghề, LNTT có nguy cơ mai một				

Phụ lục 4. Danh sách các làng nghề có tiềm năng gắn với phát triển du lịch

TT	Làng nghề	Địa điểm
1	Làng nghề truyền thống gốm sứ Bát Tràng	Bát Tràng, Gia Lâm
2	Làng nghề dệt lụa tơ tằm Vạn Phúc	P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông
3	Làng nghề sơn khảm trai Chuyên Mỹ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên
4	Làng nghề điêu khắc Dư Dụ.	Thanh Thùy, Thanh Oai
5	Làng nghề mây tre đan Phú Vinh	Phú Nghĩa, Chương Mỹ
6	Làng nghề điêu khắc sơn mỹ nghệ thôn Sơn Đồng	Sơn Đồng, Hoài Đức
7	Làng nghề sơn mài thôn Hạ Thái	Duyên Thái, Thường Tín
8	Làng nghề dát vàng, bạc, quý và may da Kiều Ky	Kiều Ky, Gia Lâm
9	Làng nghề thêu ren Thăng Lợi	Thăng Lợi, Thường Tín
10	Làng nghề truyền thống gỗ, mỹ nghệ Thiết Úng	Vân Hà, Đông Anh
11	Làng nghề may áo dài truyền thống thôn Trạch Xá	Hòa Lâm, Ứng Hòa
12	Làng nghề tiện Nhị Khê	Nhị Khê, Thường Tín
13	Làng nghề may Thượng Hiệp	Tam Hiệp, Phúc Thọ
14	Làng nghề dệt Phùng Xá	Phùng Xá, Mỹ Đức
15	Làng nghề nặn tò he Xuân La	Phượng Dục, Phú Xuyên
16	Làng nghề rắn Lệ Mật	P. Việt Hưng, Q. Long Biên
17	Làng nghề sinh vật cảnh Hồng Vân	Xã Hồng Vân, huyện Thường Tín
18	Các làng nghề may com lê Vân Từ	Xã Vân Từ, huyện Phú Xuyên
19	Làng nghề Lược sừng Thụy Ứng	Xã Hòa Bình, huyện Thường Tín
20	Làng nghề Mộc cao cấp Vạn Diễm	Xã Vạn Diễm, huyện Thường Tín
21	Làng nghề giày da Phú Yên	Xã Phú Yên, huyện Phú Xuyên
22	Làng nghề nón lá làng chuông	Xã Phương Trung, Thanh Oai
23	Làng nghề giỏ chả xã Tân Ước	Xã Tân Ước, Thanh Oai
24	Làng nghề hoa, cây cảnh Hạ Lôi	Xã Mê Linh, Mê Linh
25	Làng nghề hoa, cây cảnh Liễu Trì	Xã Mê Linh, Mê Linh
26	Làng hoa cúc thôn Đại Bái	Xã Đại Thịnh, Mê Linh
27	Làng nghề Trồng hoa Mai trắng	Xã Tân Lĩnh, huyện Ba Vì
28	Làng nghề truyền thống thuốc nam dân tộc Dao thôn An Hòa	Xã Ba Vì, huyện Ba Vì
29	Làng nghề truyền thống thuốc nam dân tộc Dao thôn Hợp Nhất	Xã Ba Vì, huyện Ba Vì
30	Làng nghề truyền thống thuốc nam dân tộc Dao thôn Hợp Sơn	Xã Ba Vì, huyện Ba Vì
31	Làng nghề truyền thống chế biến chè búp khô Đá Chông	Xã Minh Quang, huyện Ba Vì
32	Làng nghề truyền thống chế biến chè Phú Yên	Xã Yên Bài, huyện Ba Vì
33	Làng nghề chế biến chè khô thôn Búi Thông	Xã Ba Trại, huyện Ba Vì
34	Làng nghề chế biến chè khô thôn Đô Trám	Xã Ba Trại, huyện Ba Vì
35	Làng nghề chế biến chè khô thôn Trại Khoai	Xã Ba Trại, huyện Ba Vì
36	Làng nghề chế biến chè khô thôn Trung Sơn	Xã Ba Trại, huyện Ba Vì
37	Làng nghề chế biến chè khô thôn Đồi	Xã Ba Trại, huyện Ba Vì
38	Làng nghề chế biến chè búp khô thôn Đồi Thông dưới	Xã Ba Trại, huyện Ba Vì
39	Làng nghề bánh tẻ Phú Nhi	Phường Phú Thịnh, Thị xã Sơn Tây
40	Nghề Diều sáo tại thôn Bá Dương Nội,	Xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng

TT	Làng nghề	Địa điểm
41	Làng nghề truyền thống chế biến lương thực thực phẩm thôn Trúng Đích,	Xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng.